UBND TỈNH ĐỒNG THÁP
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 339/QĐ-SYT

Đồng Tháp, ngày 27 tháng 3 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt danh mục kỹ thuật được triển khai thực hiện tại Trung tâm y tế huyện Lấp Vò năm 2018

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ ĐỒNG THÁP

Căn cứ Quyết định số: 42/2016/QĐ-UBND, ngày 26 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc ban hành Qui định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế Đồng Tháp;

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế Quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; Thông tư số 50/2014/TT-BYT ngày 26/12/2014 của Bộ Y tế Quy định việc phân loại phẫu thuật, thủ thuật và định mức nhân lực trong từng ca phẫu thuật, thủ thuật; Thông tư số 21/2017/TT-BYT ngày 10/05/2017 của Bộ Y tế về việc sửa đổi bổ sung danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh ban hành kèm Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Xét Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động khi thay đổi tên đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Trung tâm y tế huyện Lấp Vò;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Y Sở Y tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh được triển khai thực hiện tại Trung tâm y tế huyện Lấp Vò năm 2018, gồm: 2409 kỹ thuật, trong đó: 2361 kỹ thuật đúng tuyến và 48 kỹ thuật vượt tuyến *(phụ lục kèm theo).*

Điều 2. Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh được phê duyệt là cơ sở pháp lý cho việc thực hiện kỹ thuật, thanh toán viện phí, bảo hiểm y tế, chuyển tuyến và để đơn vị phấn đấu phát triển chuyên môn kỹ thuật.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở Y tế, Trưởng phòng Nghiệp vụ Y Sở Y tế, Chánh Thanh tra Sở Y tế và Giám đốc Trung tâm y tế huyện Lấp Vò chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- BHXH Tỉnh;
- Lưu: VT, NVY.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Người ký: Sở Y tế
Email: syt@dongthap.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Đồng Tháp
Thời gian ký: 14.05.2018 10:57:01 +07:00

Tạ Tùng Lâm

DANH MỤC KỸ THUẬT ĐƯỢC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN TẠI TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LẤP VÒ NĂM 2018

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 339/QĐ-SYT, ngày 27 /3/2018 của Sở Y tế Đồng Tháp).

1. Danh mục kỹ thuật đúng tuyến: 2361 kỹ thuật.

Stt	TT theo TT	Tên kỹ thuật	Tuyến kỹ thuật			
			A	B	C	D
I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC						
		A. TUẦN HOÀN				
1	1	Theo dõi huyết áp liên tục không xâm nhập tại giường ≤ 8 giờ	x	x	x	
2	2	Ghi điện tim cấp cứu tại giường	x	x	x	
3	3	Theo dõi điện tim cấp cứu tại giường liên tục ≤ 8 giờ	x	x	x	
4	5	Làm test phục hồi máu mao mạch	x	x	x	x
5	6	Đặt catheter tĩnh mạch ngoại biên	x	x	x	x
6	10	Chăm sóc catheter tĩnh mạch	x	x	x	
7	12	Đặt đường truyền vào xương (qua đường xương)	x	x	x	
8	18	Siêu âm tim cấp cứu tại giường	x	x	x	
9	20	Siêu âm dẫn đường đặt catheter tĩnh mạch tại giường	x	x	x	
10	28	Theo dõi SPO_2 liên tục tại giường ≤ 8giờ	x	x	x	x
12	34	Hồi phục nhịp xoang cho người bệnh loạn nhịp bằng thuốc	x	x	x	
13	39	Hạ HA chỉ huy ≤ 8giờ	x	x	x	
14	40	Dùng thuốc chống đông	x	x	x	
15	50	Liệu pháp insulin liều cao điều trị ngộ độc (để nâng HA) ≤ 8giờ	x	x	x	
16	51	Hồi sức chống sốc ≤ 8giờ	x	x	x	x
		B. HÔ HẤP				
17	52	Cầm chảy máu ở lổ mũi sau bằng ống thông có bóng chèn	x	x	x	x
18	*53*	Đặt canuyn mũi hầu,miệng hầu	x	x	x	x
19	54	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mỡ khí quản bằng ống thông một lần ở người bệnh không thở máy (một lần hút)	x	x	x	x
20	57	Thở oxy qua gọng kính (≤ 8giờ)	x	x	x	x
21	58	Thở oxy qua mặt nạ không có túi (≤ 8giờ)	x	x	x	x
22	59	Thở oxy qua mặt nạ có túi có hít lại (túi không có van) (≤ 8giờ)	x	x	x	x

Stt	TT theo TT	Tên kỹ thuật	Tuyến kỹ thuật			
			A	B	C	D
23	60	Thở oxy qua mặt nạ có túi không hít lại (túi có van) (≤ 8giờ)	x	x	x	x
24	61	Thở oxy qua ống chữ T (T –tube) (≤ 8giờ)	x	x	x	x
25	62	Thở oxy dài hạn điều trị suy hô hấp mạn tính ≤ 8giờ	x	x	x	x
26	63	Thở oxy qua mặt nạ venturi (≤ 8giờ)	x	x	x	
27	64	Thủ thuật Heimlich(lấy dị vật đường thở) cho người lớn và trẻ em	x	x	x	x
28	65	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ	x	x	x	x
29	66	Đặt ống nội khí quản	x	x	x	
30	68	Đặt nội khí quản cấp cứu bằng Combitube	x	x	x	
31	69	Đặt mặt nạ thanh quản cấp cứu	x	x	x	
32	71	Mở khí quản cấp cứu	x	x	x	
33	72	Mở khí quản qua màng nhẫn giáp	x	x	x	
34	73	Mở khí quản thường quy	x	x	x	
35	74	Mở khí quản qua da một thì cấp cứu ngạt thở	x	x	x	
36	75	Chăm sóc ống nội khí quản (một lần)	x	x	x	
37	76	Chăm sóc lỗ mỡ khí quản (một lần)	x	x	x	
38	77	Thay ống nội khí quản	x	x	x	
39	78	Rút ống nội khí quản	x	x	x	
40	79	Rút canuyn khí quản	x	x	x	
41	80	Thay canuyn mỡ khí quản	x	x	x	
42	81	Đánh giá mức độ nặng của cơn hen phế quản bằng peak flow meter	x	x	x	x
43	82	Đánh giá mức độ nặng của COPD bằng FEV1 (một lần)	x	x	x	x
44	85	Vận động trị liệu hô hấp	x	x	x	
45	86	Khí dung thuốc cấp cứu (một lần)	x	x	x	
46	88	Làm ẩm đường thở qua máy phun sương mù	x	x	x	
47	89	Đặt canuyn mỡ khí quản O_2 nòng	x	x	x	x
48	91	Chọc hút dịch khí phế quản qua màng nhẫn giáp	x	x	x	
49	93	Chọc hút dịch- khí màng phổi bằng kim hay catheter	x	x	x	
50	94	Dẫn lưu khí màng phổi áp lực thấp ≤ 8 giờ	x	x	x	
51	97	Dẫn lưu màng phổi liên tục ≤ 8 giờ	x	x	x	
52	128	Thông khí nhân tạo không xâm nhập ≤ 8 giờ	x	x	x	
53	129	Thông khí nhân tạo CPAP qua van Boussignac ≤ 8 giờ	x	x	x	
54	130	Thông khí nhân tạo không xâm nhập phương thức CPAP ≤ 8 giờ	x	x	x	
55	131	Thông khí nhân tạo không xâm nhập phương thức BiPAP ≤ 8 giờ	x	x	x	
56	144	Thông khí nhân tạo trong khi vận chuyển	x	x	x	

Stt	TT theo TT	Tên kỹ thuật	Tuyến kỹ thuật			
			A	B	C	D
57	144	Thông khí nhân tạo trong khi vận chuyển	x	x	x	
58	151	Kỹ thuật thử nghiệm tự thở CPAP				
59	154	Theo dõi các thông số cơ học phổi ≤ 8 giờ	x	x	x	
60	157	Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn	x	x	x	x
61	158	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản	x	x	x	x
62	159	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp nâng cao	x	x	x	
		C. THẬN- LỌC MÁU				
63	160	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang	x	x	x	x
64	161	Chọc hút nước tiểu trên xương mu	x	x	x	
65	162	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang trên khớp vệ	x	x	x	
66	163	Mở thông bàng quang trên xương mu	x	x	x	
67	164	Thông bàng quang	x	x	x	x
68	165	Rửa bàng quang lấy máu cục	x	x	x	
69	166	Vận động trị liệu bàng quang	x	x	x	
70	170	Bài niệu cưỡng bức ≤ 8 giờ	x	x	x	
71	171	Kiềm hóa nước tiểu tăng thải trừ chất độc ≤ 8 giờ	x	x	x	
		D. THẦN KINH				
72	201	Soi đáy mắt cấp cứu	x	x	x	
73	202	Chọc dịch tuỷ sống	x	x	x	
74	211	Vận động trị liệu cho người bệnh bất động tại giường ≤ 8 giờ	x	x	x	
75	213	Điều trị co giật liên tục ≤ 8 giờ	x	x	x	
76	214	Điều trị giãn cơ trong cấp cứu ≤ 8 giờ	x	x	x	
		Đ. TIÊU HOÁ				
77	215	Gây nôn cho người bệnh ngộ độc qua đường tiêu hóa	x	x	x	x
78	216	Đặt ống thông dạ dày	x	x	x	x
79	218	Rửa dạ dày cấp cứu	x	x	x	x
80	221	Thụt tháo	x	x	x	x
81	222	Thụt giữ	x	x	x	x
82	223	Đặt ống thông hậu môn	x	x	x	x
83	224	Cho ăn qua ống thông dạ dày (một lần)	x	x	x	x
84	225	Nuôi dưỡng người bệnh qua ống thông dạ dày bằng bơm tay (một lần)	x	x	x	x
85	228	Nuôi dưỡng người bệnh qua lỗ mở dạ dày (một lần)	x	x	x	x
86	229	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên ≤ 8 giờ	x	x	x	x
87	230	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch trung tâm ≤ 8 giờ	x	x	x	
88	239	Siêu âm ổ bụng tại giường cấp cứu	x	x	x	
89	240	Chọc dò ổ bụng cấp cứu	x	x	x	

Stt	TT theo TT	Tên kỹ thuật	Tuyến kỹ thuật			
			A	B	C	D
90	241	Dẫn lưu dịch ổ bụng cấp cứu ≤ 8 giờ	x	x	x	
91	242	Rửa màng bụng cấp cứu	x	x	x	
92	243	Dẫn lưu ổ bụng trong viêm tuỵ cấp ≤ 8 giờ	x	x	x	
93	244	Chọc dẫn lưu ổ áp xe dưới siêu âm	x	x	x	
		E. TOÀN THÂN				
94	246	Đo lượng nước tiểu 24 giờ	x	x	x	x
95	247	Hạ thân nhiệt chỉ huy	x	x	x	
96	248	Nâng thân nhiệt chỉ huy	x	x	x	
97	249	Giải stress cho người bệnh	x	x	x	
98	250	Kiểm soát đau trong cấp cứu	x	x	x	
99	251	Lấy máu tĩnh mạch, tiêm thuốc tĩnh mạch (một lần chọc kim qua da)	x	x	x	x
100	252	Truyền thuốc, dịch tĩnh mạch ≤ 8 giờ	x	x	x	x
101	253	Lấy máu tĩnh mạch bẹn	x	x	x	x
102	254	Truyền máu và các chế phẩm máu	x	x	x	x
103	255	Kiểm soát pH máu bằng bicarbonate ≤ 8 giờ	x	x	x	
104	256	Điều chỉnh tăng/giảm kali máu bằng thuốc tĩnh mạch	x	x	x	
105	257	Điều chỉnh tăng/giảm natri máu bằng thuốc tĩnh mạch	x	x	x	
106	258	Kiểm soát tăng đường huyết chỉ huy ≤ 8 giờ	x	x	x	
107	259	Rửa mắt tẩy độc	x	x	x	
108	260	Chăm sóc mắt ở người bệnh hôn mê (một lần)	x	x	x	
109	261	Vệ sinh răng miệng đặc biệt (một lần)	x	x	x	x
110	262	Gội đầu cho người bệnh tại giường	x	x	x	x
111	263	Gội đầu tẩy độc cho người bệnh	x	x	x	x
112	264	Tắm cho người bệnh tại giường	x	x	x	x
113	265	Tắm tẩy độc cho người bệnh	x	x	x	x
114	266	Xoa bóp phòng chống loét	x	x	x	x
115	267	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng (một lần)	x	x	x	
116	268	Phục hồi chức năng vận động, nói, nuốt cho người bệnh cấp cứu £ 8 giờ	x	x	x	
117	269	Băng ép bất động sơ cứu rắn cắn	x	x	x	x
118	270	Ga rô hoặc băng ép cầm máu	x	x	x	x
119	271	Dùng thuốc kháng độc điều trị giải độc	x	x	x	
120	272	Sử dụng than hoạt đa liều cấp cứu ngộ độc ≤ 8 giờ	x	x	x	
121	274	Điều trị giải độc ngộ độc rượu cấp	x	x	x	
122	275	Băng bó vết thương	x	x	x	x
123	276	Cố định tạm thời người bệnh gãy xương	x	x	x	x
124	277	Cố định cột sống cổ bằng nẹp cứng	x	x	x	x
125	278	Vận chuyển người bệnh cấp cứu	x	x	x	x

Stt	TT theo TT	Tên kỹ thuật	Tuyến kỹ thuật			
			A	B	C	D
126	279	Vận chuyển người bệnh chấn thương cột sống thắt lưng	x	x	x	
127	280	Vận chuyển người bệnh nặng có thở máy	x	x	x	
		G. XÉT NGHIỆM				
128	281	Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường (một lần)	x	x	x	x
129	284	Định nhóm máu tại giường	x	x	x	x
130	285	Xét nghiệm đông máu nhanh tại giường	x	x	x	x
131	286	Đo các chất khí trong máu	x	x	x	
132	287	Đo lactat trong máu	x	x	x	
133	288	Định tính chất độc bằng test nhanh – một lần	x	x	x	
134	296	Phát hiện opiat bằng naloxone	x	x	x	
135	297	Định lượng nhanh Troponin T trong máu toàn phần tại chỗ bằng máy cầm tay	x	x	x	
136	298	Định lượng nhanh NT-ProBNP trong máu toàn phần tại chỗ bằng máy cầm tay	x	x	x	
137	299	Định lượng nhanh D-Dimer trong máu toàn phần tại chỗ bằng máy cầm tay	x	x	x	
138	300	Định lượng nhanh myoglobin trong máu toàn phần tại chỗ bằng máy cầm tay	x	x	x	
139	301	Định lượng nhanh CK-MB trong máu toàn phần tại chỗ bằng máy cầm tay	x	x	x	
		H. THĂM DÒ KHÁC				
140	303	Siêu âm cấp cứu tại giường bệnh	x	x	x	
141	304	Chụp X quang cấp cứu tại giường	x	x	x	
II NỘI KHOA						
		A. HÔ HẤP				
142	1	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ	x	x	x	x
143	4	Chăm sóc lỗ mở khí quản (một lần)	x	x	x	x
144	7	Chọc dò dịch màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x	x	
145	8	Chọc tháo dịch màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x	x	
146	9	Chọc dò dịch màng phổi	x	x	x	x
147	10	Chọc tháo dịch màng phổi	x	x	x	x
148	11	Chọc hút khí màng phổi	x	x	x	
149	14	Đánh giá mức độ nặng của cơn hen phế quản bằng peak flow meter	x	x	x	x
150	16	Đặt ống dẫn lưu khoang MP	x	x	x	
151	24	Đo chức năng hô hấp	x	x	x	x
152	28	Kỹ thuật ho có điều khiển	x	x	x	x
153	29	Kỹ thuật tập thở cơ hoành	x	x	x	x
154	30	Kỹ thuật ho khạc đờm bằng khí dung nước muối ưu trương	x	x	x	

Stt	TT theo TT	Tên kỹ thuật	Tuyến kỹ thuật			
			A	B	C	D
155	31	Kỹ thuật vỗ rung dẫn lưu tư thế	x	x	x	x
156	32	Khí dung thuốc giãn phế quản	x	x	x	x
157	33	Lấy máu động mạch quay làm xét nghiệm	x	x	x	
158	60	Nghiệm pháp đi bộ 6 phút	x	x	x	
159	61	Rút ống dẫn lưu màng phổi, ống dẫn lưu ổ áp xe	x	x	x	
160	63	Siêu âm màng phổi cấp cứu	x	x	x	
161	67	Thay canuyn mở khí quản	x	x	x	x
162	68	Vận động trị liệu hô hấp	x	x	x	x
		B. TIM MẠCH				
163	85	Điện tim thường	x	x	x	x
164	95	Holter điện tâm đồ	x	x	x	
165	96	Holter huyết áp	x	x	x	
166	97	Hồi phục nhịp xoang cho người bệnh loạn nhịp bằng thuốc	x	x	x	
167	111	Nghiệm pháp atropin	x	x	x	
168	112	Siêu âm Doppler mạch máu	x	x	x	
169	113	Siêu âm Doppler tim	x	x	x	
170	119	Siêu âm tim cấp cứu tại giường	x	x	x	
		C. THẦN KINH				
171	128	Chăm sóc mắt ở người bệnh liệt VII ngoại biên (một lần)	x	x	x	x
172	129	Chọc dò dịch não tuỷ	x	x	x	
173	149	Gội đầu cho người bệnh trong các bệnh thần kinh tại giường	x	x	x	
174	150	Hút đờm hầu họng	x	x	x	x
175	151	Lấy máu tĩnh mạch bẹn	x	x	x	
176	163	Thay băng các vết loét hoại tử rộng sau TBMMN	x	x	x	
177	164	Theo dõi SPO_2 liên tục tại giường	x	x	x	
178	165	Vệ sinh răng miệng bệnh nhân thần kinh tại giường	x	x	x	
179	166	Xoa bóp phòng chống loét trong các bệnh thần kinh (một ngày)	x	x	x	
		D. THẬN TIẾT NIỆU				
180	167	Chăm sóc sonde dẫn lưu bể thận qua da/lần	x	x	x	
181	168	Chăm sóc sonde dẫn lưu tụ dịch- máu quanh thận/lần	x	x	x	
182	172	Chăm sóc ống dẫn lưu bể thận qua da 24 giờ	x	x	x	
183	173	Chọc dò bể thận dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x	x	
184	175	Chọc hút dịch quanh thận dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x	x	
185	177	Chọc hút nước tiểu trên xương mu	x	x	x	
186	188	Đặt sonde bàng quang	x	x	x	
187	195	Đo lượng nước tiểu 24 giờ	x	x	x	
188	232	Rửa bàng quang lấy máu cục	x	x	x	

Stt	TT theo TT	Tên kỹ thuật	Tuyến kỹ thuật			
			A	B	C	D
189	233	Rửa bàng quang	x	x	x	
		Đ. TIÊU HÓA				
190	241	Cho ăn qua ống mở thông dạ dày hoặc hỗng tràng (một lần)	x	x	x	x
191	242	Chọc dò dịch ổ bụng xét nghiệm	x	x	x	
192	243	Chọc tháo dịch ổ bụng điều trị	x	x	x	
193	244	Đặt ống thông dạ dày	x	x	x	x
194	247	Đặt ống thông hậu môn	x	x	x	x
195	313	Rửa dạ dày cấp cứu	x	x	x	x
196	314	Siêu âm ổ bụng	x	x	x	x
197	317	Siêu âm can thiệp - Đặt ống thông dẫn lưu ổ áp xe	x	x	x	
198	325	Siêu âm can thiệp - chọc hút mủ ổ áp xe gan	x	x	x	
199	333	Siêu âm can thiệp - đặt ống thông dẫn lưu dịch màng bụng liên tục	x	x	x	
200	334	Siêu âm can thiệp - chọc hút ổ áp xe trong ổ bụng	x	x	x	
201	336	Test nhanh tìm hồng cầu ẩn trong phân	x	x	x	x
202	337	Thụt thuốc qua đường hậu môn	x	x	x	x
203	338	Thụt tháo chuẩn bị sạch đại tràng	x	x	x	x
204	339	Thụt tháo phân	x	x	x	x
		E. CƠ XƯƠNG KHỚP				
205	349	Hút dịch khớp gối	x	x	x	
206	363	Hút ổ viêm/ áp xe phần mềm	x	x	x	
207	431	Xét nghiệm Mucin test	x	x	x	
III NHI (Áp dụng riêng đối với chuyên ngành nhi)						
		I HỒI SỨC TÍCH CỰC CHỐNG ĐỘC				
		A. TUẦN HOÀN				
208	41	Siêu âm tim cấp cứu tại giường	x	x	x	
209	43	Siêu âm Doppler mạch máu cấp cứu	x	x	x	
210	44	Ghi điện tim cấp cứu tại giường	x	x	x	
211	45	Hạ huyết áp chỉ huy	x	x	x	
212	46	Theo dõi huyết áp liên tục tại giường	x	x	x	
213	47	Theo dõi điện tim liên tục tại giường	x	x	x	
214	48	Hồi phục nhịp xoang cho người bệnh loạn nhịp	x	x	x	
215	49	Chăm sóc catheter tĩnh mạch	x	x	x	
216	51	Ép tim ngoài lồng ngực	x	x	x	x
		B. HÔ HẤP				
217	77	Đặt ống nội khí quản	x	x	x	
218	78	Mở khí quản	x	x	x	
219	82	Thở máy không xâm nhập (thở CPAP, Thở BIPAP)	x	x	x	

Stt	TT theo TT	Tên kỹ thuật	Tuyến kỹ thuật			
			A	B	C	D
220	87	Theo dõi độ bão hòa ô xy (SPO2) liên tục tại giường	x	x	x	
221	88	Thăm dò chức năng hô hấp	x	x	x	
222	89	Khí dung thuốc cấp cứu	x	x	x	
223	90	Khí dung thuốc thở máy	x	x	x	
224	95	Mở khí quản một thì cấp cứu ngạt thở	x	x	x	
225	96	Mở khí quản qua da cấp cứu	x	x	x	
226	100	Rút catheter khí quản	x	x	x	
227	101	Thay canuyn mở khí quản	x	x	x	
228	102	Chăm sóc lỗ mở khí quản	x	x	x	
229	103	Làm ẩm đường thở qua máy phun sương mù	x	x	x	
230	104	Mở màng giáp nhẫn cấp cứu	x	x	x	x
231	105	Thổi ngạt	x	x	x	x
232	106	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ	x	x	x	x
233	107	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở)	x	x	x	x
234	108	Thở oxy gọng kính	x	x	x	x
235	109	Thở oxy lưu lượng cao qua mặt nạ không túi	x	x	x	x
236	110	Thở oxy qua mặt nạ có túi	x	x	x	x
237	111	Thở oxy qua ống chữ T (T-tube)	x	x	x	x
238	112	Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn	x	x	x	x
239	113	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp	x	x	x	x
		C.THẬN – LỌC MÁU				
240	125	Chọc hút nước tiểu trên xương mu	x	x	x	
241	129	Mở thông bàng quang trên xương mu	x	x	x	
242	130	Vận động trị liệu bàng quang	x	x	x	
243	131	Rửa bàng quang lấy máu cục	x	x	x	
244	132	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang	x	x	x	
245	133	Thông tiểu	x	x	x	x
246	134	Hồi sức chống sốc	x	x	x	x
		D. THẦN KINH				
247	137	Xử trí tăng áp lực nội sọ	x	x	x	
248	148	Chọc dịch tuỷ sống	x	x	x	
249	149	Điều trị co giật liên tục (điều trị trạng thái động kinh)	x	x	x	
250	150	Vận động trị liệu cho người bệnh bất động tại giường	x	x	x	x
251	151	Điều trị giãn cơ trong cấp cứu	x	x	x	
252	152	Soi đáy mắt cấp cứu	x	x	x	
		Đ. TIÊU HÓA				
253	163	Chọc dẫn lưu ổ áp xe dưới siêu âm	x	x	x	
254	164	Dẫn lưu ổ bụng cấp cứu	x	x	x	
255	165	Chọc dò ổ bụng cấp cứu	x	x	x	

Stt	TT theo TT	Tên kỹ thuật	Tuyến kỹ thuật			
			A	B	C	D
256	167	Đặt ống thông dạ dày	x	x	x	
257	168	Rửa dạ dày cấp cứu	x	x	x	
258	171	Siêu âm ổ bụng tại giường cấp cứu	x	x	x	
259	172	Cho ăn qua ống thông dạ dày	x	x	x	
260	173	Rửa dạ dày bằng ống Faucher và qua túi kín	x	x	x	
261	175	Nuôi dưỡng người bệnh qua lỗ mở dạ dày	x	x	x	
262	176	Nuôi dưỡng người bệnh qua catheter hỗng tràng	x	x	x	
263	178	Đặt sonde hậu môn	x	x	x	x
264	179	Thụt tháo phân	x	x	x	x
265	180	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên	x	x	x	x
266	181	Nuôi dưỡng người bệnh qua Catheter thực quản dạ dày băng bơm tay	x	x	x	x
		E. TOÀN THÂN				
267	185	Nâng thân nhiệt chủ động	x	x	x	
268	187	Kiểm soát đau trong cấp cứu	x	x	x	
269	188	Siêu âm đen trắng tại giường bệnh Siêu âm màu tại giuòng	x	x	x	
270	189	Chụp X quang cấp cứu tại giường	x	x	x	
271	190	Lấy máu động mạch quay làm xét nghiệm khí máu	x	x	x	
272	191	Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường	x	x	x	
273	192	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng	x	x	x	
274	193	Truyền máu và các chế phẩm máu	x	x	x	
275	194	Tắm cho người bệnh tại giường	x	x	x	x
276	195	Tắm tẩy độc cho người bệnh	x	x	x	x
277	196	Gội đầu cho người bệnh tại giường	x	x	x	x
278	197	Gội đầu tẩy độc cho người bệnh	x	x	x	x
279	198	Vệ sinh răng miệng đặc biệt	x	x	x	x
280	199	Xoa bóp phòng chống loét	x	x	x	x
281	200	Cố định cột sống cổ bằng nẹp cứng	x	x	x	x
282	201	Cố định tạm thời người bệnh gãy xương	x	x	x	x
283	202	Băng bó vết thương	x	x	x	x
284	203	Cầm máu (vết thương chảy máu)	x	x	x	x
285	204	Vận chuyển người bệnh an toàn	x	x	x	x
286	206	Định nhóm máu tại giường	x	x	x	~~x~~
287	207	Chăm sóc mắt ở người bệnh hôn mê	x	x	x	x
288	208	Lấy máu tĩnh mạch bẹn	x	x	x	x
289	209	Truyền dịch vào tủy xương	x	x	x	
290	210	Tiêm truyền thuốc	x	x	x	x

Stt	TT theo TT	Tên kỹ thuật	Tuyến kỹ thuật			
			A	B	C	D
		G. XÉT NGHIỆM ĐỘC CHẤT NHANH				
291	219	Phát hiện opiat bằng Naloxone	x	x	x	
202	223	Định lượng nhanh D-Dimer trong máu toàn phần tại chỗ bằng máy cầm tay	x	x	x	
		II. TÂM THẦN				
293	237	Trắc nghiệm tâm lý Beck	x	x	x	
294	238	Trắc nghiệm tâm lý Zung	x	x	x	
295	239	Trắc nghiệm tâm lý Raven	x	x	x	
296	240	Trắc nghiệm tâm lý Wais và Wics (thang Weschler)	x	x	x	
297	242	Liệu pháp thư giãn luyện tập	x	x	x	
298	245	Liệu pháp thư giãn luyện tập	x	x	x	
299	246	Điều trị thay thế nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc methadone	x	x	x	
300	247	Nghiệm pháp Naloxone chẩn đoán hội chứng cai các chất dạng thuốc phiện	x	x	x	
301	248	Điều trị chống tái nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng naltrexon	x	x	x	
302	249	Trắc nghiệm tâm lý Hamilton	x	x	x	
303	250	Thang đánh giá tâm thần tối thiểu (MMSE)	x	x	x	
304	251	Thang đánh giá tâm thần rút gọn (BPRS)	x	x	x	
305	252	Thang đánh giá triệu chứng dương tính và âm tính (PANSS)	x	x	x	
306	253	Thang đánh giá triệu chứng ngoại tháp (SIMPSON)	x	x	x	
307	254	Thang đánh giá ấn tượng lâm sàng chung (CGI)	x	x	x	
308	255	Xử trí trạng thái loạn trương lực cơ cấp	x	x	x	
309	257	Xử trí người bệnh kích động	x	x	x	
310	258	Xử trí hội chứng an thần kinh ác tính	x	x	x	
311	259	Xử trí người bệnh không ăn	x	x	x	
312	260	Xử trí ngộ độc thuốc hướng thần	x	x	x	
313	261	Liệu pháp tâm lý nhóm	x	x	x	
314	262	Liệu pháp tâm lý gia đình	x	x	x	
315	263	Liệu pháp tái thích ứng xã hội	x	x	x	
316	264	Tư vấn tâm lí cho người bệnh và gia đình	x	x	x	
317	265	Điều trị hỗ trợ cắt cơn cai các chất dạng thuốc phiện bằng các thuốc hướng thần	x	x	x	
318	266	Liệu pháp giải thích hợp lý	x	x	x	
319	267	Liệu pháp lao động	x	x	x	x
320	268	Cấp cứu người bệnh tự sát	x	x	x	x
321	269	Xử trí dị ứng thuốc hướng thần	x	x	x	x
322	270	Test nhanh phát hiện chất opiats trong nước tiểu	x	x	x	x

Stt	TT theo TT	Tên kỹ thuật	Tuyến kỹ thuật			
			A	B	C	D
		III. Y HỌC CỔ TRUYỀN				
		A. KỸ THUẬT CHUNG				
323	281	Ngâm thuốc YHCT toàn thân	x	x	x	
324	282	Xông hơi thuốc	x	x	x	x
325	283	Xông khói thuốc	x	x	x	x
326	284	Sắc thuốc thang	x	x	x	x
327	285	Ngâm thuốc YHCT bộ phận	x	x	x	x
328	286	Đặt thuốc YHCT	x	x	x	x
329	287	Bó thuốc	x	x	x	x
330	288	Chườm ngải	x	x	x	x
331	289	Hào châm	x	x	x	x
332	290	Nhĩ châm	x	x	x	x
333	291	Ôn châm	x	x	x	x
334	292	Chích lể	x	x	x	x
335	293	Luyện tập dưỡng sinh	x	x	x	x
		B. ĐIỆN MÃNG CHÂM				
336	294	Điện mãng châm điều trị liệt sau giai đoạn cấp	x	x	x	
337	295	Điện mãng châm điều trị liệt chi trên	x	x	x	
338	296	Điện mãng châm điều trị liệt chi dưới	x	x	x	
339	297	Điện mãng châm điều trị liệt nửa người	x	x	x	
340	298	Điện mãng châm điều trị liệt do bệnh của cơ	x	x	x	
341	299	Điện mãng châm điều trị bệnh lý các dây thần kinh	x	x	x	
342	300	Điện mãng châm điều trị teo cơ	x	x	x	
343	301	Điện mãng châm điều trị đau thần kinh toạ	x	x	x	
344	312	Điện mãng châm điều trị liệt VII ngoại biên	x	x	x	
345	330	Điện mãng châm điều trị thoái hoá khớp	x	x	x	
346	331	Điện mãng châm điều trị đau lưng	x	x	x	
347	332	Điện mãng châm điều trị đau mỏi cơ	x	x	x	
348	333	Điện mãng châm điều trị viêm quanh khớp vai	x	x	x	
349	334	Điện mãng châm điều trị hội chứng vai gáy	x	x	x	
350	347	Điện mãng châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	x	x	x	
		C. ĐIỆN NHĨ CHÂM				
351	351	Điện nhĩ châm điều trị liệt chi trên	x	x	x	
352	352	Điện nhĩ châm điều trị liệt chi dưới	x	x	x	
353	353	Điện nhĩ châm điều trị đau thần kinh tọa	x	x	x	
354	354	Điện nhĩ châm điều trị liệt nửa người	x	x	x	
355	355	Điện nhĩ châm điều trị bại não	x	x	x	
356	356	Điện nhĩ châm điều trị liệt do bệnh của cơ	x	x	x	
357	357	Điện nhĩ châm điều trị bệnh tự kỷ	x	x	x	

Stt	TT theo TT	Tên kỹ thuật	Tuyến kỹ thuật			
			A	B	C	D
358	358	Điện nhĩ châm điều trị chứng ù tai	x	x	x	
359	359	Điện nhĩ châm điều trị giảm khứu giác	x	x	x	
360	360	Điện nhĩ châm điều trị chứng nói ngọng, nói lắp	x	x	x	
361	361	Điện nhĩ châm điều trị khàn tiếng	x	x	x	
362	362	Điện nhĩ châm cai thuốc lá	x	x	x	
363	366	Điện nhĩ châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu	x	x	x	
364	367	Điện nhĩ châm điều trị mất ngủ	x	x	x	
365	368	Điện nhĩ châm điều trị thiếu máu não mạn tính	x	x	x	
366	369	Điện nhĩ châm điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh	x	x	x	
367	370	Điện nhĩ châm điều trị tổn thương dây thần kinh V	x	x	x	
368	371	Điện nhĩ châm điều trị liệt dây thần kinhVII ngoại biên	x	x	x	
369	372	Điện nhĩ châm điều trị chắp lẹo	x	x	x	
370	373	Điện nhĩ châm điều trị sụp mi	x	x	x	
371	374	Điện nhĩ châm điều trị bệnh hố mắt	x	x	x	
372	375	Điện nhĩ châm điều trị viêm kết mạc	x	x	x	
373	376	Điện nhĩ châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	x	x	x	
374	377	Điện nhĩ châm điều trị lác	x	x	x	
375	378	Điện nhĩ châm điều trị giảm thị lực	x	x	x	
376	379	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng	x	x	x	
377	380	Điện nhĩ châm điều trị giảm thính lực	x	x	x	
378	381	Điện nhĩ châm điều trị thất ngôn	x	x	x	
379	382	Điện nhĩ châm điều trị viêm xoang	x	x	x	
380	383	Điện nhĩ châm điều trị viêm mũi dị ứng	x	x	x	
381	384	Điện nhĩ châm điều trị hen phế quản	x	x	x	
382	385	Điện nhĩ châm điều trị tăng huyết áp	x	x	x	
383	386	Điện nhĩ châm điều trị huyết áp thấp	x	x	x	
384	387	Điện nhĩ châm điều trị đau thần kinh liên sườn	x	x	x	
385	388	Điện nhĩ châm điều trị đau ngực, sườn	x	x	x	
386	389	Điện nhĩ châm điều trị trĩ	x	x	x	
387	391	Điện nhĩ châm điều trị đau dạ dày	x	x	x	
388	392	Điện nhĩ châm điều trị nôn, nấc	x	x	x	
389	393	Điện nhĩ châm điều trị đau lưng	x	x	x	
390	394	Điện nhĩ châm điều trị đau mỏi cơ	x	x	x	
391	395	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng vai gáy	x	x	x	
392	396	Điện nhĩ châm điều trị đái dầm	x	x	x	
393	397	Điện nhĩ châm điều trị bí đái	x	x	x	
394	398	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật	x	x	x	

Stt	TT theo TT	Tên kỹ thuật	Tuyến kỹ thuật			
			A	B	C	D
395	399	Điện nhĩ châm điều trị béo phì	x	x	x	
396	400	Điện nhĩ châm điều trị bướu cổ đơn thuần	x	x	x	
397	401	Điện nhĩ châm điều trị giảm đau sau phẫu thuật	x	x	x	
398	402	Điện nhĩ châm điều trị giảm đau ung thư	x	x	x	
399	403	Điện nhĩ châm điều trị đau răng	x	x	x	
		D. CẤY CHỈ				
400	404	Cấy chỉ điều trị di chứng bại liệt	x	x	x	
401	405	Cấy chỉ điều trị liệt chi trên	x	x	x	
402	406	Cấy chỉ điều trị liệt chi dưới	x	x	x	
403	407	Cấy chỉ điều trị liệt nửa người	x	x	x	
404	408	Cấy chỉ điều trị liệt do bệnh của cơ	x	x	x	
405	409	Cấy chỉ châm điều trị liệt các dây thần kinh	x	x	x	
406	410	Cấy chỉ điều trị teo cơ	x	x	x	
407	411	Cấy chỉ điều trị đau thần kinh toạ	x	x	x	
408	412	Cấy chỉ điều trị bại não	x	x	x	
409	413	Cấy chỉ điều trị bệnh tự kỷ	x	x	x	
410	414	Cấy chỉ điều trị chứng ù tai	x	x	x	
411	415	Cấy chỉ điều trị giảm khứu giác	x	x	x	
412	416	Cấy chỉ điều trị chứng nói ngọng, nói lắp	x	x	x	
413	417	Cấy chỉ điều trị khàn tiếng	x	x	x	
414	418	Cấy chỉ cai thuốc lá	x	x	x	
415	420	Cấy chỉ điều trị bệnh tâm căn suy nhược	x	x	x	
416	421	Cấy chỉ điều trị hội chứng ngoại tháp	x	x	x	
417	422	Cấy chỉ điều trị động kinh	x	x	x	
418	423	Cấy chỉ điều trị đau đầu, đau nửa đầu	x	x	x	
419	424	Cấy chỉ điều trị mất ngủ	x	x	x	
420	425	Cấy chỉ điều trị thiếu máu não mạn tính	x	x	x	
421	426	Cấy chỉ điều trị tổn thương dây, rễ và đám rối thần kinh	x	x	x	
422	427	Cấy chỉ điều trị tổn thương dây thần kinh V	x	x	x	
423	428	Cấy chỉ điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên	x	x	x	
424	429	Cấy chỉ điều trị giảm thị lực do teo gai thị	x	x	x	
425	430	Cấy chỉ điều trị rối loạn tiền đình	x	x	x	
426	431	Cấy chỉ điều trị giảm thính lực	x	x	x	
427	432	Cấy chỉ điều trị thất ngôn	x	x	x	
428	433	Cấy chỉ điều trị viêm xoang	x	x	x	
429	434	Cấy chỉ điều trị viêm mũi dị ứng	x	x	x	
430	435	Cấy chỉ điều trị hen phế quản	x	x	x	
431	436	Cấy chỉ điều trị huyết áp thấp	x	x	x	
432	437	Cấy chỉ điều trị đau thần kinh liên sườn	x	x	x	

Stt	TT theo TT	Tên kỹ thuật	Tuyến kỹ thuật			
			A	B	C	D
433	438	Cấy chỉ điều trị đau ngực, sườn	x	x	x	
434	439	Cấy chỉ điều trị trĩ	x	x	x	
435	440	Cấy chỉ điều trị sa dạ dày	x	x	x	
436	441	Cấy chỉ điều trị đau dạ dày	x	x	x	
437	442	Cấy chỉ điều trị nôn, nấc	x	x	x	
438	443	Cấy chỉ điều trị dị ứng	x	x	x	
439	444	Cấy chỉ điều trị viêm khớp dạng thấp	x	x	x	
440	445	Cấy chỉ điều trị thoái hoá khớp	x	x	x	
441	446	Cấy chỉ điều trị đau lưng	x	x	x	
442	447	Cấy chỉ điều trị đau mỏi cơ	x	x	x	
443	448	Cấy chỉ điều trị viêm quanh khớp vai	x	x	x	
444	449	Cấy chỉ điều trị hội chứng vai gáy	x	x	x	
445	450	Cấy chỉ điều trị viêm co cứng cơ delta	x	x	x	
446	451	Cấy chỉ điều trị đại, tiểu tiện không tự chủ	x	x	x	
447	452	Cấy chỉ điều trị táo bón	x	x	x	
448	453	Cấy chỉ điều trị đái dầm	x	x	x	
449	454	Cấy chỉ điều trị bí đái	x	x	x	
450	455	Cấy chỉ điều trị rối loạn thần kinh thực vật	x	x	x	
451	456	Cấy chỉ điều trị bướu cổ đơn thuần	x	x	x	
452	457	Cấy chỉ điều trị rối loạn chức năng do chấn thương sọ não	x	x	x	
453	458	Cấy chỉ điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	x	x	x	
454	459	Cấy chỉ điều trị giảm đau sau phẫu thuật	x	x	x	
455	460	Cấy chỉ điều trị giảm đau do ung thư	x	x	x	
		Đ - ĐIỆN CHÂM				
456	461	Điện châm điều trị di chứng bại liệt	x	x	x	x
457	462	Điện châm điều trị liệt chi trên	x	x	x	x
458	463	Điện châm điều trị liệt chi dưới	x	x	x	x
459	464	Điện châm điều trị liệt nửa người	x	x	x	x
460	465	Điện châm điều trị liệt do bệnh của cơ	x	x	x	x
461	466	Điện châm điều trị teo cơ	x	x	x	x
462	467	Điện châm điều trị đau thần kinh toạ	x	x	x	x
463	468	Điện châm điều trị bại não	x	x	x	x
464	469	Điện châm điều trị bệnh tự kỷ	x	x	x	x
465	470	Điện châm điều trị chứng ù tai	x	x	x	x
466	471	Điện châm điều trị giảm khứu giác	x	x	x	x
467	472	Điện châm điều trị chứng nói ngọng, nói lắp	x	x	x	x
468	473	Điện châm điều trị khàn tiếng	x	x	x	x
469	474	Điện châm cai thuốc lá	x	x	x	x
470	476	Điện châm điều trị hội chứng ngoại tháp	x	x	x	x

Stt	TT theo TT	Tên kỹ thuật	Tuyến kỹ thuật			
			A	B	C	D
471	477	Điện châm điều trị động kinh cục bộ	x	x	x	x
472	478	Điện châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu	x	x	x	x
473	479	Điện châm điều trị mất ngủ	x	x	x	x
474	480	Điện châm điều trị stress	x	x	x	x
475	481	Điện châm điều trị thiếu máu não mạn tính	x	x	x	x
476	482	Điện châm điều trị tổn thương gây liệt rễ, đám rối và dây thần kinh	x	x	x	x
477	483	Điện châm điều trị tổn thương dây thần kinh V	x	x	x	x
478	484	Điện châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên	x	x	x	x
479	485	Điện châm điều trị chắp lẹo	x	x	x	x
480	486	Điện châm điều trị sụp mi	x	x	x	x
481	487	Điện châm điều trị bệnh hố mắt	x	x	x	x
482	488	Điện châm điều trị viêm kết mạc	x	x	x	x
483	489	Điện châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	x	x	x	x
484	490	Điện châm điều trị lác	x	x	x	x
485	491	Điện châm điều trị giảm thị lực	x	x	x	x
486	492	Điện châm điều trị hội chứng tiền đình	x	x	x	x
487	493	Điện châm điều trị giảm thính lực	x	x	x	x
488	494	Điện châm điều trị thất ngôn	x	x	x	x
489	495	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	x	x	x	x
490	496	Điện châm điều trị viêm co cứng cơ delta	x	x	x	x
491	497	Điện châm điều trị nôn nấc	x	x	x	x
492	498	Điện châm điều trị cơn đau quặn thận	x	x	x	x
493	499	Điện châm điều trị viêm bàng quang cấp	x	x	x	x
494	500	Điện châm điều trị viêm phần phụ	x	x	x	x
495	501	Điện châm điều rối loạn trị đại, tiểu tiện	x	x	x	x
496	502	Điện châm điều trị táo bón	x	x	x	x
497	503	Điện châm điều trị rối loạn tiêu hoá	x	x	x	x
498	504	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác	x	x	x	x
499	505	Điện châm điều trị đái dầm	x	x	x	x
500	506	Điện châm điều trị bí đái	x	x	x	x
501	507	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật	x	x	x	x
502	508	Điện châm điều trị cảm cúm	x	x	x	x
503	509	Điện châm điều trị viêm Amidan cấp	x	x	x	x
504	510	Điện châm điều trị béo phì	x	x	x	x
505	511	Điện châm điều trị bướu cổ đơn thuần	x	x	x	x
506	512	Điện châm điều trị rối loạn chức năng do chấn thương sọ não	x	x	x	x
507	513	Điện châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	x	x	x	x

Stt	TT theo TT	Tên kỹ thuật	Tuyến kỹ thuật			
			A	B	C	D
508	514	Điện châm điều trị giảm đau sau phẫu thuật	x	x	x	x
509	515	Điện châm điều trị giảm đau do ung thư	x	x	x	x
510	516	Điện châm điều trị đau răng	x	x	x	x
511	517	Điện châm điều trị giảm đau do Zona	x	x	x	x
512	518	Điện châm điều trị viêm mũi xoang	x	x	x	x
513	520	Điện châm điều trị tăng huyết áp	x	x	x	x
514	521	Điện châm điều trị huyết áp thấp	x	x	x	x
515	522	Điện châm điều trị đau dây thần kinh liên sườn	x	x	x	x
516	523	Điện châm điều trị đau ngực sườn	x	x	x	x
517	524	Điện châm điều trị viêm đa dây thần kinh	x	x	x	x
518	525	Điện châm điều trị viêm khớp dạng thấp	x	x	x	x
519	526	Điện châm điều trị thoái hoá khớp	x	x	x	x
520	527	Điện châm điều trị đau lưng	x	x	x	x
521	528	Điện châm điều trị đau mỏi cơ	x	x	x	x
522	529	Điện châm điều trị viêm quanh khớp vai	x	x	x	x
523	530	Điện châm điều trị hội chứng vai gáy	x	x	x	x
524	531	Điện châm điều trị chứng tic	x	x	x	x
		E. THUỶ CHÂM				
525	532	Thuỷ châm điều trị liệt	x	x	x	x
526	533	Thuỷ châm điều trị liệt chi trên	x	x	x	x
527	534	Thuỷ châm điều trị liệt chi dưới	x	x	x	x
528	535	Thuỷ châm điều trị liệt nửa người	x	x	x	x
529	536	Thuỷ châm điều trị liệt do bệnh của cơ	x	x	x	x
530	537	Thuỷ châm điều trị teo cơ	x	x	x	x
531	538	Thuỷ châm điều trị đau thần kinh toạ	x	x	x	x
532	539	Thuỷ châm điều trị bại não	x	x	x	x
533	540	Thuỷ châm điều trị bệnh tự kỷ	x	x	x	x
534	541	Thuỷ châm điều trị chứng ù tai	x	x	x	x
535	542	Thuỷ châm điều trị giảm khứu giác	x	x	x	x
536	543	Thuỷ châm điều trị rối loạn vận ngôn	x	x	x	x
537	544	Thuỷ châm điều trị khàn tiếng	x	x	x	x
538	546	Thuỷ châm điều trị hỗ trợ cai nghiện ma tuý	x	x	x	x
539	547	Thuỷ châm điều trị hội chứng ngoại tháp	x	x	x	x
540	548	Thuỷ châm điều trị động kinh	x	x	x	x
541	549	Thuỷ châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu	x	x	x	x
542	550	Thuỷ châm điều trị mất ngủ	x	x	x	x
543	551	Thuỷ châm điều trị stress	x	x	x	x
544	552	Thuỷ châm điều trị thiếu máu não mạn tính	x	x	x	x
545	553	Thuỷ châm điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh	x	x	x	x

Stt	TT theo TT	Tên kỹ thuật	Tuyến kỹ thuật			
			A	B	C	D
546	554	Thuỷ châm điều trị tổn thương dây thần kinh V	x	x	x	x
547	555	Thuỷ châm điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên	x	x	x	x
548	556	Thuỷ châm điều trị sụp mi	x	x	x	x
549	557	Thuỷ châm điều trị bệnh hố mắt	x	x	x	x
550	558	Thuỷ châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	x	x	x	x
551	559	Thuỷ châm điều trị lác	x	x	x	x
552	560	Thuỷ châm điều trị giảm thị lực	x	x	x	x
553	561	Thuỷ châm điều trị hội chứng tiền đình	x	x	x	x
554	563	Thuỷ châm điều trị thất ngôn	x	x	x	x
555	564	Thuỷ châm điều trị viêm xoang	x	x	x	x
556	565	Thuỷ châm điều trị viêm mũi dị ứng	x	x	x	x
557	566	Thuỷ châm điều trị hen phế quản	x	x	x	x
558	567	Thuỷ châm điều trị tăng huyết áp	x	x	x	x
559	568	Thuỷ châm điều trị huyết áp thấp	x	x	x	x
560	569	Thuỷ châm điều trị đau vùng ngực	x	x	x	x
561	570	Thuỷ châm điều trị đau thần kinh liên sườn	x	x	x	x
562	571	Thuỷ châm điều trị đau ngực, sườn	x	x	x	x
563	572	Thuỷ châm điều trị trĩ	x	x	x	x
564	573	Thuỷ châm điều trị sa dạ dày	x	x	x	x
565	574	Thuỷ châm điều trị đau dạ dày	x	x	x	x
566	575	Thuỷ châm điều trị nôn, nấc	x	x	x	x
567	576	Thuỷ châm điều trị bệnh vẩy nến	x	x	x	x
568	577	Thuỷ châm điều trị dị ứng	x	x	x	x
569	578	Thuỷ châm điều trị viêm khớp dạng thấp	x	x	x	x
570	579	Thuỷ châm điều trị thoái hoá khớp	x	x	x	x
571	580	Thuỷ châm điều trị đau lưng	x	x	x	x
572	581	Thuỷ châm điều trị đau mỏi cơ	x	x	x	x
573	582	Thuỷ châm điều trị viêm quanh khớp vai	x	x	x	x
574	583	Thuỷ châm điều trị hội chứng vai gáy	x	x	x	x
575	584	Thuỷ châm điều trị chứng tic	x	x	x	x
576	585	Thuỷ châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	x	x	x	x
577	586	Thuỷ châm điều trị viêm co cứng cơ delta	x	x	x	x
578	587	Thuỷ châm điều trị cơn đau quặn thận	x	x	x	x
579	588	Thuỷ châm điều trị rối loạn đại, tiểu tiện	x	x	x	x
580	589	Thuỷ châm điều trị táo bón	x	x	x	x
581	590	Thuỷ châm điều trị rối loạn tiêu hoá	x	x	x	x
582	591	Thuỷ châm điều trị rối loạn cảm giác	x	x	x	x
583	592	Thuỷ châm điều trị đái dầm	x	x	x	x
584	593	Thuỷ châm điều trị bí đái	x	x	x	x

Stt	TT theo TT	Tên kỹ thuật	Tuyến kỹ thuật			
			A	B	C	D
585	594	Thuỷ châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật	x	x	x	x
586	595	Thuỷ châm điều trị béo phì	x	x	x	x
587	596	Thuỷ châm điều trị bướu cổ đơn thuần	x	x	x	x
588	597	Thuỷ châm điều trị rối loạn chức năng do chấn thương sọ não	x	x	x	x
589	598	Thuỷ châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	x	x	x	x
590	599	Thuỷ châm điều trị giảm đau sau phẫu thuật	x	x	x	x
591	600	Thuỷ châm điều trị giảm đau do ung thư	x	x	x	x
592	601	Thuỷ châm điều trị đau răng	x	x	x	x
593	602	Thuỷ châm điều trị hội chứng tiền đình	x	x	x	x
		G. XOA BÓP BẤM HUYỆT				
594	603	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt	x	x	x	x
595	604	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi trên	x	x	x	x
596	605	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi dưới	x	x	x	x
597	606	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt nửa người	x	x	x	x
598	607	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh toạ	x	x	x	x
599	608	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do viêm não	x	x	x	x
600	609	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bại não trẻ em	x	x	x	x
601	610	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi trên	x	x	x	x
602	611	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi dưới	x	x	x	x
603	612	Xoa bóp bấm huyệt điều trị choáng ngất	x	x	x	x
604	613	Xoa búp bấm huyệt điều trị bệnh tự kỷ	x	x	x	x
605	614	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng ù tai	x	x	x	x
606	615	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm khứu giác	x	x	x	x
607	616	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do bệnh của cơ	x	x	x	x
608	617	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt các dây thần kinh	x	x	x	x
609	618	Xoa bóp bấm huyệt điều trị teo cơ	x	x	x	x
610	619	Xoa búp bấm huyệt cai thuốc lá	x	x	x	x
611	621	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tâm căn suy nhược	x	x	x	x
612	622	Xoa búp bấm huyệt điều trị hội chứng ngoại tháp	x	x	x	x
613	623	Xoa bóp bấm huyệt điều trị động kinh	x	x	x	x
614	624	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau đầu, đau nửa đầu	x	x	x	x
615	625	Xoa bóp bấm huyệt điều trị mất ngủ	x	x	x	x
616	626	Xoa bóp bấm huyệt điều trị stress	x	x	x	x
617	627	Xoa búp bấm huyệt điều trị thiếu máu não mạn tính	x	x	x	x
618	628	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh	x	x	x	x
619	629	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương dây thần kinh V	x	x	x	x
620	630	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên	x	x	x	x

Stt	TT theo TT	Tên kỹ thuật	Tuyến kỹ thuật			
			A	B	C	D
621	631	Xoa bóp bấm huyệt điều trị sụp mi	x	x	x	x
622	632	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	x	x	x	x
623	633	Xoa bóp bấm huyệt điều trị lác	x	x	x	x
624	634	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thị lực do teo gai thị	x	x	x	x
625	635	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền đình	x	x	x	x
626	636	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thính lực	x	x	x	x
627	637	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm mũi xoang	x	x	x	x
628	638	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hen phế quản	x	x	x	x
629	639	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tăng huyết áp	x	x	x	x
630	640	Xoa búp bấm huyệt điều trị huyết áp thấp	x	x	x	x
631	641	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau vùng ngực	x	x	x	x
632	642	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh liên sườn	x	x	x	x
633	643	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau ngực, sườn	x	x	x	x
634	644	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau dạ dày	x	x	x	x
635	645	Xoa bóp bấm huyệt điều trị nôn, nấc	x	x	x	x
636	646	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm khớp dạng thấp	x	x	x	x
637	647	Xoa bóp bấm huyệt điều trị thoái hoá khớp	x	x	x	x
638	648	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau lưng	x	x	x	x
639	649	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau mỏi cơ	x	x	x	x
640	650	Xoa búp bấm huyệt điều trị viêm quanh khớp vai	x	x	x	x
641	651	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng vai gáy	x	x	x	x
642	652	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng tic	x	x	x	x
643	653	Xoa bóp bấm huyệt điều trị nôn, nấc	x	x	x	x
644	654	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	x	x	x	x
645	655	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm co cứng cơ delta	x	x	x	x
646	656	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn đại, tiểu tiện	x	x	x	x
647	657	Xoa bóp bấm huyệt điều trị táo bón	x	x	x	x
648	658	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn tiêu hoá	x	x	x	x
649	659	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác	x	x	x	x
650	660	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bí đái	x	x	x	x
651	661	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn thần kinh thực vật	x	x	x	x
652	662	Xoa bóp bấm huyệt điều trị béo phì	x	x	x	x
653	663	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn chức năng do chấn thương sọ não	x	x	x	x
654	664	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	x	x	x	x
655	665	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau sau phẫu thuật	x	x	x	x
656	666	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau do ung thư	x	x	x	x
657	667	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau răng	x	x	x	x

Stt	TT theo TT	Tên kỹ thuật	Tuyến kỹ thuật			
			A	B	C	D
658	668	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đái dầm	x	x	x	x
659	669	Xoa bóp bấm huyệt điều trị sa trực tràng	x	x	x	x
660	670	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hysteria	x	x	x	x
		H. CỨU				
661	671	Cứu điều trị đau lưng thể hàn	x	x	x	x
662	672	Cứu điều trị đau thần kinh toạ thể hàn	x	x	x	x
663	673	Cứu điều trị đau bụng ỉa chảy thể hàn	x	x	x	x
664	674	Cứu điều trị liệt thần kinh VII ngoại biên thể hàn	x	x	x	x
665	675	Cứu điều trị đau vai gáy cấp thể hàn	x	x	x	x
666	676	Cứu điều trị ngoại cảm phong hàn	x	x	x	x
667	677	Cứu điều trị liệt thể hàn	x	x	x	x
668	678	Cứu điều trị liệt chi trên thể hàn	x	x	x	x
669	679	Cứu điều trị liệt chi dưới thể hàn	x	x	x	x
670	680	Cứu điều trị liệt nửa người thể hàn	x	x	x	x
671	681	Cứu điều trị liệt do bệnh của cơ thể hàn	x	x	x	x
672	682	Cứu điều trị bại não thể hàn	x	x	x	x
673	683	Cứu điều trị bệnh tự kỷ thể hàn	x	x	x	x
674	684	Cứu điều trị ù tai thể hàn	x	x	x	x
675	685	Cứu điều trị giảm khứu giác thể hàn	x	x	x	x
676	686	Cứu điều trị khàn tiếng thể hàn	x	x	x	x
677	688	Cứu điều trị đau đầu, đau nửa đầu thể hàn	x	x	x	x
678	689	Cứu điều trị rối loạn cảm giác đầu chi thể hàn	x	x	x	x
679	690	Cứu điều trị nôn nấc thể hàn	x	x	x	x
680	691	Cứu điều trị rối loạn đại tiểu tiện thể hàn	x	x	x	x
681	692	Cứu điều trị rối loạn tiêu hoá thể hàn	x	x	x	x
682	693	Cứu điều trị đái dầm thể hàn	x	x	x	x
683	694	Cứu điều trị bí đái thể hàn	x	x	x	x
684	695	Cứu điều trị rối loạn thần kinh thực vật thể hàn	x	x	x	x
685	696	Cứu điều trị cảm cúm thể hàn	x	x	x	x
		IV. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG				
		A. VẬT LÝ TRỊ LIỆU - PHỤC HỒI CHỨC NĂNG				
686	769	Hoạt động trị liệu	x	x	x	
687	770	Ngôn ngữ trị liệu	x	x	x	
688	771	Điều trị bằng dòng điện một chiều đều	x	x	x	
689	773	Điều trị bằng các dòng điện xung	x	x	x	
690	774	Điều trị bằng tia hồng ngoại	x	x	x	
691	779	Kỹ thuật di động khớp – trượt khớp	x	x	x	
692	780	Kỹ thuật kéo giãn	x	x	x	
693	781	Đánh giá nguy cơ loét chân ở người bệnh đái tháo đường	x	x	x	

Stt	TT theo TT	Tên kỹ thuật	Tuyến kỹ thuật			
			A	B	C	D
694	782	Thông tiểu ngắt quãng trong PHCN tổn thương tuỷ sống	x	x	x	
695	785	Vật lý trị liệu cho người bệnh đái tháo đường	x	x	x	
696	787	Vật lý trị liệu cho viêm khớp thái dương – hàm	x	x	x	
697	788	Vật lý trị liệu - PHCN cho trẻ bị viêm não.	x	x	x	
698	789	Vật lý trị liệu - PHCN cho trẻ bị vẹo cổ	x	x	x	
699	790	Vật lý trị liệu - PHCN cho trẻ bị dị tật bàn chân khoèo bẩm sinh	x	x	x	
700	791	Vật lý trị liệu - PHCN cho trẻ bị vẹo cột sống	x	x	x	
701	795	Vật lý trị liệu -PHCN cho trẻ bị chậm phát triển trí tuệ	x	x	x	
702	796	Vật lý trị liệu - PHCN cho người bệnh cứng khớp	x	x	x	
703	797	Vật lý trị liệu - PHCN cho trẻ bị bại não thể co cứng	x	x	x	
704	798	Vật lý trị liệu - PHCN cho trẻ bị bại não múa vờn	x	x	x	
705	799	Vật lý trị liệu-PHCN người bệnh sau mổ thoát vị đĩa đệm cột sống cổ và cột sống thắt lưng	x	x	x	
706	800	Đánh giá kỹ năng Vận động thô	x	x	x	
707	801	Đánh giá trẻ Bại não	x	x	x	
708	802	Đánh giá trẻ Chậm PT trí tuệ	x	x	x	
709	803	Vật lý trị liệu hô hấp tại khoa PHCN	x	x	x	
710	807	Xoa bóp cục bộ bằng tay (60 phút)	x	x	x	x
711	808	Xoa bóp toàn thân bằng tay (60 phút)	x	x	x	x
712	809	Chườm lạnh	x	x	x	x
713	810	Chườm ngải cứu	x	x	x	x
714	811	Tập vận động có trợ giúp	x	x	x	x
715	812	Vỗ rung lồng ngực	x	x	x	x
716	813	Xoa bóp	x	x	x	x
717	814	Tập ho	x	x	x	x
718	815	Tập thở	x	x	x	x
719	816	Hướng dẫn người bệnh ra vào xe lăn tay	x	x	x	x
720	817	Sử dụng khung, nạng, gậy trong tập đi	x	x	x	x
721	818	Sử dụng xe lăn	x	x	x	x
722	819	Kỹ thuật thay đổi tư thế lăn trở khi nằm	x	x	x	x
723	820	Tập vận động chủ động	x	x	x	x
724	821	Tập vận động có kháng trở	x	x	x	x
725	822	Tập vận động thụ động	x	x	x	x
726	823	Đo tầm vận động khớp	x	x	x	x
727	824	Đắp nóng	x	x	x	x
728	825	Thử cơ bằng tay	x	x	x	x
729	828	Vật lý trị liệu phòng ngừa các biến chứng do bất động	x	x	x	x
730	830	Vật lý trị liệu - PHCN cho người bệnh bại liệt	x	x	x	x

Stt	TT theo TT	Tên kỹ thuật	Tuyến kỹ thuật			
			A	B	C	D
731	831	Vật lý trị liệu - PHCN cho người bệnh tổn thương thần kinh quay	x	x	x	x
732	832	Vật lý trị liệu - PHCN cho người bệnh tổn thương thần kinh giữa	x	x	x	x
733	833	Vật lý trị liệu - PHCN cho người bệnh tổn thương thần kinh trụ	x	x	x	x
734	834	Phục hồi chức năng cho người bệnh mang tay giả	x	x	x	x
735	835	Vật lý trị liệu - PHCN cho người bệnh tổn thương dây chằng chéo trước khớp gối	x	x	x	x
736	836	Vật lý trị liệu - PHCN người bệnh tổn thương sụn chêm khớp gối	x	x	x	x
737	837	Vật lý trị liệu -PHCN cho người bệnh sau chấn thương khớp gối	x	x	x	x
738	838	Vật lý trị liệu -PHCN viêm quanh khớp vai	x	x	x	x
739	839	Vật lý trị liệu -PHCN trật khớp vai	x	x	x	x
740	840	Vật lý trị liệu -PHCN gãy xương đòn	x	x	x	x
741	841	Vật lý trị liệu trong viêm cột sống dính khớp	x	x	x	x
742	842	Vật lý trị liệu -PHCN sau phẫu thuật chi dưới	x	x	x	x
743	843	Vật lý trị liệu -PHCN sau phẫu thuật chi trên	x	x	x	x
744	844	Vật lý trị liệu -PHCN sau phẫu thuật ổ bụng	x	x	x	x
745	845	Vật lý trị liệu -PHCN sau phẫu thuật lồng ngực	x	x	x	x
746	846	Phục hồi chức năng vận động người bệnh tai biến mạch máu não	x	x	x	x
747	847	Phục hồi chức năng và phòng ngừa tàn tật do bệnh phong	x	x	x	x
748	848	Vật lý trị liệu -PHCN cho người bệnh gẫy thân xương đùi	x	x	x	x
749	849	Vật lý trị liệu -PHCN gẫy cổ xương đùi	x	x	x	x
750	850	Vật lý trị liệu -PHCN gẫy trên lồi cầu xương cánh tay	x	x	x	x
751	851	Vật lý trị liệu -PHCN gẫy hai xương cẳng tay	x	x	x	x
752	852	Vật lý trị liệu -PHCN gẫy đầu dưới xương quay	x	x	x	x
753	853	Vật lý trị liệu -PHCN gẫy hai xương cẳng chân	x	x	x	x
754	854	Vật lý trị liệu -PHCN trong tổn thương thần kinh chày	x	x	x	x
755	855	Vật lý trị liệu -PHCN tổn thương tuỷ sống	x	x	x	x
756	856	Vật lý trị liệu -PHCN trong gẫy đầu dưới xương đùi	x	x	x	x
757	857	Vật lý trị liệu -PHCN sau chấn thương xương chậu	x	x	x	x
758	858	Phục hồi chức năng cho người bệnh mang chi giả trên gối	x	x	x	x
759	859	Phục hồi chức năng cho người bệnh mang chi giả dưới gối	x	x	x	x

Stt	TT theo TT	Tên kỹ thuật	Tuyến kỹ thuật			
			A	B	C	D
760	860	Vật lý trị liệu cho người bệnh áp xe phổi	x	x	x	x
761	861	Phòng ngừa và xử trí loét do đè ép	x	x	x	x
762	862	Phục hồi chức năng cho người bệnh động kinh	x	x	x	x
763	863	Vật lý trị liệu -PHCN cho người bệnh chấn thương sọ não	x	x	x	x
764	864	Vật lý trị liệu người bệnh lao phổi	x	x	x	x
765	865	Vật lý trị liệu -PHCN trong vẹo cổ cấp	x	x	x	x
766	866	Vật lý trị liệu trong suy tim	x	x	x	x
767	867	Vật lý trị liệu trong bệnh tắc nghẽn phổi mãn tính	x	x	x	x
768	868	Vật lý trị liệu cho người bệnh tràn dịch màng phổi	x	x	x	x
769	869	Vật lý trị liệu sau phẫu thuật van tim	x	x	x	x
770	870	Vật lý trị liệu-PHCN cho người bệnh teo cơ tiến triển	x	x	x	x
771	871	Tập vận động PHCN cho người bệnh đái tháo đường phòng ngừa biến chứng	x	x	x	x
772	872	Vật lý trị liệu trong viêm tắc động mạch chi dưới	x	x	x	x
773	873	Vật lý trị liệu-PHCN người bệnh bỏng	x	x	x	x
774	874	Vật lý trị liệu-PHCN người bệnh vá da	x	x	x	x
775	875	Vật lý trị liệu-PHCN trong giãn tĩnh mạch	x	x	x	x
776	876	Phục hồi chức năng thoái hoá khớp (cột sống cổ - lưng)	x	x	x	x
777	877	Phục hồi chức năng cho người bệnh viêm khớp dạng thấp	x	x	x	x
778	878	Phục hồi chức năng cho người bệnh đau lưng	x	x	x	x
779	879	Vật lý trị liệu-phục hồi chức năng cho người bệnh hội chứng đuôi ngựa	x	x	x	x
780	880	Vật lý trị liệu- PHCN cho người bệnh đau thần kinh toạ	x	x	x	x
781	881	Vật lý trị liệu-PHCN cho người bệnh liệt dây VII ngoại biên	x	x	x	x
782	883	Vật lý trị liệu-PHCN cho người bệnh Parkinson	x	x	x	x
783	884	Xoa bóp bấm huyệt/kéo nắn cột sống, các khớp	x	x	x	x
784	885	Xoa bóp đầu mặt cổ, vai gáy, tay	x	x	x	x
785	886	Xoa bóp lưng, chân	x	x	x	x
786	888	Xoa bóp tại giường bệnh cho người bệnh nội trú các khoa	x	x	x	x
787	889	Tập do cứng khớp	x	x	x	x
788	890	Tập do liệt ngoại biên người bệnh liệt nửa người, liệt các chi, tổn thương hệ vận động	x	x	x	x
789	891	Tập do liệt thần kinh trung ương	x	x	x	x
790	892	Tập vận động đoạn chi 30 phút	x	x	x	x
791	893	Tập vận động đoạn chi 15 phút	x	x	x	x
792	894	Tập vận động toàn thân 30 phút	x	x	x	x

Stt	TT theo TT	Tên kỹ thuật	Tuyến kỹ thuật			
			A	B	C	D
793	895	Tập vận động toàn thân 15 phút	x	x	x	x
794	896	Tập vận động cột sống	x	x	x	x
795	897	Tập KT tạo thuận VĐ cho trẻ (lẫy, ngồi, bò, đứng, đi…..)	x	x	x	x
796	898	Tập cho trẻ bị Xơ hóa cơ	x	x	x	x
797	899	Tập cho trẻ dị tật tay/ chân	x	x	x	x
798	900	Tập vận động tại giường	x	x	x	x
799	901	Tập luyện với ghế tập cơ 4 đầu đùi	x	x	x	x
800	902	Tập với hệ thống ròng rọc	x	x	x	x
801	903	Tập với xe đạp tập	x	x	x	x
802	904	Tập với xe lăn	x	x	x	x
		B. LÀM VÀ SỬ DỤNG CÁC DỤNG CỤ TRỢ GIÚP				
803	977	Khung tập đi	x	x	x	
804	978	Dụng cụ tập sấp ngửa cổ tay	x	x	x	
805	979	Dụng cụ tập cổ chân	x	x	x	
806	980	Dụng cụ tập khớp cổ tay	x	x	x	
807	981	Bàn tập mạnh cơ tứ đầu đùi	x	x	x	
808	982	Xe đạp	x	x	x	
809	983	Nạng nách	x	x	x	x
810	984	Nạng khuỷu	x	x	x	x
811	985	Gậy tập	x	x	x	x
812	986	Nẹp khớp gối	x	x	x	x
813	987	Máng đỡ bàn tay	x	x	x	x
814	988	Các dụng cụ tập sự khéo léo của bàn tay	x	x	x	x
		V. NỘI SOI CHẨN ĐOÁN, CAN THIỆP				
		B. TAI - MŨI - HỌNG				
815	1001	Nội soi tai	x	x	x	
816	1002	Nội soi mũi	x	x	x	
817	1003	Nội soi họng	x	x	x	
		VII. GÂY MÊ HỒI SỨC				
818	1372	Kỹ thuật gây mê hô hấp qua mặt nạ	x	x	x	
819	1376	Kỹ thuật đặt nội khí quản với thuốc mê tĩnh mạch, thuốc mê hô hấp	x	x	x	
820	1377	Kỹ thuật đặt nội khí quản khi dạ dầy đầy	x	x	x	
821	1380	Kỹ thuật thường quy đặt nội khí quản khó	x	x	x	
822	1384	Kỹ thuật phòng và điều trị trào ngược dịch dạ dày	x	x	x	
823	1386	Kỹ thuật gây mê lưu lượng thấp	x	x	x	
824	1388	Kỹ thuật thông khí qua màng giáp nhẫn	x	x	x	
825	1390	Kỹ thuật săn sóc theo dõi ống thông tiểu	x	x	x	

Stt	TT theo TT	Tên kỹ thuật	Tuyến kỹ thuật			
			A	B	C	D
826	1391	Kỹ thuật hô hấp nhân tạo bằng tay với bóng hay ambu trong và sau mê	x	x	x	
827	1392	Kỹ thuật hô hấp nhân tạo bằng máy trong và sau mê	x	x	x	
828	1393	Kỹ thuật theo dõi người bệnh trong và sau mổ	x	x	x	
829	1394	Kỹ thuật xử lý thường quy các tai biến trong và sau vô cảm	x	x	x	
830	1395	Kỹ thuật vô cảm ngoài phòng mổ	x	x	x	
831	1396	Kỹ thuật vô cảm nắn xương	x	x	x	
832	1399	Kỹ thuật theo dõi SpO_2	x	x	x	
833	1403	Kỹ thuật theo dõi thân nhiệt với nhiệt kế thường quy	x	x	x	
834	1404	Thử nhóm máu trước truyền máu	x	x	x	
835	1405	Truyền dịch thường quy	x	x	x	
836	1406	Truyền máu thường quy	x	x	x	
837	1407	Kỹ thuật chọc đặt kim luồn tĩnh mạch ngoại biên trẻ em	x	x	x	
838	1408	Kỹ thuật lấy lại máu trong mổ bằng phương pháp thủ công	x	x	x	
839	1409	Kỹ thuật truyền dịch trong sốc	x	x	x	
840	1410	Kỹ thuật truyền máu trong sốc	x	x	x	
841	1411	Kỹ thuật cấp cứu tụt huyết áp	x	x	x	
842	1412	Kỹ thuật cấp cứu ngừng tim	x	x	x	
843	1413	Kỹ thuật cấp cứu ngừng thở	x	x	x	
844	1417	Kỹ thuật chọc tuỷ sống đường giữa	x	x	x	
845	1418	Kỹ thuật chọc tuỷ sống đường bên	x	x	x	
846	1419	Kỹ thuật gây tê chọc kim vào khoang ngoài màng cứng (NMC) thắt lưng đường giữa	x	x	x	
847	1420	Kỹ thuật gây tê chọc kim vào khoang NMC thắt lưng đường bên	x	x	x	
848	1427	Kỹ thuật gây tê ở khuỷu tay	x	x	x	
849	1427	Kỹ thuật gây tê ở cổ tay	x	x	x	
850	1430	Kỹ thuật gây tê vùng khớp gối	x	x	x	
851	1431	Kỹ thuật gây tê vùng bàn chân	x	x	x	
852	1434	GMHS phẫu thuật thông dạ dày, khâu lỗ thủng dạ dày, ruột non đơn thuần	x	x	x	
853	1435	GMHS phẫu thuật viêm ruột thừa, viêm phúc mạc, áp xe ruột thừa	x	x	x	
854	1436	Vô cảm phẫu thuật thoát vị bẹn	x	x	x	
855	1437	GMHS phẫu thuật vùng đáy chậu, hậu môn, bẹn, bìu	x	x	x	
856	1445	GMHS phẫu thuật ổ bụng trung phẫu ở trẻ em	x	x	x	
857	1446	GMHS phẫu thuật thoát vị bẹn, nước màng tinh hoàn ở trẻ em	x	x	x	

Stt	TT theo TT	Tên kỹ thuật	Tuyến kỹ thuật			
			A	B	C	D
858	1447	Vô cảm cho các phẫu thuật nhỏ ở tầng sinh môn trẻ em: chích áp xe, lấy máu tụ, dẫn luu áp xe hậu môn đơn giản	x	x	x	
859	1448	Giảm đau bằng thuốc cho người bệnh sau phẫu thuật, sau chấn thương	x	x	x	
860	1449	Giảm đau sau phẫu thuật bằng tiêm Morphin cách quãng dưới da	x	x	x	
861	1450	Vệ sinh, vô trùng phòng phẫu thuật	x	x	x	
862	1451	Tiệt trùng dụng cụ phục vụ phẫu thuật, GMHS	x	x	x	
863	1452	Siêu âm tim cấp cứu tại giường	x	x	x	
864	1453	Chụp X-quang cấp cứu tại giường	x	x	x	
865	1454	Ghi điện tim cấp cứu tại giường	x	x	x	
866	1455	Theo dõi HA liên tục tại giường	x	x	x	
867	1456	Theo dõi điện tim liên tục tại giường	x	x	x	
868	1462	Thở oxy gọng kính	x	x	x	
869	1463	Thở oxy qua mặt nạ	x	x	x	
870	1464	Thở oxy qua ống chữ T	x	x	x	
871	1466	Nuôi dưỡng người bệnh qua ống thông dạ dày	x	x	x	
872	1467	Liệu pháp kháng sinh dự phòng trước và sau phẫu thuật	x	x	x	
873	1468	Dự phòng tắc tĩnh mạch sau phẫu thuật, sau chấn thương	x	x	x	
874	1470	Phát hiện, phòng, điều trị nhiễm khuẩn bệnh viện (vết phẫu thuật, catheter, hô hấp, tiết niệu…)	x	x	x	
		VIII. BỎNG				
		A. CÁC KỸ THUẬT TRONG CẤP CỨU, ĐIỀU TRỊ BỆNH NHÂN BỎNG				
875	1510	Thay băng điều trị bỏng nông, dưới 10% diện tích cơ thể ở trẻ em.	x	x	x	
876	1514	Bộc lộ tĩnh mạch ngoại vi	x	x	x	
877	1515	Ngâm rửa vết bỏng bằng nước mát sạch, băng ép, trong sơ cứu, cấp cứu tổn thương bỏng kỳ đầu.	x	x	x	x
		IX. MẮT				
878	1663	Khâu da mi	x	x	x	
879	1665	Xử lý vết thương phần mềm, tổn thương nông vùng mắt	x	x	x	
880	1703	Cắt chỉ khâu da	x	x	x	x
881	1704	Cấp cứu bỏng mắt ban đầu	x	x	x	x
882	1707	Khám mắt	x	x	x	x
		X. RĂNG HÀM MẶT				
		A. RĂNG				
883	1914	Nhổ răng vĩnh viễn lung lay	x	x	x	
884	1915	Nhổ chân răng vĩnh viễn	x	x	x	
885	1916	Nhổ răng thừa	x	x	x	

Stt	TT theo TT	Tên kỹ thuật	Tuyến kỹ thuật			
			A	B	C	D
886	1917	Nhổ răng vĩnh viễn	x	x	x	
887	1926	Điều trị viêm lợi do mọc răng	x	x	x	
888	1927	Điều trị viêm quanh thân răng cấp	x	x	x	
889	1928	Điều trị viêm quanh răng	x	x	x	
890	1942	Điều trị răng sữa viêm tuỷ có hồi phục	x	x	x	
891	1944	Điều trị tuỷ răng sữa	x	x	x	
892	1950	Hàn răng không sang chấn với GlassIonomer Cement (GIC)	x	x	x	x
893	1951	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng Amalgam	x	x	x	x
894	1952	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng Composite	x	x	x	x
895	1953	Trám bít hố rãnh bằng GlassIonomer Cement (GIC)	x	x	x	x
896	1954	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng GlassIonomer Cement (GIC)	x	x	x	x
897	1955	Nhổ răng sữa	x	x	x	x
898	1956	Nhổ chân răng sữa	x	x	x	x
899	1957	Điều trị viêm loét niêm mạc miệng trẻ em	x	x	x	x
900	1958	Chích Apxe lợi trẻ em	x	x	x	x
901	1959	Điều trị viêm lợi trẻ em	x	x	x	x
902	1960	Chích áp xe lợi	x	x	x	x
903	1961	Điều trị viêm lợi do mọc răng	x	x	x	x
904	1974	Lấy cao răng 2 hàm (Các kỹ thuật)	x	x	x	x
		B. HÀM MẶT				
905	2068	Phẫu thuật điều trị vết thương phần mềm vùng hàm mặt không thiếu hổng tổ chức	x	x	x	
906	2069	Nắn sai khớp thái dương hàm	x	x	x	
907	2070	Phẫu thuật rạch dẫn lưu áp xe nông vùng hàm mặt	x	x	x	
908	2072	Cố định tạm thời sơ cứu gãy xương hàm	x	x	x	
909	2074	Dẫn lưu máu tụ vùng miệng - hàm mặt	x	x	x	
910	2075	Điều trị viêm lợi miệng loét hoại tử cấp	x	x	x	
911	2076	Sơ cứu gãy xương vùng hàm mặt	x	x	x	
912	2077	Sơ cứu vết thương phần mềm vùng hàm mặt	x	x	x	x
		XI. TAI MŨI HỌNG				
		A. TAI				
913	2115	Khâu vành tai rách sau chấn thương	x	x	x	
914	2116	Thông vòi nhĩ	x	x	x	
915	2117	Lấy dị vật tai	x	x	x	
916	2118	Chọc hút dịch tụ huyết vành tai	x	x	x	
917	2119	Chích nhọt ống tai ngoài	x	x	x	
918	2120	Làm thuốc tai	x	x	x	

Stt	TT theo TT	Tên kỹ thuật	Tuyến kỹ thuật			
			A	B	C	D
919	2125	Lấy dáy tai (nút biểu bì)	x	x	x	x
		B. MŨI XOANG				
920	2148	Nắn sống mũi sau chấn thương	x	x	x	
921	2149	Nhét bấc mũi sau	x	x	x	
922	2150	Nhét bấc mũi trước	x	x	x	
923	2151	Đốt cuốn mũi	x	x	x	
924	2152	Bẻ cuốn dưới	x	x	x	
925	2153	Chọc rửa xoang hàm	x	x	x	
926	2154	Làm Proetz	x	x	x	
927	2155	Cầm máu mũi bằng Meroxeo (2 bên)	x	x	x	x
		C. HỌNG – THANH QUẢN				
928	2175	Chích áp xe thành sau họng	x	x	x	
929	2178	Lấy dị vật hạ họng	x	x	x	
930	2181	Chích áp xe quanh Amidan	x	x	x	
931	2182	Đốt nhiệt họng hạt	x	x	x	
932	2183	Đốt lạnh họng hạt	x	x	x	
933	2184	Làm thuốc tai, mũi, thanh quản	x	x	x	
934	2186	Bơm thuốc thanh quản	x	x	x	
935	2187	Rửa vòm họng	x	x	x	
936	2188	Đặt nội khí quản khó: Co thắt khí quản, đe doạ ngạt thở	x	x	x	
937	2189	Sơ cứu bỏng kỳ đầu đường hô hấp	x	x	x	
938	2190	Lấy dị vật họng miệng	x	x	x	x
939	2191	Khí dung mũi họng	x	x	x	x
		D. CỔ - MẶT				
940	2245	Khâu vết thương phần mềm vùng đầu cổ	x	x	x	
		XII. PHỤ KHOA-SƠ SINH				
941	2258	Chích áp xe tuyến Bartholin	x	x	x	
942	2259	Dẫn lưu cùng đồ Douglas	x	x	x	
943	2260	Chọc dò túi cùng Douglas	x	x	x	
944	2261	Chọc hút dịch do máu tụ sau mổ	x	x	x	
945	2262	Lấy dị vật âm đạo	x	x	x	
946	2263	Khâu rách cùng đồ âm đạo	x	x	x	
947	2264	Làm lại thành âm đạo, tầng sinh môn	x	x	x	
		XIII. NỘI KHOA				
		B. TIM MẠCH – HÔ HẤP				
948	2332	Chọc dò màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x	x	
949	2333	Chọc tháo dịch màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x	x	
		C. TIÊU HÓA				
950	2352	Chọc áp xe gan qua siêu âm	x	x	x	

Stt	TT theo TT	Tên kỹ thuật	Tuyến kỹ thuật			
			A	B	C	D
951	2354	Chọc dịch màng bụng	x	x	x	
952	2355	Dẫn lưu dịch màng bụng	x	x	x	
953	2356	Chọc hút áp xe thành bụng	x	x	x	
954	2357	Thụt tháo phân	x	x	x	x
955	2358	Đặt sonde hậu môn	x	x	x	x
956	2382	Test lẩy da (Prick test) với các loại thuốc	x	x	x	x
957	2383	Test nội bì	x	x	x	x
958	2384	Test áp (Patch test) với các loại thuốc	x	x	x	x
		G. TRUYỀN NHIỄM				
959	2386	Lấy bệnh phẩm trực tràng để chẩn đoán các bệnh nhiễm trùng	x	x	x	
		H. CÁC KỸ THUẬT KHÁC				
960	2387	Tiêm trong da	x	x	x	x
961	2388	Tiêm dưới da	x	x	x	x
962	2389	Tiêm bắp thịt	x	x	x	x
963	2390	Tiêm tĩnh mạch	x	x	x	x
964	2391	Truyền tĩnh mạch	x	x	x	x
		XV. UNG BƯỚU- NHI				
		A. ĐẦU CỔ				
965	2456	Cắt u da đầu lành, đường kính dưới 5 cm	x	x	x	
966	2457	Bóc, cắt u bã đậu, u mỡ dưới da đầu đường kính dưới 10 cm	x	x	x	
967	2458	Cắt u máu dưới da đầu có đường kính dưới 5 cm	x	x	x	
		K. PHỤ KHOA				
968	2729	Cắt u nang buồng trứng xoắn	x	x	x	
969	2730	Cắt u nang buồng trứng	x	x	x	
970	2731	Cắt u nang buồng trứng và phần phụ	x	x	x	
971	2732	Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ	x	x	x	
972	2733	Cắt u thành âm đạo	x	x	x	
973	2734	Bóc nang tuyến Bartholin	x	x	x	
		XVIII. DA LIỄU				
		B. ĐIỀU TRỊ NGOẠI KHOA DA LIỄU				
974	3023	Thay băng người bệnh chợt, loét da dưới 20% diện tích cơ thể	x	x	x	
975	3024	Thay băng người bệnh chợt, loét da trên 20% diện tích cơ thể	x	x	x	
976	3031	Chích rạch áp xe nhỏ	x	x	x	
977	3032	Chích rạch áp xe lớn, dẫn lưu	x	x	x	
978	3033	Nạo vét lỗ đáo không viêm xương	x	x	x	
979	3034	Nạo vét lỗ đáo có viêm xương	x	x	x	

Stt	TT theo TT	Tên kỹ thuật	Tuyến kỹ thuật			
			A	B	C	D
		XIX. NGOẠI KHOA				
		A. ĐẦU, THẦN KINH SỌ NÃO				
980	3083	Cắt lọc, khâu vết thương rách da đầu	x	x	x	
		B. TIM MẠCH – LỒNG NGỰC				
		4. Ngực - phổi				
981	3261	Khâu kín vết thương thủng ngực	x	x	x	
982	3265	Cố định gãy xương sườn bằng băng dính to bản	x	x	x	x
		C. TIÊU HÓA – BỤNG				
		2. Dạ dày				
983	3297	Mở thông dạ dày	x	x	x	
984	3298	Khâu lỗ thủng dạ dày, tá tràng đơn thuần	x	x	x	
		3. Ruột non - ruột già				
985	3327	Phẫu thuật viêm ruột thừa	x	x	x	
986	3328	Phẫu thuật viêm phúc mạc ruột thừa	x	x	x	
987	3329	Phẫu thuật cắt túi thừa ruột non, ruột già	x	x	x	
988	3330	Phẫu thuật áp xe ruột thừa trong ổ bụng	x	x	x	
989	3331	Cắt đoạn ruột non	x	x	x	
990	3332	Dẫn lưu áp xe ruột thừa	x	x	x	
		4. Hậu môn – trực tràng				
991	3377	Phẫu thuật rò hậu môn thể đơn giản	x	x	x	
		5. Bẹn - Bụng				
992	3399	Dẫn lưu áp xe hậu môn đơn giản	x	x	x	
993	3400	Lấy máu tụ tầng sinh môn	x	x	x	
994	3401	Phẫu thuật thoát vị bẹn hay thành bụng thường	x	x	x	
995	3403	Khâu lại bục thành bụng đơn thuần	x	x	x	
996	3404	Khâu lại da thì 2, sau nhiễm khuẩn	x	x	x	
997	3405	Chọc dò túi cùng Douglas	x	x	x	
998	3406	Chích áp xe tầng sinh môn	x	x	x	
999	3407	Phẫu thuật vết thương tầng sinh môn đơn giản	x	x	x	
		D. GAN- MẬT – LÁCH – TỤY				
		1.Gan				
1000	3416	Phẫu thuật dẫn lưu áp xe gan	x	x	x	
		Đ. TIẾT NIỆU – SINH DỤC				
		3. Bàng quang				
1001	3531	Mổ lấy sỏi bàng quang	x	x	x	
1002	3532	Mở thông bàng quang	x	x	x	
1003	3533	Dẫn lưu nước tiểu bàng quang	x	x	x	
1004	3535	Đặt ống thông bàng quang	x	x	x	x
		5. Sinh dục				

Stt	TT theo TT	Tên kỹ thuật	Tuyến kỹ thuật			
			A	B	C	D
1005	3599	Phẫu thuật thoát vị bẹn thường 1 bên /2 bên	x	x	x	
1006	3600	Rạch rộng vòng thắt nghẹt bao quy đầu	x	x	x	
1007	3601	Phẫu thuật xoắn, vỡ tinh hoàn	x	x	x	
1008	3603	Cắt bỏ bao da qui đầu do dính hoặc dài	x	x	x	
1009	3604	Cắt hẹp bao quy đầu (phimosis)	x	x	x	
1010	3605	Mở rộng lỗ sáo	x	x	x	
1011	3606	Nong niệu đạo	x	x	x	
1012	3608	Dẫn lưu áp xe bìu/tinh hoàn	x	x	x	
		E. CHẤN THƯƠNG – CHỈNH HÌNH				
		9. Phần mềm (da, cơ, gân, thần kinh)				
1013	3817	Chích áp xe phần mềm lớn	x	x	x	
1014	3818	Khâu lại da vết phẫu thuật sau nhiễm khuẩn	x	x	x	
1015	3819	Nối gân duỗi	x	x	x	
1016	3820	Tạo hình bằng các vạt tại chỗ đơn giản	x	x	x	
1017	3821	Cắt lọc tổ chức hoại tử hoặc cắt lọc vết thương đơn giản	x	x	x	
1018	3822	Cắt hoại tử tiếp tuyến 10 đến 15% diện tích cơ thể	x	x	x	
1019	3823	Cắt hoại tử tiếp tuyến từ dưới 10% diện tích cơ thể	x	x	x	
1020	3825	Khâu vết thương phần mềm dài trên 10cm	x	x	x	
1021	3826	Thay băng, cắt chỉ vết mổ	x	x	x	x
1022	3827	Khâu vết thương phần mềm dài dưới 10cm	x	x	x	x
		11. Các kỹ thuật khác				
1023	3898	Chích rạch áp xe lớn, dẫn lưu	x	x	x	
1024	3903	Phẫu thuật viêm tấy phần mềm ở cơ quan vận động	x	x	x	
1025	3904	Mở khoang và giải phóng mạch bị chèn ép của các chi	x	x	x	
1026	3909	Chích rạch áp xe nhỏ	x	x	x	x
1027	3910	Chích hạch viêm mủ	x	x	x	x
1028	3911	Thay băng, cắt chỉ	x	x	x	x
		G. CÁC PHẪU THUẬT KHÁC				
1029	3924	Cắt lọc tổ chức hoại tử	x	x	x	
1030	3925	Dẫn lưu áp xe cổ/áp xe tuyến giáp	x	x	x	
V. DA LIỄU						
		B. NGOẠI KHOA				
		1. Thủ thuật				
1031	43	Điều trị sẹo lõm bằng TCA (trichloacetic acid)	x	x	x	
1032	44	Điều trị sùi mào gà bằng đốt điện	x	x	x	
1033	45	Điều trị hạt cơm bằng đốt điện	x	x	x	
1034	46	Điều trị u mềm treo bằng đốt điện	x	x	x	
1035	47	Điều trị dày sừng da dầu bằng đốt điện	x	x	x	
1036	48	Điều trị dày sừng ánh nắng bằng đốt điện	x	x	x	

Stt	TT theo TT	Tên kỹ thuật	Tuyến kỹ thuật			
			A	B	C	D
1037	49	Điều trị sẩn cục bằng đốt điện	x	x	x	
1038	50	Điều trị bớt sùi bằng đốt điện	x	x	x	
1039	51	Điều trị u mềm lây bằng nạo thương tổn	x	x	x	x
VI. TÂM THẦN						
		E. XỬ TRÍ ĐIỀU TRỊ TÍCH CỰC				
1040	62	Xử trí trạng thái kích động	x	x	x	x
1041	64	Xử trí trạng thái không ăn	x	x	x	
1042	66	Xử trí trạng thái bồn chồn bất an do thuốc hướng thần	x	x	x	
1043	68	Cấp cứu tự sát	x	x	x	x
1044	69	Xử trí hạ huyết áp tư thế	x	x	x	x
1045	70	Xử trí ngộ độc thuốc hướng thần	x	x	x	
1046	71	Xử trí dị ứng thuốc hướng thần	x	x	x	x
		G. CHẨN ĐOÁN VÀ ĐIỀU TRỊ NGHIỆN MA TÚY				
1047	73	Test nhanh phát hiện chất opiats trong nước tiểu	x	x	x	
1048	74	Test nhanh phát hiện chất gây nghiện trong nước tiểu	x	x	x	
1049	77	Điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng các thuốc hướng thần	x	x	x	x
VII. NỘI TIẾT						
		8. Các kỹ thuật trên người bệnh đái tháo đường				
1050	225	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường	x	x	x	x
1051	226	Cắt lọc, lấy bỏ tổ chức hoại tử cho các nhiễm trùng bàn chân vết loét khu trú ở ngón chân trên người bệnh đái tháo đường	x	x	x	
1052	227	Cắt lọc, lấy bỏ tổ chức hoại tử cho các nhiễm trùng bàn chân vết loét rộng < ¼ bàn chân trên người bệnh đái tháo đường	x	x	x	
1053	228	Cắt lọc, lấy bỏ tổ chức hoại tử cho các nhiễm trùng bàn chân vết loét rộng < ½ bàn chân trên người bệnh đái tháo đường	x	x	x	
1054	231	Chích rạch, dẫn lưu ổ áp xe trên người bệnh đái tháo đường	x	x	x	
1055	234	Cắt móng chân, chăm sóc móng trên người bệnh đái tháo đường	x	x	x	x
1056	236	Các tiểu phẫu ở người bệnh ĐTĐ (kiểm soát đường huyết tốt)	x	x	x	
1057	239	Hướng dẫn kỹ thuật tiêm Insulin	x	x	x	x
1058	240	Hướng dẫn tự chăm sóc bàn chân	x	x	x	x
1059	241	Tư vấn chế độ dinh dưỡng và tập luyện	x	x	x	x
VIII Y HỌC CỔ TRUYỀN						
		A. KỸ THUẬT CHUNG				
1060	1	Mai hoa châm	x	x	x	x

Stt	TT theo TT	Tên kỹ thuật	Tuyến kỹ thuật			
			A	B	C	D
1061	2	Hào châm	x	x	x	x
1062	3	Mãng châm	x	x	x	
1063	4	Nhĩ châm	x	x	x	x
1064	5	Điện châm	x	x	x	x
1065	6	Thủy châm	x	x	x	x
1066	7	Cấy chỉ	x	x	x	
1067	8	Ôn châm	x	x	x	x
1068	9	Cứu	x	x	x	x
1069	10	Chích lể	x	x	x	x
1070	11	Laser châm	x	x	x	
1071	12	Từ châm	x	x	x	x
1072	13	Kéo nắn cột sống cổ	x	x	x	
1073	14	Kéo nắn cột sống thắt lưng	x	x	x	
1074	20	Xông hơi thuốc	x	x	x	x
1075	21	Xông khói thuốc	x	x	x	x
1076	22	Sắc thuốc thang	x	x	x	x
1077	24	Ngâm thuốc YHCT bộ phận	x	x	x	x
1078	25	Đặt thuốc YHCT	x	x	x	x
1079	26	Bó thuốc	x	x	x	x
1080	27	Chườm ngải	x	x	x	x
1081	28	Luyện tập dưỡng sinh	x	x	x	x
		C. ĐIỆN MÃNG CHÂM				
1082	114	Điện mãng châm điều trị hội chứng thắt lưng- hông	x	x	x	
1083	115	Điện mãng châm điều trị béo phì	x	x	x	
1084	116	Điện mãng châm điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	x	x	x	
1085	117	Điện mãng châm điều trị hội chứng- dạ dày tá tràng	x	x	x	
1086	118	Điện mãng châm điều trị sa dạ dày	x	x	x	
1087	119	Điện mãng châm điều trị tâm căn suy nhược	x	x	x	
1088	120	Điện mãng châm điều trị trĩ	x	x	x	
1089	121	Điện mãng châm phục hồi chức năng vận động cho trẻ bại liệt	x	x	x	
1090	122	Điện mãng châm điều trị liệt do bệnh cơ ở trẻ em	x	x	x	
1091	123	Điện mãng châm điều trị liệt do tổn thương đám rối thần kinh cánh tay ở trẻ em	x	x	x	
1092	124	Điện mãng châm điều trị sa tử cung	x	x	x	
1093	125	Điện mãng châm điều trị hội chứng tiền mãn kinh	x	x	x	
1094	126	Điện mãng châm điều trị đái dầm	x	x	x	
1095	127	Điện mãng châm điều trị thống kinh	x	x	x	
1096	128	Điện mãng châm điều trị rối loạn kinh nguyệt	x	x	x	

Stt	TT theo TT	Tên kỹ thuật	Tuyến kỹ thuật			
			A	B	C	D
1097	129	Điện mãng châm điều trị hội chứng tiền đình	x	x	x	
1098	130	Điện mãng châm điều trị hội chứng vai gáy	x	x	x	
1099	131	Điện mãng châm điều trị hen phế quản	x	x	x	
1100	132	Điện mãng châm điều trị huyết áp thấp	x	x	x	
1101	133	Điện mãng châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên	x	x	x	
1102	134	Điện mãng châm điều trị tắc tia sữa	x	x	x	
1103	135	Điện mãng châm điều trị đau dây thần kinh liên sườn	x	x	x	
1104	137	Điện mãng châm điều trị đau thần kinh V	x	x	x	
1105	138	Điện mãng châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	x	x	x	
1106	139	Điện mãng châm điều trị rối loạn thần kinh chức năng do chấn thương sọ não	x	x	x	
1107	140	Điện mãng châm điều trị khàn tiếng	x	x	x	
1108	141	Điện mãng châm điều trị liệt chi trên	x	x	x	
1109	142	Điện mãng châm điều trị liệt chi dưới	x	x	x	
1110	143	Điện mãng châm điều trị đau hố mắt	x	x	x	
1111	144	Điện mãng châm điều trị viêm kết mạc	x	x	x	
1112	145	Điện mãng châm điều trị giảm thị lực	x	x	x	
1113	146	Điện mãng châm điều trị	x	x	x	
1114	148	Điện mãng châm hỗ trợ điều trị nghiện thuốc lá	x	x	x	
1115	149	Điện mãng châm hỗ trợ điều trị nghiện rượu	x	x	x	
1116	150	Điện mãng châm điều trị táo bón kéo dài	x	x	x	
1117	151	Điện mãng châm điều trị viêm mũi xoang	x	x	x	
1118	152	Điện mãng châm điều trị rối loạn tiêu hóa	x	x	x	
1119	153	Điện mãng châm điều trị đau răng	x	x	x	
1120	154	Điện mãng châm điều trị viêm đa khớp dạng thấp	x	x	x	
1121	155	Điện mãng châm điều trị viêm quanh khớp vai	x	x	x	
1122	156	Điện mãng châm điều trị giảm đau do thoái hóa khớp	x	x	x	
1123	157	Điện mãng châm điều trị đau lưng	x	x	x	
1124	158	Điện mãng châm điều trị di tinh	x	x	x	
1125	159	Điện mãng châm điều trị liệt dương	x	x	x	
1126	160	Điện mãng châm điều trị rối loạn tiểu tiện	x	x	x	
1127	161	Điện mãng châm điều trị bí đái cơ năng	x	x	x	
		D. ĐIỆN NHĨ CHÂM				
1128	162	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng tiền đình	x	x	x	
1129	163	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng vai gáy	x	x	x	
1130	164	Điện nhĩ châm điều trị hen phế quản	x	x	x	
1131	165	Điện nhĩ châm điều trị huyết áp thấp	x	x	x	
1132	166	Điện nhĩ châm điều trị liệt dây VII ngoại biên	x	x	x	

Stt	TT theo TT	Tên kỹ thuật	Tuyến kỹ thuật			
			A	B	C	D
1133	167	Điện nhĩ châm điều trị tắc tia sữa	x	x	x	
1134	168	Điện nhĩ châm điều trị thiểu năng tuần hoàn não mạn tính	x	x	x	
1135	169	Điện nhĩ châm điều trị đau đau đầu, đau nửa đầu	x	x	x	
1136	170	Điện nhĩ châm điều trị mất ngủ	x	x	x	
1137	171	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng stress	x	x	x	
1138	172	Điện nhĩ châm điều trị nôn	x	x	x	
1139	173	Điện nhĩ châm điều trị nấc	x	x	x	
1140	174	Điện nhĩ châm điều trị cảm mạo	x	x	x	
1141	175	Điện nhĩ châm hỗ trợ điều trị viêm Amidan	x	x	x	
1142	176	Điện nhĩ châm điều trị béo phì	x	x	x	
1143	177	Điện nhĩ châm điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	x	x	x	
1144	179	Điện nhĩ châm phục hồi chức năng cho trẻ bại liệt	x	x	x	
1145	180	Điện nhĩ châm điều trị giảm thính lực	x	x	x	
1146	181	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng tự kỷ ở trẻ em	x	x	x	
1147	182	Điện nhĩ châm điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não	x	x	x	
1148	183	Điện nhĩ châm điều trị phục hồi chức năng ở trẻ bại não	x	x	x	
1149	184	Điện nhĩ châm điều trị cơn đau quặn thận	x	x	x	
1150	185	Điện nhĩ châm điều trị viêm bàng quang	x	x	x	
1151	186	Điện nhĩ châm điều di tinh	x	x	x	
1152	187	Điện nhĩ châm điều trị liệt dương	x	x	x	
1153	188	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn tiểu tiện	x	x	x	
1154	189	Điện nhĩ châm điều trị bí đái cơ năng	x	x	x	
1155	190	Điện nhĩ châm điều trị cơn động kinh cục bộ	x	x	x	
1156	191	Điện nhĩ châm điều trị sa tử cung	x	x	x	
1157	192	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng tiền mãn kinh	x	x	x	
1158	193	Điện nhĩ châm điều trị thất vận ngôn	x	x	x	
1159	194	Điện nhĩ châm điều trị đau dây thần kinh V	x	x	x	
1160	195	Điện nhĩ châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	x	x	x	
1161	196	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn thần kinh chức năng sau chấn thương sọ não	x	x	x	
1162	197	Điện nhĩ châm điều trị khàn tiếng	x	x	x	
1163	198	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	x	x	x	
1164	199	Điện nhĩ châm điều trị liệt chi trên	x	x	x	
1165	200	Điện nhĩ châm điều trị liệt chi dưới	x	x	x	
1166	201	Điện nhĩ châm điều trị thống kinh	x	x	x	
1167	202	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn kinh nguyệt	x	x	x	

Stt	TT theo TT	Tên kỹ thuật	Tuyến kỹ thuật			
			A	B	C	D
1168	203	Điện nhĩ châm điều trị đau hố mắt	x	x	x	
1169	204	Điện nhĩ châm điều trị viêm kết mạc	x	x	x	
1170	205	Điện nhĩ châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	x	x	x	
1171	206	Điện nhĩ châm điều trị giảm thị lực	x	x	x	
1172	208	Điện nhĩ châm điều trị táo bón kéo dài	x	x	x	
1173	209	Điện nhĩ châm điều trị viêm mũi xoang	x	x	x	
1174	210	Điện nhĩ châm hỗ trợ điều trị nghiện thuốc lá	x	x	x	
1175	211	Điện nhĩ châm điều trị đái dầm	x	x	x	
1176	212	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn tiêu hóa	x	x	x	
1177	213	Điện nhĩ châm điều trị đau răng	x	x	x	
1178	214	Điện nhĩ châm điều trị nghiện rượu	x	x	x	
1179	215	Điện nhĩ châm điều trị viêm khớp dạng thấp	x	x	x	
1180	216	Điện nhĩ châm điều trị viêm quanh khớp vai	x	x	x	
1181	217	Điện nhĩ châm điều trị đau do thoái hóa khớp	x	x	x	
1182	218	Điện nhĩ châm điều trị đau lưng	x	x	x	
1183	219	Điện nhĩ châm điều trị ù tai	x	x	x	
1184	220	Điện nhĩ châm điều trị giảm khứu giác	x	x	x	
1185	221	Điện nhĩ châm điều trị liệt rễ, đám rối dây thần kinh	x	x	x	
1186	222	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn cảm giác nông	x	x	x	
1187	223	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật	x	x	x	
1188	224	Điện nhĩ châm điều trị giảm đau do ung thư	x	x	x	
1189	225	Điện nhĩ châm điều trị giảm đau do Zona	x	x	x	
1190	226	Điện nhĩ châm điều trị viêm đa rễ, đa dây thần kinh	x	x	x	
		Đ. CẤY CHỈ				
1191	228	Cấy chỉ điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	x	x	x	
1192	229	Cấy chỉ điều trị tâm căn suy nhược	x	x	x	
1193	230	Cấy chỉ điều trị viêm mũi dị ứng	x	x	x	
1194	231	Cấy chỉ điều trị sa dạ dày	x	x	x	
1195	232	Cấy chỉ châm điều trị hội chứng dạ dày- tá tràng	x	x	x	
1196	233	Cấy chỉ điều trị mày đay	x	x	x	
1197	234	Cấy chỉ hỗ trợ điều trị vẩy nến	x	x	x	
1198	235	Cấy chỉ điều trị giảm thính lực	x	x	x	
1199	236	Cấy chỉ điều trị giảm thị lực	x	x	x	
1200	237	Cấy chỉ điều trị hội chứng tự kỷ	x	x	x	
1201	238	Cấy chỉ điều trị liệt do tổn thương đám rối cánh tay ở trẻ em	x	x	x	
1202	239	Cấy chỉ điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não	x	x	x	
1203	240	Cấy chỉ châm điều trị phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não	x	x	x	

Stt	TT theo TT	Tên kỹ thuật	Tuyến kỹ thuật			
			A	B	C	D
1204	241	Cấy chỉ điều trị hội chứng thắt lưng- hông	x	x	x	
1205	242	Cấy chỉ điều trị đau đầu, đau nửa đầu	x	x	x	
1206	243	Cấy chỉ điều trị mất ngủ	x	x	x	
1207	244	Cấy chỉ điều trị nấc	x	x	x	
1208	245	Cấy chỉ điều trị hội chứng tiền đình	x	x	x	
1209	246	Cấy chỉ điều trị hội chứng vai gáy	x	x	x	
1210	247	Cấy chỉ điều trị hen phế quản	x	x	x	
1211	248	Cấy chỉ điều trị huyết áp thấp	x	x	x	
1212	249	Cấy chỉ điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên	x	x	x	
1213	250	Cấy chỉ điều trị thiểu năng tuần hoàn não mạn tính	x	x	x	
1214	251	Cấy chỉ điều trị đau thần kinh liên sườn	x	x	x	
1215	252	Cấy chỉ điều trị thất vận ngôn	x	x	x	
1216	253	Cấy chỉ điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	x	x	x	
1217	254	Cấy chỉ điều trị rối loạn thần kinh chức năng sau chấn thương sọ não	x	x	x	
1218	255	Cấy chỉ điều trị hội chứng ngoại tháp	x	x	x	
1219	256	Cấy chỉ điều trị khàn tiếng	x	x	x	
1220	257	Cấy chỉ điều trị liệt chi trên	x	x	x	
1221	258	Cấy chỉ điều trị liệt chi dưới	x	x	x	
1222	260	Cấy chỉ điều trị hỗ trợ cai nghiện thuốc lá	x	x	x	
1223	261	Cấy chỉ điều trị hỗ trợ cai nghiện rượu	x	x	x	
1224	262	Cấy chỉ điều trị viêm mũi xoang	x	x	x	
1225	263	Cấy chỉ điều trị rối loạn tiêu hóa	x	x	x	
1226	264	Cấy chỉ điều trị táo bón kéo dài	x	x	x	
1227	265	Cấy chỉ hỗ trợ điều trị viêm khớp dạng thấp	x	x	x	
1228	266	Cấy chỉ điều trị viêm quanh khớp vai	x	x	x	
1229	267	Cấy chỉ điều trị đau do thoái hóa khớp	x	x	x	
1230	268	Cấy chỉ điều trị đau lưng	x	x	x	
1231	269	Cấy chỉ điều trị đái dầm	x	x	x	
1232	270	Cấy chỉ điều trị cơn động kinh cục bộ	x	x	x	
1233	271	Cấy chỉ điều trị rối loạn kinh nguyệt	x	x	x	
1234	272	Cấy chỉ điều trị đau bụng kinh	x	x	x	
1235	273	Cấy chỉ điều trị sa tử cung	x	x	x	
1236	274	Cấy chỉ điều trị hội chứng tiền mãn kinh	x	x	x	
1237	275	Cấy chỉ điều trị di tinh	x	x	x	
1238	276	Cấy chỉ điều trị liệt dương	x	x	x	
1239	277	Cấy chỉ điều trị rối loạn tiểu tiện không tự chủ	x	x	x	
		E. ĐIỆN CHÂM				
1240	278	Điện châm điều trị hội chứng tiền đình	x	x	x	x

Stt	TT theo TT	Tên kỹ thuật	Tuyến kỹ thuật			
			A	B	C	D
1241	279	Điện châm điều trị huyết áp thấp	x	x	x	x
1242	280	Điện châm điều trị thiểu năng tuần hoàn não mạn tính	x	x	x	x
1243	281	Điện châm điều trị hội chứng stress	x	x	x	x
1244	282	Điện châm điều trị cảm mạo	x	x	x	x
1245	283	Điện châm điều trị viêm amidan	x	x	x	x
1246	284	Điện châm điều trị trĩ	x	x	x	x
1247	285	Điện châm điều trị phục hồi chức năng cho trẻ bại liệt	x	x	x	x
1248	286	Điện châm điều trị hỗ trợ bệnh tự kỷ trẻ em	x	x	x	x
1249	287	Điện châm điều trị liệt tay do tổn thương đám rối cánh tay ở trẻ em	x	x	x	x
1250	288	Điện châm điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não	x	x	x	x
1251	289	Điện châm điều trị phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não	x	x	x	x
1252	290	Điện châm điều trị cơn đau quặn thận	x	x	x	x
1253	291	Điện châm điều trị viêm bàng quang	x	x	x	x
1254	292	Điện châm điều trị rối loạn tiểu tiện	x	x	x	x
1255	293	Điện châm điều trị bí đái cơ năng	x	x	x	x
1256	294	Điện châm điều trị sa tử cung	x	x	x	x
1257	295	Điện châm điều trị hội chứng tiền mãn kinh	x	x	x	x
1258	296	Điện châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	x	x	x	x
1259	297	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh chức năng sau chấn thương sọ não	x	x	x	x
1260	298	Điện châm điều trị hội chứng ngoại tháp	x	x	x	x
1261	299	Điện châm điều trị khàn tiếng	x	x	x	x
1262	300	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	x	x	x	x
1263	301	Điện châm điều trị liệt chi trên	x	x	x	x
1264	302	Điện châm điều trị chắp lẹo	x	x	x	x
1265	303	Điện châm điều trị đau hố mắt	x	x	x	x
1266	304	Điện châm điều trị viêm kết mạc	x	x	x	x
1267	305	Điện châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	x	x	x	x
1268	306	Điện châm điều trị lác cơ năng	x	x	x	x
1269	307	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác nông	x	x	x	x
1270	308	Điện châm hỗ trợ điều trị nghiện thuốc lá	x	x	x	x
1271	309	Điện châm hỗ trợ điều trị nghiện rượu	x	x	x	x
1272	310	Điện châm điều trị viêm mũi xoang	x	x	x	x
1273	311	Điện châm điều trị rối loạn tiêu hóa	x	x	x	x
1274	312	Điện châm điều trị đau răng	x	x	x	x
1275	313	Điện châm điều trị đau do thoái hóa khớp	x	x	x	x
1276	314	Điện châm điều trị ù tai	x	x	x	x

Stt	TT theo TT	Tên kỹ thuật	Tuyến kỹ thuật			
			A	B	C	D
1277	315	Điện châm điều trị giảm khứu giác	x	x	x	x
1278	316	Điện châm điều trị liệt do tổn thương đám rối dây thần kinh	x	x	x	x
1279	317	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật	x	x	x	x
1280	318	Điện châm điều trị giảm đau do ung thư	x	x	x	x
1281	319	Điện châm điều trị giảm đau do zona	x	x	x	x
1282	320	Điện châm điều trị liệt do viêm đa rễ, đa dây thần kinh	x	x	x	x
		G. THUỶ CHÂM				
1283	322	Thuỷ châm điều trị hội chứng thắt lưng- hông	x	x	x	x
1284	323	Thuỷ châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu	x	x	x	
1285	324	Thuỷ châm điều trị mất ngủ	x	x	x	x
1286	325	Thuỷ châm điều trị hội chứng stress	x	x	x	
1287	326	Thuỷ châm điều trị nấc	x	x	x	x
1288	327	Thuỷ châm điều trị cảm mạo, cúm	x	x	x	x
1289	328	Thuỷ châm điều trị viêm amydan	x	x	x	x
1290	329	Thuỷ châm điều trị béo phì	x	x	x	x
1291	330	Thuỷ châm điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	x	x	x	x
1292	331	Thuỷ châm điều trị hội chứng dạ dày tá tràng	x	x	x	x
1293	332	Thuỷ châm điều trị sa dạ dày	x	x	x	
1294	333	Thuỷ châm điều trị trĩ	x	x	x	
1295	334	Thuỷ châm hỗ trợ điều trị bệnh vẩy nến	x	x	x	
1296	335	Thuỷ châm điều trị mày đay	x	x	x	x
1297	336	Thuỷ châm điều trị bệnh viêm mũi dị ứng	x	x	x	x
1298	337	Thuỷ châm điều trị tâm căn suy nhược	x	x	x	
1299	338	Thuỷ châm điều trị bại liệt trẻ em	x	x	x	x
1300	339	Thuỷ châm điều trị giảm thính lực	x	x	x	
1301	340	Thuỷ châm điều trị liệt trẻ em	x	x	x	x
1302	341	Thuỷ châm điều trị bệnh tự kỷ ở trẻ em	x	x	x	
1303	342	Thuỷ châm điều trị liệt do tổn thương đám rối cánh tay ở trẻ em	x	x	x	
1304	343	Thuỷ châm điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não	x	x	x	
1305	344	Thuỷ châm điều trị phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não	x	x	x	
1306	345	Thuỷ châm điều trị cơn động kinh cục bộ	x	x	x	
1307	346	Thuỷ châm điều trị sa tử cung	x	x	x	
1308	347	Thuỷ châm điều trị hội chứng tiền mãn kinh	x	x	x	x
1309	348	Thuỷ châm điều trị thống kinh	x	x	x	x
1310	349	Thuỷ châm điều trị rối loạn kinh nguyệt	x	x	x	x
1311	350	Thuỷ châm điều trị đái dầm	x	x	x	x

Stt	TT theo TT	Tên kỹ thuật	Tuyến kỹ thuật			
			A	B	C	D
1312	351	Thuỷ châm điều trị hội chứng tiền đình	x	x	x	x
1313	352	Thuỷ châm điều trị đau vai gáy	x	x	x	x
1314	353	Thuỷ châm điều trị hen phế quản	x	x	x	x
1315	354	Thuỷ châm điều trị huyết áp thấp	x	x	x	x
1316	355	Thuỷ châm điều trị thiểu năng tuần hoàn não mạn tính	x	x	x	x
1317	356	Thuỷ châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên	x	x	x	x
1318	357	Thuỷ châm điều trị đau dây thần kinh liên sườn	x	x	x	x
1319	358	Thuỷ châm điều trị thất vận ngôn	x	x	x	
1320	359	Thuỷ châm điều trị đau dây V	x	x	x	
1321	360	Thuỷ châm điều trị đau liệt tứ chi do chấn thương cột sống	x	x	x	
1322	361	Thuỷ châm điều trị loạn chức năng do chấn thương sọ não	x	x	x	
1323	362	Thuỷ châm điều trị hội chứng ngoại tháp	x	x	x	
1324	363	Thuỷ châm điều trị khàn tiếng	x	x	x	
1325	364	Thuỷ châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	x	x	x	
1326	365	Thuỷ châm điều trị liệt chi trên	x	x	x	x
1327	366	Thuỷ châm điều trị liệt hai chi dưới	x	x	x	x
1328	367	Thuỷ châm điều trị sụp mi	x	x	x	x
1329	369	Thuỷ châm hỗ trợ điều trị nghiện thuốc lá	x	x	x	x
1330	370	Thuỷ châm hỗ trợ điều trị nghiện rượu	x	x	x	x
1331	371	Thuỷ châm điều trị viêm mũi xoang	x	x	x	x
1332	372	Thuỷ châm điều trị rối loạn tiêu hóa	x	x	x	x
1333	373	Thuỷ châm điều trị đau răng	x	x	x	x
1334	374	Thuỷ châm điều trị táo bón kéo dài	x	x	x	x
1335	375	Thuỷ châm hỗ trợ điều trị viêm khớp dạng thấp	x	x	x	x
1336	376	Thuỷ châm điều trị đau do thoái hóa khớp	x	x	x	x
1337	377	Thuỷ châm điều trị viêm quanh khớp vai	x	x	x	x
1338	378	Thuỷ châm điều trị đau lưng	x	x	x	x
1339	379	Thuỷ châm điều trị sụp mi	x	x	x	
1340	380	Thuỷ châm điều trị đau hố mắt	x	x	x	
1341	381	Thuỷ châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	x	x	x	
1342	382	Thuỷ châm điều trị lác cơ năng	x	x	x	
1343	383	Thuỷ châm điều trị giảm thị lực	x	x	x	
1344	384	Thuỷ châm điều trị viêm bàng quang	x	x	x	
1345	385	Thuỷ châm điều trị di tinh	x	x	x	
1346	386	Thuỷ châm điều trị liệt dương	x	x	x	
1347	387	Thuỷ châm điều trị rối loạn tiểu tiện	x	x	x	
1348	388	Thuỷ châm điều trị bí đái cơ năng	x	x	x	x

Stt	TT theo TT	Tên kỹ thuật	Tuyến kỹ thuật			
			A	B	C	D
		H. XOA BÓP BẤM HUYỆT				
1349	389	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi trên	x	x	x	x
1350	390	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi dưới	x	x	x	x
1351	391	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	x	x	x	x
1352	392	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng thắt lưng- hông	x	x	x	x
1353	393	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do viêm não	x	x	x	x
1354	394	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não	x	x	x	x
1355	395	Xoa bóp bấm huyệt phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não	x	x	x	x
1356	396	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi trên	x	x	x	x
1357	397	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi dưới	x	x	x	x
1358	398	Xoa bóp bấm huyệt điều trị choáng, ngất	x	x	x	x
1359	399	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bệnh tự kỷ ở trẻ em	x	x	x	
1360	400	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng ù tai	x	x	x	x
1361	401	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm khứu giác	x	x	x	x
1362	402	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do bệnh của cơ	x	x	x	x
1363	403	Xoa bóp bấm huyệt hỗ trợ điều trị nghiện rượu	x	x	x	x
1364	404	Xoa bóp bấm huyệt hỗ trợ điều trị nghiện thuốc lá	x	x	x	x
1365	406	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tâm căn suy nhược	x	x	x	x
1366	407	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng ngoại tháp	x	x	x	x
1367	408	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau đầu, đau nửa đầu	x	x	x	x
1368	409	Xoa bóp bấm huyệt điều trị mất ngủ	x	x	x	x
1369	410	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng stress	x	x	x	x
1370	411	Xoa bóp bấm huyệt điều trị thiểu năng tuần hoàn não mạn tính	x	x	x	x
1371	412	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh	x	x	x	x
1372	413	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương dây thần kinh V	x	x	x	x
1373	414	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên	x	x	x	x
1374	415	Xoa bóp bấm huyệt điều trị sụp mi	x	x	x	x
1375	416	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	x	x	x	x
1376	417	Xoa bóp bấm huyệt điều trị lác cơ năng	x	x	x	x
1377	418	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thị lực	x	x	x	x
1378	419	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền đình	x	x	x	x
1379	420	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thính lực	x	x	x	x
1380	421	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm mũi xoang	x	x	x	x

Stt	TT theo TT	Tên kỹ thuật	Tuyến kỹ thuật			
			A	B	C	D
1381	422	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hen phế quản	x	x	x	x
1382	423	Xoa bóp bấm huyệt hỗ trợ điều trị tăng huyết áp	x	x	x	x
1383	424	Xoa bóp bấm huyệt điều trị huyết áp thấp	x	x	x	x
1384	425	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh liên sườn	x	x	x	x
1385	426	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng dạ dày- tá tràng	x	x	x	x
1386	427	Xoa búp bấm huyệt điều trị nấc	x	x	x	x
1387	428	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm khớp dạng thấp	x	x	x	x
1388	429	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau do thoái hoá khớp	x	x	x	x
1389	430	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau lưng	x	x	x	x
1390	431	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm quanh khớp vai	x	x	x	x
1391	432	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng vai gáy	x	x	x	x
1392	433	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng tic cơ mặt	x	x	x	x
1393	434	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	x	x	x	x
1394	435	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tắc tia sữa	x	x	x	x
1395	436	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn kinh nguyệt	x	x	x	x
1396	437	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau bụng kinh	x	x	x	x
1397	438	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền mãn kinh	x	x	x	x
1398	439	Xoa bóp bấm huyệt điều trị táo bón	x	x	x	x
1399	440	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn tiêu hoá	x	x	x	x
1400	441	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác nông	x	x	x	x
1401	442	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bí đái cơ năng	x	x	x	x
1402	443	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn thần kinh thực vật	x	x	x	
1403	444	Xoa bóp bấm huyệt điều trị béo phì	x	x	x	x
1404	445	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn chức năng vận động do chấn thương sọ não	x	x	x	x
1405	446	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	x	x	x	x
1406	447	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau sau phẫu thuật	x	x	x	x
1407	448	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau do ung thư	x	x	x	x
1408	449	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đái dầm	x	x	x	x
		I. CỨU				
1409	451	Cứu điều trị hội chứng thắt lưng- hông thể phong hàn	x	x	x	x
1410	452	Cứu điều trị đau đầu, đau nửa đầu thể hàn	x	x	x	x
1411	453	Cứu điều trị nấc thể hàn	x	x	x	x
1412	454	Cứu điều trị ngoại cảm phong hàn	x	x	x	x
1413	455	Cứu điều trị khàn tiếng thể hàn	x	x	x	x
1414	456	Cứu điều trị rối loạn cảm giác đầu chi thể hàn	x	x	x	x
1415	457	Cứu điều trị liệt chi trên thể hàn	x	x	x	x
1416	458	Cứu điều trị liệt chi dưới thể hàn	x	x	x	x

Stt	TT theo TT	Tên kỹ thuật	Tuyến kỹ thuật			
			A	B	C	D
1417	459	Cứu điều trị liệt nửa người thể hàn	x	x	x	x
1418	460	Cứu điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên thể hàn	x	x	x	x
1419	461	Cứu điều trị đau vai gáy cấp thể hàn	x	x	x	x
1420	462	Cứu điều trị giảm thính lực thể hàn	x	x	x	x
1421	463	Cứu hỗ trợ điều trị bệnh tự kỷ thể hàn	x	x	x	x
1422	464	Cứu điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não	x	x	x	x
1423	465	Cứu điều trị di tinh thể hàn	x	x	x	x
1424	466	Cứu điều trị liệt dương thể hàn	x	x	x	x
1425	467	Cứu điều trị bí đái thể hàn	x	x	x	x
1426	468	Cứu điều trị đau bụng kinh thể hàn	x	x	x	x
1427	469	Cứu điều trị sa tử cung thể hàn	x	x	x	x
1428	470	Cứu điều trị rối loạn kinh nguyệt thể hàn	x	x	x	x
1429	471	Cứu điều trị đái dầm thể hàn	x	x	x	x
1430	473	Cứu điều trị đau lưng thể hàn	x	x	x	x
1431	474	Cứu điều trị giảm khứu giác thể hàn	x	x	x	x
1432	475	Cứu điều trị rối loạn thần kinh thực vật thể hàn	x	x	x	x
1433	476	Cứu điều trị cảm cúm thể hàn	x	x	x	x
1434	477	Cứu điều trị rối loạn tiêu hóa thể hàn	x	x	x	x
1435	478	Cứu hỗ trợ điều trị nghiện ma túy thể hàn	x	x	x	x
		K. GIÁC HƠI				
1436	479	Giác hơi điều trị ngoại cảm phong hàn	x	x	x	x
1437	480	Giác hơi điều trị ngoại cảm phong nhiệt	x	x	x	x
1438	481	Giác hơi điều trị các chứng đau	x	x	x	x
1439	482	Giác hơi điều trị cảm cúm	x	x	x	x
IX GÂY MÊ HỒI SỨC						
		A. CÁC KỸ THUẬT				
1440	2	Kỹ thuật cách ly dự phòng	x	x	x	
1441	3	Kỹ thuật cách ly nhiễm trùng	x	x	x	
1442	6	Cấp cứu cao huyết áp	x	x	x	
1443	7	Cấp cứu ngừng thở	x	x	x	
1444	8	Cấp cứu ngừng tim	x	x	x	
1445	10	Cấp cứu tụt huyết áp	x	x	x	
1446	11	Chăm sóc bệnh nhân đã tử vong	x	x	x	
1447	13	Chăm sóc catheter tĩnh mạch	x	x	x	
1448	19	Chọc tuỷ sống đường bên	x	x	x	
1449	20	Chọc tuỷ sống đường giữa	x	x	x	
1450	21	Chống hạ thân nhiệt trong hoặc sau phẫu thuật	x	x	x	
1451	22	Chụp X-quang cấp cứu tại giường	x	x	x	
1452	32	Đặt dẫn lưu ngực cấp cứu	x	x	x	

Stt	TT theo TT	Tên kỹ thuật	Tuyến kỹ thuật			
			A	B	C	D
1453	34	Đặt mát thanh quản kinh điển hoặc tương đương	x	x	x	
1454	37	Đặt nội khí quản khi dạ dầy đầy	x	x	x	
1455	44	Đặt nội khí quản qua mũi	x	x	x	
1456	45	Đặt nội khí quản với ống nội khí quản có vòng xoắn kim loại	x	x	x	
1457	46	Đặt nội khí quản với thuốc mê tĩnh mạch, thuốc mê hô hấp	x	x	x	
1458	59	Dự phòng rối loạn đông máu bằng tiêm truyền axit tranexamic	x	x	x	
1459	60	Dự phòng tắc tĩnh mạch sau phẫu thuật, sau chấn thương	x	x	x	
1460	62	Kỹ thuật gây mê hô hấp qua mặt nạ	x	x	x	
1461	64	Kỹ thuật gây mê lưu lượng thấp	x	x	x	
1462	67	Kỹ thuật gây mê tĩnh mạch với etomidate, ketamine, propofol, thiopental	x	x	x	
1463	68	Kỹ thuật gây mê vòng kín có vôi soda	x	x	x	
1464	70	Kỹ thuật gây tê cạnh nhãn cầu	x	x	x	
1465	72	Kỹ thuật gây tê chọc kim vào khoang ngoài màng cứng thắt lưng đường giữa	x	x	x	
1466	73	Kỹ thuật gây tê chọc kim vào khoang ngoài màng cứng thắt lưng, đường bên	x	x	x	
1467	86	Kỹ thuật gây tê ở cổ tay	x	x	x	
1468	87	Kỹ thuật gây tê ở khuỷu tay	x	x	x	
1469	95	Kỹ thuật gây tê vùng bàn chân	x	x	x	
1470	96	Kỹ thuật gây tê vùng khớp gối	x	x	x	
1471	97	Ghi điện tim cấp cứu tại giường	x	x	x	
1472	98	Kỹ thuật giảm đau bằng tiêm morphin cách quãng dưới da	x	x	x	
1473	99	Kỹ thuật giảm đau bằng dò liều morphin tĩnh mạch	x	x	x	
1474	102	Kỹ thuật giảm đau bằng thuốc cho người bệnh sau phẫu thuật, sau chấn thương	x	x	x	
1475	110	Kỹ thuật giảm đau sau phẫu thuật bằng truyền ketamin liều thấp	x	x	x	
1476	113	Kỹ thuật giảm đau và gây ngủ nắn xương	x	x	x	
1477	114	Kỹ thuật giảm đau và gây ngủ ngoài phòng phẫu thuật	x	x	x	
1478	116	Hô hấp nhân tạo bằng máy trong và sau mê	x	x	x	
1479	117	Hô hấp nhân tạo bằng tay với bóng hay ambu trong và sau mê	x	x	x	
1480	120	Hút nội khí quản hoặc hút mở khí quản	x	x	x	
1481	123	Khí dung đường thở ở bệnh nhân nặng	x	x	x	
1482	127	Liệu pháp kháng sinh dự phòng trước và sau phẫu thuật	x	x	x	

Stt	TT theo TT	Tên kỹ thuật	Tuyến kỹ thuật			
			A	B	C	D
1483	133	Lưu kim luồn tĩnh mạch để tiêm thuốc	x	x	x	
1484	136	Mở khí quản	x	x	x	
1485	139	Nâng thân nhiệt chỉ huy	x	x	x	
1486	141	Nuôi dưỡng bằng đường tĩnh mạch	x	x	x	
1487	142	Nuôi dưỡng qua ống thông dạ dày	x	x	x	
1488	146	Phát hiện, phòng, điều trị nhiễm khuẩn bệnh viện (vết phẫu thuật, catheter, hô hấp, tiết niệu…)	x	x	x	
1489	147	Phòng và điều trị trào ngược dịch dạ dày	x	x	x	
1490	148	Rửa tay phẫu thuật	x	x	x	
1491	149	Rửa tay sát khuẩn	x	x	x	
1492	150	Săn sóc theo dõi ống thông tiểu	x	x	x	
1493	151	Siêu âm tim cấp cứu tại giường	x	x	x	
1494	161	Theo dõi độ mê bằng đo stress phẫu thuật	x	x	x	
1495	166	Theo dõi Hb tại chỗ	x	x	x	
1496	167	Theo dõi Hct tại chỗ	x	x	x	
1497	168	Theo dõi huyết áp không xâm lấn bằng máy	x	x	x	
1498	173	Theo dõi SpO_2	x	x	x	
1499	176	Theo dõi thân nhiệt với nhiệt kế thường qui	x	x	x	
1500	177	Thở CPAP không qua máy thở	x	x	x	
1501	183	Thở oxy gọng kính	x	x	x	
1502	184	Thở oxy qua mặt nạ	x	x	x	
1503	185	Thở oxy qua mũ kín	x	x	x	
1504	186	Thở oxy qua ống chữ T	x	x	x	
1505	188	Thông khí không xâm nhập bằng máy thở	x	x	x	
1506	192	Thường qui đặt nội khí quản khó	x	x	x	
1507	194	Tiệt trùng dụng cụ phục vụ phẫu thuật, GMHS	x	x	x	
1508	195	Truyền dịch thường qui	x	x	x	
1509	196	Truyền dịch trong sốc	x	x	x	
1510	197	Truyền máu hoặc sản phẩm máu thường qui	x	x	x	
1511	199	Truyền máu trong sốc	x	x	x	
1512	200	Vận chuyển bệnh nhân nặng ngoại viện	x	x	x	
1513	201	Vận chuyển bệnh nhân nặng nội viện	x	x	x	
1514	202	Vệ sinh miệng ở bệnh nhân hồi sức	x	x	x	
1515	203	Vô cảm cho các phẫu thuật nhỏ ở tầng sinh môn trẻ em	x	x	x	
1516	204	Vô trùng phòng phẫu thuật, phòng tiểu phẫu hoặc buồng bệnh	x	x	x	
1517	205	Xác định nhóm máu trước truyền máu tại giường	x	x	x	
		B. GÂY MÊ				
1518	266	Gây mê phẫu thuật bảo tồn	x	x	x	

Stt	TT theo TT	Tên kỹ thuật	Tuyến kỹ thuật			
			A	B	C	D
1519	269	Gây mê phẫu thuật bệnh nhân chửa ngoài dạ con vỡ	x	x	x	
1520	271	Gây mê phẫu thuật bệnh nhân viêm phúc mạc ruột thừa	x	x	x	
1521	286	Gây mê phẫu thuật bụng cấp cứu không phải chấn thương ở người lớn và trẻ em trên 6 tuổi	x	x	x	
1522	287	Gây mê phẫu thuật bụng cấp do chấn thương ở người lớn và trẻ em trên 6 tuổi	x	x	x	
1523	290	Gây mê phẫu thuật bướu tinh hoàn	x	x	x	
1524	322	Gây mê phẫu thuật cắt bao da qui đầu do dính hoặc dài	x	x	x	
1525	330	Gây mê phẫu thuật cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính dưới 5 cm	x	x	x	
1526	333	Gây mê phẫu thuật cắt chắp có bọc	x	x	x	
1527	348	Gây mê phẫu thuật cắt da thừa cạnh hậu môn	x	x	x	
1528	363	Gây mê phẫu thuật cắt hoại tử tiếp tuyến bỏng sâu từ 3% - 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x	x	
1529	364	Gây mê phẫu thuật cắt hoại tử tiếp tuyến bỏng sâu từ 5% - 10% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x	x	
1530	365	Gây mê phẫu thuật cắt hoại tử toàn lớp bỏng sâu trên 3% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x	x	
1531	366	Gây mê phẫu thuật cắt hoại tử toàn lớp bỏng sâu trên 5% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x	x	
1532	367	Gây mê phẫu thuật cắt hoại tử toàn lớp bỏng sâu từ 1% - 3% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x	x	
1533	368	Gây mê phẫu thuật cắt hoại tử toàn lớp bỏng sâu từ 3% - 5% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x	x	
1534	369	Gây mê phẫu thuật cắt khối u da lành tính dưới 5cm	x	x	x	
1535	370	Gây mê phẫu thuật cắt khối u da lành tính mi mắt	x	x	x	
1536	371	Gây mê phẫu thuật cắt khối u da lành tính trên 5cm	x	x	x	
1537	375	Gây mê phẫu thuật cắt lách do chấn thương	x	x	x	
1538	378	Gây mê phẫu thuật cắt lọc da, cơ, cân từ 1 - 3% diện tích cơ thể	x	x	x	
1539	379	Gây mê phẫu thuật cắt lọc da, cơ, cân dưới 1% diện tích cơ thể	x	x	x	
1540	381	Gây mê phẫu thuật cắt lọc đơn thuần vết thương bàn tay	x	x	x	
1541	427	Gây mê phẫu thuật cắt rộng tổ chức áp xe vú	x	x	x	
1542	430	Gây mê phẫu thuật cắt ruột thừa đơn thuần	x	x	x	
1543	432	Gây mê phẫu thuật cắt ruột thừa, dẫn lưu ổ apxe	x	x	x	
1544	433	Gây mê phẫu thuật cắt ruột thừa, lau rửa ổ bụng	x	x	x	
1545	466	Gây mê phẫu thuật cắt tinh hoàn lạc chỗ	x	x	x	
1546	467	Gây mê phẫu thuật cắt tinh hoàn	x	x	x	

Stt	TT theo TT	Tên kỹ thuật	Tuyến kỹ thuật			
			A	B	C	D
1547	494	Gây mê phẫu thuật cắt tử cung buồng trứng + phần phụ + mạc nối lớn	x	x	x	
1548	496	Gây mê phẫu thuật cắt tử cung buồng trứng, u buồng trứng, phần phụ	x	x	x	
1549	501	Gây mê phẫu thuật cắt tử cung hoàn toàn vì u xơ tử cung	x	x	x	
1550	503	Gây mê phẫu thuật cắt tử cung	x	x	x	
1551	505	Gây mê phẫu thuật cắt túi mật	x	x	x	
1552	508	Gây mê phẫu thuật cắt túi thừa Meckel	x	x	x	
1553	528	Gây mê phẫu thuật cắt u da lành tính vùng da đầu dưới 2cm	x	x	x	
1554	544	Gây mê phẫu thuật cắt u lành phần mềm đường kính trên 10cm	x	x	x	
1555	560	Gây mê phẫu thuật cắt u mỡ phần mềm	x	x	x	
1556	561	Gây mê phẫu thuật cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính trên 5 cm	x	x	x	
1557	562	Gây mê phẫu thuật cắt u nang bao hoạt dịch	x	x	x	
1558	563	Gây mê phẫu thuật cắt u nang buồng trứng xoắn	x	x	x	
1559	564	Gây mê phẫu thuật cắt u nang buồng trứng	x	x	x	
1560	633	Gây mê phẫu thuật chấn thương không sốc hoặc sốc nhẹ	x	x	x	
1561	653	Gây mê phẫu thuật chửa ngoài dạ con vỡ	x	x	x	
1562	664	Gây mê phẫu thuật cố định tạm thời sơ cứu gãy xương hàm	x	x	x	
1563	673	Gây mê phẫu thuật dẫn lưu áp xe cơ đáy chậu	x	x	x	
1564	674	Gây mê phẫu thuật dẫn lưu áp xe gan	x	x	x	
1565	745	Gây mê phẫu thuật điều trị sa trực tràng qua đường hậu môn	x	x	x	
1566	757	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn 2 bên	x	x	x	
1567	758	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Bassini	x	x	x	
1568	759	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp kết hợp Bassini và Shouldice	x	x	x	
1569	760	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Lichtenstein	x	x	x	
1570	762	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Shouldice	x	x	x	
1571	764	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị đùi	x	x	x	
1572	768	Gây mê phẫu thuật điều trị thoát vị thành bụng khác	x	x	x	
1573	785	Gây mê phẫu thuật điều trị vết thương ngón tay bằng các vạt da lân cận	x	x	x	

Stt	TT theo TT	Tên kỹ thuật	Tuyến kỹ thuật			
			A	B	C	D
1574	786	Gây mê phẫu thuật điều trị vết thương ngón tay bằng các vạt da tại chỗ	x	x	x	
1575	788	Gây mê phẫu thuật điều trị vết thương ngực hở đơn thuần	x	x	x	
1576	791	Gây mê phẫu thuật điều trị vết thương phần mềm vùng hàm mặt không thiếu hổng tổ chức	x	x	x	
1577	794	Gây mê phẫu thuật điều trị viêm bao hoạt dịch của gân gấp bàn ngón tay	x	x	x	
1578	889	Gây mê phẫu thuật hạ tinh hoàn 1 bên	x	x	x	
1579	890	Gây mê phẫu thuật hạ tinh hoàn 2 bên	x	x	x	
1580	891	Gây mê phẫu thuật hạ tinh hoàn lạc chỗ 1 bên	x	x	x	
1581	899	Gây mê phẫu thuật khâu da thì II	x	x	x	
1582	1082	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi niệu quản đoạn sát bàng quang	x	x	x	
1583	1083	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi niệu quản đơn thuần	x	x	x	
1584	1085	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi ống mật chủ	x	x	x	
1585	1086	Gây mê phẫu thuật lấy sỏi ống mật chủ, cắt túi mật	x	x	x	
1586	1095	Gây mê phẫu thuật lấy thai bình thường ở sản phụ không có các bệnh kèm theo	x	x	x	
1587	1117	Gây mê phẫu thuật loai 3	x	x	x	
1588	1128	Gây mê phẫu thuật mở bụng thăm dò	x	x	x	
1589	1151	Gây mê phẫu thuật mở rộng lỗ sáo	x	x	x	
1590	1298	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa + rửa bụng	x	x	x	
1591	1299	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa	x	x	x	
1592	1336	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt túi mật	x	x	x	
1593	1523	Gây mê phẫu thuật nội soi mở túi mật ra da	x	x	x	
1594	1597	Gây mê phẫu thuật nối tắt ruột non – ruột non	x	x	x	
1595	1605	Gây mê phẫu thuật ổ bụng trung phẫu ở trẻ em	x	x	x	
		C. HỒI SỨC				
1596	1684	Hồi sức phẫu thuật bảo tồn	x	x	x	
1597	1687	Hồi sức phẫu thuật bệnh nhân chửa ngoài dạ con vỡ	x	x	x	
1598	1689	Hồi sức phẫu thuật bệnh nhân viêm phúc mạc ruột thừa	x	x	x	
1599	1704	Hồi sức phẫu thuật bụng cấp cứu không phải chấn thương ở người lớn và trẻ em trên 6 tuổi	x	x	x	
1600	1705	Hồi sức phẫu thuật bụng cấp cứu do chấn thương ở người lớn và trẻ em trên 6 tuổi	x	x	x	
1601	1708	Hồi sức phẫu thuật bướu tinh hoàn	x	x	x	
1602	1727	Hồi sức phẫu thuật cắt âm hộ đơn thuần	x	x	x	
1603	1740	Hồi sức phẫu thuật cắt bao da qui đầu do dính hoặc dài	x	x	x	

Stt	TT theo TT	Tên kỹ thuật	Tuyến kỹ thuật			
			A	B	C	D
1604	1748	Hồi sức phẫu thuật cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính dưới 5 cm	x	x	x	
1605	1751	Hồi sức phẫu thuật cắt chắp có bọc	x	x	x	
1606	1766	Hồi sức phẫu thuật cắt da thừa cạnh hậu môn	x	x	x	
1607	1781	Hồi sức phẫu thuật cắt hoại tử tiếp tuyến bỏng sâu từ 3% 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x	x	
1608	1787	Hồi sức phẫu thuật cắt khối u da lành tính dưới 5cm	x	x	x	
1609	1788	Hồi sức phẫu thuật cắt khối u da lành tính mi mắt	x	x	x	
1610	1789	Hồi sức phẫu thuật cắt khối u da lành tính trên 5cm	x	x	x	
1611	1793	Hồi sức phẫu thuật cắt lách do chấn thương	x	x	**x**	
1612	1797	Hồi sức phẫu thuật cắt lọc da, cơ, cân dưới 1% diện tích cơ thể	x	x	x	
1613	1799	Hồi sức phẫu thuật cắt lọc đơn thuần vết thương bàn tay	x	x	x	
1614	1845	Hồi sức phẫu thuật cắt rộng tổ chức áp xe vú	x	x	x	
1615	1848	Hồi sức phẫu thuật cắt ruột thừa đơn thuần	x	x	x	
1616	1850	Hồi sức phẫu thuật cắt ruột thừa, dẫn lưu ổ apxe	x	x	x	
1617	1851	Hồi sức phẫu thuật cắt ruột thừa, lau rửa ổ bụng	x	x	x	
1618	1884	Hồi sức phẫu thuật cắt tinh hoàn lạc chỗ	x	x	x	
1619	1885	Hồi sức phẫu thuật cắt tinh hoàn	x	x	x	
1620	1912	Hồi sức phẫu thuật cắt tử cung buồng trứng + phần phụ + mạc nối lớn	x	x	x	
1621	1914	Hồi sức phẫu thuật cắt tử cung buồng trứng, u buồng trứng, phần phụ	x	x	x	
1622	1919	Hồi sức phẫu thuật cắt tử cung hoàn toàn vì u xơ tử cung	x	x	x	
1623	1921	Hồi sức phẫu thuật cắt tử cung	x	x	x	
1624	1923	Hồi sức phẫu thuật cắt túi mật	x	x	x	
1625	1926	Hồi sức phẫu thuật cắt túi thừa Meckel	x	x	x	
1626	1946	Hồi sức phẫu thuật cắt u da lành tính vùng da đầu dưới 2cm	x	x	x	
1627	1962	Hồi sức phẫu thuật cắt u lành phần mềm đường kính trên 10cm	x	x	x	
1628	1978	Hồi sức phẫu thuật cắt u mỡ phần mềm	x	x	x	
1629	1979	Hồi sức phẫu thuật cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính trên 5 cm	x	x	x	
1630	1980	Hồi sức phẫu thuật cắt u nang bao hoạt dịch	x	x	x	
1631	1981	Hồi sức phẫu thuật cắt u nang buồng trứng xoắn	x	x	x	
1632	1982	Hồi sức phẫu thuật cắt u nang buồng trứng	x	x	x	
1633	2051	Hồi sức phẫu thuật chấn thương không sốc hoặc sốc nhẹ	x	x	x	
1634	2056	Hồi sức phẫu thuật chích áp xe gan	x	x	x	
1635	2071	Hồi sức phẫu thuật chửa ngoài dạ con vỡ	x	x	x	

Stt	TT theo TT	Tên kỹ thuật	Tuyến kỹ thuật			
			A	B	C	D
1636	2091	Hồi sức phẫu thuật dẫn lưu áp xe cơ đáy chậu	x	x	x	
1637	2092	Hồi sức phẫu thuật dẫn lưu áp xe gan	x	x	x	
1638	2096	Hồi sức phẫu thuật dẫn lưu túi mật	x	x	x	
1639	2175	Hồi sức phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn 2 bên	x	x	x	
1640	2176	Hồi sức phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Bassini	x	x	x	
1641	2182	Hồi sức phẫu thuật điều trị thoát vị đùi	x	x	x	
1642	2206	Hồi sức phẫu thuật điều trị vết thương ngực hở đơn thuần	x	x	x	
1643	2208	Hồi sức phẫu thuật điều trị vết thương phần mềm vùng hàm mặt không thiếu hổng tổ chức	x	x	x	
1644	2307	Hồi sức phẫu thuật hạ tinh hoàn 1 bên	x	x	x	
1645	2308	Hồi sức phẫu thuật hạ tinh hoàn 2 bên	x	x	x	
1646	2309	Hồi sức phẫu thuật hạ tinh hoàn lạc chỗ 1 bên	x	x	x	
1647	2317	Hồi sức phẫu thuật khâu da thì II	x	x	x	
1648	2493	Hồi sức phẫu thuật lấy sỏi bàng quang	x	x	x	
1649	2499	Hồi sức phẫu thuật lấy sỏi niệu đạo	x	x	x	
1650	2500	Hồi sức phẫu thuật lấy sỏi niệu quản đoạn sát bàng quang	x	x	x	
1651	2501	Hồi sức phẫu thuật lấy sỏi niệu quản đơn thuần	x	x	x	
1652	2053	Hồi sức phẫu thuật lấy sỏi ống mật chủ	x	x	x	
1653	2054	Hồi sức phẫu thuật lấy sỏi ống mật chủ, cắt túi mật	x	x	x	
1654	2513	Hồi sức phẫu thuật lấy thai ở sản phụ không có các bệnh kèm theo	x	x	x	
1655	2535	Hồi sức phẫu thuật loại 3	x	x	x	
1656	2546	Hồi sức phẫu thuật mở bụng thăm dò	x	x	x	
1657	2547	Hồi sức phẫu thuật mở bụng thăm dò, lau rửa ổ bụng, đặt dẫn lưu	x	x	x	
1658	2552	Hồi sức phẫu thuật mở dạ dày xử lý tổn thương	x	x	x	
1659	2564	Hồi sức phẫu thuật mở ống mật chủ lấy sỏi đường mật, dẫn lưu đường mật	x	x	x	
1660	2565	Hồi sức phẫu thuật mở ống mật chủ lấy sỏi đường mật, không dẫn lưu đường mật	x	x	x	
1661	2569	Hồi sức phẫu thuật mở rộng lỗ sáo	x	x	x	
1662	2716	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa + rửa bụng	x	x	x	
1663	2717	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa	x	x	x	
1664	3023	Hồi sức phẫu thuật ổ bụng trung phẫu ở trẻ em	x	x	x	
		D. GÂY TÊ				
1665	3045	Gây tê các phẫu thuật áp xe vùng đầu mặt cổ	x	x	x	
1666	3086	Gây tê phẫu thuật bảo tồn	x	x	x	

Stt	TT theo TT	Tên kỹ thuật	Tuyến kỹ thuật			
			A	B	C	D
1667	3089	Gây tê phẫu thuật bệnh nhân chửa ngoài dạ con vỡ	x	x	x	
1668	3091	Gây tê phẫu thuật bệnh nhân viêm phúc mạc ruột thừa	x	x	x	
1669	3016	Gây tê phẫu thuật bụng cấp cứu không phải chấn thương ở người lớn và trẻ em trên 6 tuổi	x	x	x	
1670	3017	Gây tê phẫu thuật bụng cấp cứu do chấn thương ở người lớn và trẻ em trên 6 tuổi	x	x	x	
1671	3129	Gây tê phẫu thuật cắt âm hộ đơn thuần	x	x	x	
1672	3142	Gây tê phẫu thuật cắt bao da qui đầu do dính hoặc dài	x	x	x	
1673	3150	Gây tê phẫu thuật cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính dưới 5 cm	x	x	x	
1674	3153	Gây tê phẫu thuật cắt chắp có bọc	x	x	x	
1675	3168	Gây tê phẫu thuật cắt da thừa cạnh hậu môn	x	x	x	
1676	3183	Gây tê phẫu thuật cắt hoại tử tiếp tuyến bỏng sâu từ 3% 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x	x	
1677	3189	Gây tê phẫu thuật cắt khối u da lành tính dưới 5cm	x	x	x	
1678	3190	Gây tê phẫu thuật cắt khối u da lành tính mi mắt	x	x	x	
1679	3191	Gây tê phẫu thuật cắt khối u da lành tính trên 5cm	x	x	x	
1680	3195	Gây tê phẫu thuật cắt lách do chấn thương	x	x	x	
1681	3199	Gây tê phẫu thuật cắt lọc da, cơ, cân dưới 1% diện tích cơ thể	x	x	x	
1682	3201	Gây tê phẫu thuật cắt lọc đơn thuần vết thương bàn tay	x	x	x	
1683	3203	Gây tê phẫu thuật cắt lọc vết thương gãy xương hở, nắm chỉnh và cố định tạm thời	x	x	x	
1684	3247	Gây tê phẫu thuật cắt rộng tổ chức áp xe vú	x	x	x	
1685	3250	Gây tê phẫu thuật cắt ruột thừa đơn thuần	x	x	x	
1686	3252	Gây tê phẫu thuật cắt ruột thừa, dẫn lưu ổ apxe	x	x	x	
1687	3253	Gây tê phẫu thuật cắt ruột thừa, lau rửa ổ bụng	x	x	x	
1688	3286	Gây tê phẫu thuật cắt tinh hoàn lạc chỗ	x	x	x	
1689	3287	Gây tê phẫu thuật cắt tinh hoàn	x	x	x	
1690	3314	Gây tê phẫu thuật cắt tử cung buồng trứng + phần phụ + mạc nối lớn	x	x	x	
1691	3316	Gây tê phẫu thuật cắt tử cung buồng trứng, u buồng trứng, phần phụ	x	x	x	
1692	3321	Gây tê phẫu thuật cắt tử cung hoàn toàn vì u xơ tử cung	x	x	x	
1693	3323	Gây tê phẫu thuật cắt tử cung	x	x	x	
1694	3328	Gây tê phẫu thuật cắt túi thừa Meckel	x	x	x	
1695	3348	Gây tê phẫu thuật cắt u da lành tính vùng da đầu dưới 2cm	x	x	x	
1696	3364	Gây tê phẫu thuật cắt u lành phần mềm đường kính trên 10cm	x	x	x	

Stt	TT theo TT	Tên kỹ thuật	Tuyến kỹ thuật			
			A	B	C	D
1697	3380	Gây tê phẫu thuật cắt u mỡ phần mềm	x	x	x	
1698	3381	Gây tê phẫu thuật cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính trên 5 cm	x	x	x	
1699	3382	Gây tê phẫu thuật cắt u nang bao hoạt dịch	x	x	x	
1700	3383	Gây tê phẫu thuật cắt u nang buồng trứng xoắn	x	x	x	
1701	3384	Gây tê phẫu thuật cắt u nang buồng trứng	x	x	x	
1702	3453	Gây tê phẫu thuật chấn thương không sốc hoặc sốc nhẹ	x	x	x	
1703	3458	Gây tê phẫu thuật chích áp xe gan	x	x	x	
1704	3473	Gây tê phẫu thuật chửa ngoài dạ con vỡ	x	x	x	
1705	3493	Gây tê phẫu thuật dẫn lưu áp xe cơ đáy chậu	x	x	x	
1706	3494	Gây tê phẫu thuật dẫn lưu áp xe gan	x	x	x	
1707	3578	Gây tê phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Bassini	x	x	x	
1708	3584	Gây tê phẫu thuật điều trị thoát vị đùi	x	x	x	
1709	3588	Gây tê phẫu thuật điều trị thoát vị thành bụng khác	x	x	x	
1710	3589	Gây tê phẫu thuật điều trị thoát vị vết phẫu thuật thành bụng	x	x	x	
1711	3608	Gây tê phẫu thuật điều trị vết thương ngực hở đơn thuần	x	x	x	
1712	3611	Gây tê phẫu thuật điều trị vết thương phần mềm vùng hàm mặt không thiếu hổng tổ chức	x	x	x	
1713	3709	Gây tê phẫu thuật hạ tinh hoàn 1 bên	x	x	x	
1714	3710	Gây tê phẫu thuật hạ tinh hoàn 2 bên	x	x	x	
1715	3711	Gây tê phẫu thuật hạ tinh hoàn lạc chỗ 1 bên	x	x	x	
1716	3719	Gây tê phẫu thuật khâu da thì II	x	x	x	
1717	3883	Gây tê phẫu thuật lấy thai bình thường ở sản phụ không có các bệnh kèm theo	x	x	x	
1718	3912	Gây tê phẫu thuật lấy sỏi bàng quang	x	x	x	
1719	3919	Gây tê phẫu thuật lấy sỏi niệu quản đoạn sát bàng quang	x	x	x	
1720	3920	Gây tê phẫu thuật lấy sỏi niệu quản đơn thuần	x	x	x	
1721	3953	Gây tê phẫu thuật loai 3	x	x	x	
1722	3970	Gây tê phẫu thuật mở dạ dày xử lý tổn thương	x	x	x	
1723	3987	Gây tê phẫu thuật mở rộng lỗ sáo	x	x	x	
1724	4135	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa	x	x	x	
1725	4441	Gây tê phẫu thuật ổ bụng trung phẫu ở trẻ em	x	x	x	
		Đ. AN THẦN				
1726	4460	An thần bệnh nhân khi chụp hình ở khoa chẩn đoán hình ảnh	x	x	x	
1727	4465	An thần bệnh nhân phải nắn xương	x	x	x	
1728	4466	An thần cho bệnh nhân nằm ở hồi sức	x	x	x	
1729	4467	An thần cho bệnh nhân nằm ở hồi tỉnh	x	x	x	

Stt	TT theo TT	Tên kỹ thuật	Tuyến kỹ thuật			
			A	B	C	D
1730	4760	An thần sau phẫu thuật chấn thương không sốc hoặc sốc nhẹ	x	x	x	
1731	4770	An thần sau phẫu thuật lấy thai trên bệnh nhân đa chấn thương	x	x	x	
X . NGOẠI KHOA						
		B. TIM MẠCH - LỒNG NGỰC				
		1. Cấp cứu chấn thương- vết thương ngực				
1732	152	Phẫu thuật dẫn lưu tối thiểu khoang màng phổi	x	x	x	
1733	153	Phẫu thuật điều trị vết thương ngực hở đơn thuần	x	x	x	
1734	162	Phẫu thuật điều trị vết thương ngực – bụng qua đường bụng	x	x	x	
1735	164	Cố định gãy xương sườn bằng băng dính to bản	x	x	x	x
		2. Cấp cứu chấn thương- vết thương mạch máu				
1736	172	Phẫu thuật thắt các mạch máu lớn ngoại vi	x	x	x	x
		6. Lồng ngực				
1737	288	Phẫu thuật điều trị nhiễm trùng vết mổ ngực	x	x	x	
		C. TIẾT NIỆU-SINH DỤC				
		3. Bàng quang				
1738	353	Bơm rửa bàng quang, bơm hoá chất	x	x	x	
1739	354	Thay ống thông dẫn lưu thận, bàng quang	x	x	x	
1740	355	Lấy sỏi bàng quang	x	x	x	
1741	356	Dẫn lưu nước tiểu bàng quang	x	x	x	
		5. Sinh dục				
1742	405	Nong niệu đạo	x	x	x	
1743	408	Phẫu thuật tràn dịch màng tinh hoàn	x	x	x	
1744	410	Cắt bỏ bao da qui đầu do dính hoặc dài	x	x	x	
1745	411	Cắt hẹp bao quy đầu	x	x	x	x
1746	412	Mở rộng lỗ sáo	x	x	x	x
		D. TIÊU HÓA				
		4. Ruột non- Mạc treo				
1747	480	Khâu lỗ thủng hoặc khâu vết thương ruột non	x	x	x	
1748	481	Cắt dây chằng, gỡ dính ruột	x	x	x	
1749	491	Gỡ dính sau mổ lại	x	x	x	
1750	492	Phẫu thuật điều trị apxe tồn dư, dẫn lưu ổ bụng	x	x	x	
		5. Ruột thừa- Đại tràng				
1751	506	Cắt ruột thừa đơn thuần	x	x	x	x
1752	507	Cắt ruột thừa, lau rửa ổ bụng	x	x	x	
1753	508	Cắt ruột thừa, dẫn lưu ổ apxe	x	x	x	
1754	509	Dẫn lưu áp xe ruột thừa	x	x	x	
		6. Trực tràng				

Stt	TT theo TT	Tên kỹ thuật	Tuyến kỹ thuật			
			A	B	C	D
1755	526	Lấy dị vật trực tràng	x	x	x	
		7. Tầng sinh môn				
1756	555	Phẫu thuật chích, dẫn lưu áp xe cạnh hậu môn đơn giản	x	x	x	
1757	565	Phẫu thuật cắt da thừa cạnh hậu môn	x	x	x	
1758	566	Phẫu thuật cắt u nhú ống hậu môn (condylome)	x	x	x	
1759	567	Cắt u lành tính ống hậu môn (u cơ, polyp…)	x	x	x	
		E. THÀNH BỤNG - CƠ HOÀNH - PHÚC MẠC				
		1. Thành bụng - cơ hoành				
1760	684	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Bassini	x	x	x	
1761	685	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn 2 bên	x	x	x	
1762	686	Phẫu thuật điều trị thoát vị đùi	x	x	x	
1763	687	Phẫu thuật điều trị thoát vị thành bụng khác	x	x	x	
1764	689	Phẫu thuật khâu lỗ thủng cơ hoành do vết thương	x	x	x	
1765	698	Phẫu thuật khâu phục hồi thành bụng do toác vết mổ	x	x	x	
1766	699	Khâu vết thương thành bụng	x	x	x	
		G. CHẤN THƯƠNG – CHỈNH HÌNH				
		11. Tổn thương phần mềm				
1767	807	Phẫu thuật thương tích phần mềm các cơ quan vận động	x	x	x	
		12. Vùng cổ tay-bàn tay				
1768	860	Thương tích bàn tay giản đơn	x	x	x	
1769	862	Phẫu thuật làm mỏm cụt ngón và đốt bàn ngón	x	x	x	
		15. Phẫu thuật chấn thương chỉnh hình ở trẻ em				
1770	954	Phẫu thuật vết thương phần mềm đơn giản/rách da đầu	x	x	x	
XI. BỎNG						
		A. ĐIỀU TRỊ BỎNG				
		1. Thay băng bỏng				
1771	4	Thay băng điều trị vết bỏng từ 10% - 19% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x	x	
1772	5	Thay băng điều trị vết bỏng dưới 10% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x	x	x
1773	9	Thay băng điều trị vết bỏng từ 10% - 19% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x	x	
1774	10	Thay băng điều trị vết bỏng dưới 10% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x	x	
1775	11	Thay băng sau phẫu thuật ghép da điều trị bỏng sâu	x	x	x	
1776	12	Thay băng và chăm sóc vùng lấy da	x	x	x	
1777	13	Sử dụng thuốc tạo màng điều trị vết thương bỏng nông	x	x	x	x
		2. Phẫu thuật, thủ thuật điều trị bỏng				
1778	15	Rạch hoại tử bỏng giải thoát chèn ép	x	x	x	

Stt	TT theo TT	Tên kỹ thuật	Tuyến kỹ thuật			
			A	B	C	D
1779	16	Khâu cầm máu, thắt mạch máu để cấp cứu chảy máu trong bỏng sâu	x	x	x	x
1780	19	Cắt bỏ hoại tử tiếp tuyến bỏng sâu dưới 5% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x	x	
1781	22	Cắt bỏ hoại tử tiếp tuyến bỏng sâu dưới 3% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x	x	
1782	25	Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bỏng sâu dưới 3% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x	x	
1783	28	Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bỏng sâu dưới 1% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x	x	
		3. Các kỹ thuật khác				
1784	77	Khám bệnh nhân bỏng, chẩn đoán diện tích và độ sâu bỏng bằng lâm sàng	x	x	x	x
1785	79	Sơ cứu, cấp cứu tổn thương bỏng nhiệt	x	x	x	x
1786	80	Xử lí tại chỗ kì đầu tổn thương bỏng	x	x	x	x
1787	81	Sơ cấp cứu bỏng do vôi tôi nóng	x	x	x	x
1788	82	Sơ cấp cứu bỏng acid	x	x	x	x
1789	83	Sơ cấp cứu bỏng do dòng điện	x	x	x	x
1790	84	Chẩn đoán và điều trị sốc bỏng	x	x	x	
1791	85	Chẩn đoán và cấp cứu bỏng đường hô hấp	x	x	x	
1792	86	Chẩn đoán và cấp cứu bỏng đường tiêu hóa	x	x	x	
1793	87	Mở khí quản cấp cứu qua tổn thương bỏng	x	x	x	
1794	89	Đặt dây truyền dịch ngoại vi điều trị bệnh nhân bỏng	x	x	x	x
1795	90	Bộc lộ tĩnh mạch ngoại vi để truyền dịch điều trị bệnh nhân bỏng	x	x	x	
		B. PHẪU THUẬT TẠO HÌNH, THẨM MỸ TRONG BỎNG VÀ SAU BỎNG				
1796	102	Khám di chứng bỏng	x	x	x	
1797	103	Cắt sẹo khâu kín	x	x	x	
		C. ĐIỀU TRỊ VẾT THƯƠNG MẠN TÍNH				
1798	116	Thay băng điều trị vết thương mạn tính	x	x	x	
		D. VẬT LÝ TRỊ LIỆU, PHỤC HỒI CHỨC NĂNG TRONG BỎNG				
1799	122	Khám bệnh nhân phục hồi chức năng sau bỏng	x	x	x	
1800	128	Tập vận động phục hồi chức năng sau bỏng	x	x	x	
1801	130	Tập vận động cho bệnh nhân đang điều trị bỏng để dự phòng cứng khớp và co kéo chi thể	x	x	x	
XII .UNG BƯỚU						
		A. ĐẦU-CỔ				
1802	2	Cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính dưới 5 cm	x	x	x	

Stt	TT theo TT	Tên kỹ thuật	Tuyến kỹ thuật			
			A	B	C	D
1803	10	Cắt các u lành vùng cổ	x	x	x	
		C. HÀM - MẶT				
1804	92	Cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính dưới 5 cm	x	x	x	
		Đ. TAI - MŨI - HỌNG				
1805	161	Cắt polyp ống tai	x	x	x	
1806	162	Cắt polyp mũi	x	x	x	
		I. TIẾT NIỆU-SINH DỤC				
1807	261	Cắt u sùi đầu miệng sáo	x	x	x	
1808	262	Cắt u nang thừng tinh	x	x	x	
1809	263	Cắt nang thừng tinh một bên	x	x	x	
1810	264	Cắt nang thừng tinh hai bên	x	x	x	
1811	265	Cắt u lành dương vật	x	x	x	
		K. VÚ - PHỤ KHOA				
1812	278	Cắt polyp cổ tử cung	x	x	x	
1813	279	Thủ thuật xoắn polip cổ tử cung, âm đạo	x	x	x	
1814	280	Cắt u nang buồng trứng xoắn	x	x	x	
1815	281	Cắt u nang buồng trứng	x	x	x	
1816	282	Cắt u nang buồng trứng kèm triệt sản	x	x	x	
1817	283	Cắt u nang buồng trứng và phần phụ	x	x	x	
1818	284	Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ	x	x	x	
1819	306	Cắt u thành âm đạo	x	x	x	
1820	309	Bóc nang tuyến Bartholin	x	x	x	
		L. PHẦN MỀM-XƯƠNG-KHỚP				
1821	320	Cắt u lành phần mềm đường kính dưới 10cm	x	x	x	
1822	322	Cắt u nang bao hoạt dịch (cổ tay, khoeo chân, cổ chân)	x	x	x	
XIII. PHỤ SẢN						
		A. SẢN KHOA				
1823	7	Phẫu thuật lấy thai lần đầu	x	x	x	
1824	8	Phẫu thuật lấy thai có kèm các kỹ thuật cầm máu (thắt động mạch tử cung, mũi khâu B- lynch…)	x	x	x	
1825	13	Phẫu thuật bảo tồn tử cung do vỡ tử cung	x	x	x	
1826	18	Khâu tử cung do nạo thủng	x	x	x	
1827	21	Nghiệm pháp lọt ngôi chỏm	x	x	x	
1828	22	Đẻ chỉ huy bằng truyền oxytocin tĩnh mạch	x	x	x	
1829	23	Theo dõi nhịp tim thai và cơn co tử cung bằng monitor sản khoa	x	x	x	
1830	24	Đỡ đẻ ngôi ngược (*)	x	x	x	
1831	25	Nội xoay thai	x	x	x	
1832	26	Đỡ đẻ từ sinh đôi trở lên	x	x	x	

Stt	TT theo TT	Tên kỹ thuật	Tuyến kỹ thuật			
			A	B	C	D
1833	28	Giác hút	x	x	x	
1834	30	Khâu phục hồi rách cổ tử cung, âm đạo	x	x	x	
1835	31	Thủ thuật cặp, kéo cổ tử cung xử trí băng huyết sau đẻ, sau sảy, sau nạo (*)	x	x	x	
1836	32	Lấy khối máu tụ âm đạo, tầng sinh môn	x	x	x	
1837	33	Đỡ đẻ thường ngôi chỏm	x	x	x	x
1838	34	Cắt và khâu tầng sinh môn	x	x	x	x
1839	35	Xử trí tích cực giai đoạn 3 cuộc chuyển dạ đẻ	x	x	x	x
1840	36	Nghiệm pháp bong rau, đỡ rau, kiểm tra bánh rau	x	x	x	x
1841	37	Kiểm soát tử cung	x	x	x	x
1842	38	Bóc rau nhân tạo	x	x	x	x
1843	39	Kỹ thuật bấm ối	x	x	x	x
1844	40	Làm thuốc vết khâu tầng sinh môn nhiễm khuẩn	x	x	x	x
1845	41	Khám thai	x	x	x	x
1846	48	Nong cổ tử cung do bế sản dịch	x	x	x	
1847	49	Nạo sót thai, nạo sót rau sau sẩy, sau đẻ	x	x	x	
1848	52	Khâu vòng cổ tử cung	x	x	x	
1849	53	Cắt chỉ khâu vòng cổ tử cung	x	x	x	
1850	54	Chích áp xe tầng sinh môn	x	x	x	
		B. PHỤ KHOA				
1851	70	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung bán phần	x	x	x	
1852	71	Phẫu thuật mở bụng bóc u xơ tử cung	x	x	x	
1853	72	Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ	x	x	x	
1854	80	Phẫu thuật nội soi cắt u nang buồng trứng xoắn	x	x	x	
1855	81	Phẫu thuật nội soi cắt u nang buồng trứng, nang cạnh vòi tử cung	x	x	x	
1856	82	Phẫu thuật nội soi cắt u nang buồng trứng kèm triệt sản	x	x	x	
1857	83	Phẫu thuật nội soi cắt u buồng trứng và phần phụ	x	x	x	
1858	91	Phẫu thuật chửa ngoài tử cung vỡ có choáng	x	x	x	
1859	92	Phẫu thuật chửa ngoài tử cung không có choáng	x	x	x	
1860	93	Phẫu thuật chửa ngoài tử cung thể huyết tụ thành nang	x	x	x	
1861	136	Làm lại vết mổ thành bụng (bục, tụ máu, nhiễm khuẩn...) sau phẫu thuật sản phụ khoa	x	x	x	
1862	143	Phẫu thuật cắt polip cổ tử cung	x	x	x	
1863	144	Thủ thuật xoắn polip cổ tử cung, âm đạo	x	x	x	
1864	145	Điều trị tổn thương cổ tử cung bằng đốt điện, đốt nhiệt, đốt laser, áp lạnh...	x	x	x	
1865	147	Cắt u thành âm đạo	x	x	x	
1866	148	Lấy dị vật âm đạo	x	x	x	
1867	149	Khâu rách cùng đồ âm đạo	x	x	x	

Stt	TT theo TT	Tên kỹ thuật	Tuyến kỹ thuật			
			A	B	C	D
1868	151	Chích áp xe tuyến Bartholin	x	x	x	
1869	152	Bóc nang tuyến Bartholin	x	x	x	
1870	153	Trích rạch màng trinh do ứ máu kinh	x	x	x	
1871	155	Cắt, đốt sùi mào gà âm hộ; âm đạo; tầng sinh môn	x	x	x	
1872	157	Hút buồng tử cung do rong kinh, rong huyết	x	x	x	
1873	158	Nạo hút thai trứng	x	x	x	
1874	159	Dẫn lưu cùng đồ Douglas	x	x	x	
1875	160	Chọc dò túi cùng Douglas	x	x	x	
1876	161	Chọc hút dịch do máu tụ sau mổ	x	x	x	
1877	162	Chọc dẫn lưu dịch cổ chướng trong ung thư buồng trứng	x	x	x	
1878	163	Chích áp xe vú	x	x	x	
1879	165	Khám phụ khoa	x	x	x	x
1880	166	Soi cổ tử cung	x	x	x	x
1881	167	Làm thuốc âm đạo	x	x	x	x
		C. SƠ SINH				
1882	187	Hô hấp áp lực dương liên tục (CPAP) không xâm nhập ở trẻ sơ sinh (thở CPAP qua mũi)	x	x	x	
1883	189	Điều trị vàng da ở trẻ sơ sinh bằng phương pháp chiếu đèn	x	x	x	
1884	192	Đặt ống thông dạ dày (hút dịch hoặc nuôi dưỡng) sơ sinh	x	x	x	
1885	193	Rửa dạ dày sơ sinh	x	x	x	
1886	194	Ep tim ngoài lồng ngực	x	x	x	
1887	196	Khám sơ sinh	x	x	x	x
1888	197	Chăm sóc rốn sơ sinh	x	x	x	x
1889	198	Tắm sơ sinh	x	x	x	x
1890	199	Đặt sonde hậu môn sơ sinh	x	x	x	x
1891	200	Bóp bóng Ambu, thổi ngạt sơ sinh	x	x	x	x
1892	201	Hồi sức sơ sinh ngạt sau sinh	x	x	x	x
1893	202	Cố định tạm thời gãy xương sơ sinh	x	x	x	x
		Đ. KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH				
1894	222	Lấy dụng cụ tử cung trong ổ bụng qua đường rạch nhỏ	x	x	x	
1895	223	Phẫu thuật nội soi triệt sản nữ	x	x	x	
1896	224	Triệt sản nữ qua đường rạch nhỏ	x	x	x	
1897	225	Cấy - tháo thuốc tránh thai (loại nhiều nang)	x	x	x	
1898	226	Cấy - tháo thuốc tránh thai (loại một nang)	x	x	x	
1899	227	Triệt sản nam (bằng dao hoặc không bằng dao)	x	x	x	
1900	228	Đặt và tháo dụng cụ tử cung	x	x	x	x
		E. PHÁ THAI				
1901	239	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai đến hết 7 tuần	x	x	x	

Stt	TT theo TT	Tên kỹ thuật	Tuyến kỹ thuật			
			A	B	C	D
1902	240	Hút thai + Triệt sản qua đường rạch nhỏ	x	x	x	
1903	241	Phá thai đến hết 7 tuần bằng phương pháp hút chân không	x	x	x	x
XIV. MẮT						
1904	171	Khâu da mi đơn giản	x	x	x	
1905	172	Khâu phục hồi bờ mi	x	x	x	
1906	174	Xử lý vết thương phần mềm, tổn thương nông vùng mắt	x	x	x	
1907	203	Cắt chỉ khâu da mi đơn giản	x	x	x	x
1908	208	Thay băng vô khuẩn	x	x	x	x
1909	209	Tra thuốc nhỏ mắt	x	x	x	x
1910	212	Cấp cứu bỏng mắt ban đầu	x	x	x	x
1911	215	Rạch áp xe mi	x	x	x	
1912	218	Soi đáy mắt trực tiếp	x	x	x	x
1913	224	Khám lâm sàng mắt	x	x	x	x
1914	225	Gây mê để khám	x	x	x	
		Thăm dò chức năng và xét nghiệm				
1915	253	Đo thị trường trung tâm, thị trường ám điểm	x	x	x	
1916	254	Đo thị trường chu biên	x	x	x	
1917	258	Đo khúc xạ máy	x	x	x	
1918	259	Đo khúc xạ giác mạc Javal	x	x	x	
1919	260	Đo thị lực	x	x	x	x
1920	261	Thử kính	x	x	x	
1921	262	Đo độ lác	x	x	x	
1922	264	Đo biên độ điều tiết	x	x	x	
1923	265	Đo thị giác 2 mắt	x	x	x	
1924	267	Đo đường kính giác mạc	x	x	x	
XV. TAI – MŨI - HỌNG						
		A. TAI - TAI THẦN KINH				
1925	45	Phẫu thuật cắt bỏ u nang vành tai/u bả đậu dái tai	x	x	x	
1926	47	Cắt bỏ vành tai thừa	x	x	x	
1927	50	Chích rạch màng nhĩ	x	x	x	
1928	51	Khâu vết rách vành tai	x	x	x	
1929	52	Bơm hơi vòi nhĩ	x	x	x	
1930	54	Lấy dị vật tai (gây mê/ gây tê)	x	x	x	
1931	55	Nội soi lấy dị vật tai gây mê	x	x	x	
1932	56	Chọc hút dịch vành tai	x	x	x	x
1933	57	Chích nhọt ống tai ngoài	x	x	x	x
1934	58	Làm thuốc tai	x	x	x	x
1935	59	Lấy nút biểu bì ống tai ngoài	x	x	x	x
		B. MŨI-XOANG				

Stt	TT theo TT	Tên kỹ thuật	Tuyến kỹ thuật			
			A	B	C	D
1936	129	Nội soi chọc thông xoang trán/xoang bướm gây tê/gây mê	x	x	x	
1937	131	Nội soi đốt điện cuốn mũi dưới	x	x	x	
1938	132	Bẻ cuốn mũi	x	x	x	
1939	134	Nâng xương chính mũi sau chấn thương	x	x	x	
1940	138	Chọc rửa xoang hàm	x	x	x	
1941	139	Phương pháp Proetz	x	x	x	
1942	140	Nhét bấc mũi sau	x	x	x	
1943	141	Nhét bấc mũi trước	x	x	x	
1944	142	Cầm máu mũi bằng Merocel	x	x	x	
1945	143	Lấy dị vật mũi gây tê/gây mê	x	x	x	
1946	144	Nội soi lấy dị vật mũi gây tê/gây mê	x	x	x	
1947	145	Cầm máu điểm mạch mũi bằng hóa chất (Bạc Nitrat)	x	x	x	x
1948	146	Rút meche, rút merocel hốc mũi	x	x	x	x
1949	147	Hút rửa mũi, xoang sau mổ	x	x	x	x
		C. HỌNG-THANH QUẢN				
1950	207	Chích áp xe quanh Amidan	x	x	x	
1951	209	Cắt phanh lưỡi	x	x	x	
1952	123	Lấy dị vật hạ họng	x	x	x	
1953	124	Khâu phục hồi tổn thương đơn giản miệng, họng	x	x	x	
1954	218	Bơm thuốc thanh quản	x	x	x	
1955	219	Đặt nội khí quản	x	x	x	
1956	220	Thay canuyn	x	x	x	
1957	221	Sơ cứu bỏng đường hô hấp	x	x	x	x
1958	222	Khí dung mũi họng	x	x	x	x
1959	223	Chích áp xe thành sau họng gây tê/gây mê	x	x	x	
1960	226	Nội soi hạ họng ống cứng chẩn đoán gây tê	x	x	x	
1961	227	Nội soi hạ họng ống mềm chẩn đoán gây tê	x	x	x	
1962	228	Nội soi hạ họng ống cứng lấy dị vật gây tê/gây mê	x	x	x	
		D. ĐẦU CỔ				
1963	301	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ	x	x	x	x
1964	302	Cắt chỉ sau phẫu thuật	x	x	x	x
1965	303	Thay băng vết mổ	x	x	x	x
1966	304	Chích áp xe nhỏ vùng đầu cổ	x	x	x	x
XVI RĂNG HÀM MẶT						
		A. RĂNG				
1967	41	Điều trị viêm quanh răng	x	x	x	
1968	42	Chích áp xe lợi	x	x	x	x
1969	43	Lấy cao răng	x	x	x	x

Stt	TT theo TT	Tên kỹ thuật	Tuyến kỹ thuật			
			A	B	C	D
1970	69	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Amalgam	x	x	x	x
1971	70	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement	x	x	x	x
1972	71	Phục hồi cổ răng bằng GlassIonomer Cement	x	x	x	
1973	72	Phục hồi cổ răng bằng Composite	x	x	x	
1974	104	Chụp nhựa	x	x	x	
1975	105	Chụp kim loại	x	x	x	
1976	106	Chụp hợp kim thường cẩn nhựa	x	x	x	
1977	107	Chụp hợp kim thường cẩn sứ	x	x	x	
1978	108	Chụp hợp kim Titanium cẩn sứ	x	x	x	
1979	109	Chụp sứ toàn phần	x	x	x	
1980	110	Chụp kim loại quý cẩn sứ	x	x	x	
1981	112	Cầu nhựa	x	x	x	
1982	113	Cầu hợp kim thường	x	x	x	
1983	114	Cầu kim loại cẩn nhựa	x	x	x	
1984	115	Cầu kim loại cẩn sứ	x	x	x	
1985	116	Cầu hợp kim Titanium cẩn sứ	x	x	x	
1986	117	Cầu kim loại quý cẩn sứ	x	x	x	
1987	118	Cầu sứ toàn phần	x	x	x	
1988	129	Hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa thường	x	x	x	x
1989	130	Hàm giả tháo lắp toàn phần nền nhựa thường	x	x	x	x
1990	137	Tháo cầu răng giả	x	x	x	
1991	138	Tháo chụp răng giả	x	x	x	
1992	139	Sửa hàm giả gãy	x	x	x	x
1993	140	Thêm răng cho hàm giả tháo lắp	x	x	x	x
1994	141	Thêm móc cho hàm giả tháo lắp	x	x	x	x
1995	142	Đệm hàm nhựa thường	x	x	x	x
1996	203	Nhổ răng vĩnh viễn	x	x	x	
1997	204	Nhổ răng vĩnh viễn lung lay	x	x	x	
1998	205	Nhổ chân răng vĩnh viễn	x	x	x	
1999	206	Nhổ răng thừa	x	x	x	
2000	221	Điều trị viêm quanh thân răng cấp	x	x	x	
2001	222	Trám bít hố rãnh với GlassIonomer Cement quang trùng hợp	x	x	x	
2002	223	Trám bít hố rãnh với Composite hoá trùng hợp	x	x	x	
2003	224	Trám bít hố rãnh với Composite quang trùng hợp	x	x	x	
2004	225	Trám bít hố rãnh bằng nhựa Sealant	x	x	x	
2005	226	Trám bít hố rãnh bằng GlassIonomer Cement	x	x	x	x
2006	227	Hàn răng không sang chấn với GlassIonomer Cement	x	x	x	x
2007	228	Phòng ngừa sâu răng với thuốc bôi bề mặt	x	x	x	

Stt	TT theo TT	Tên kỹ thuật	Tuyến kỹ thuật			
			A	B	C	D
2008	230	Điều trị răng sữa viêm tuỷ có hồi phục	x	x	x	
2009	231	Lấy tuỷ buồng răng sữa	x	x	x	
2010	232	Điều trị tuỷ răng sữa	x	x	x	
2011	235	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng Amalgam	x	x	x	x
2012	236	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng GlassIonomer Cement	x	x	x	x
2013	238	Nhổ răng sữa	x	x	x	x
2014	239	Nhổ chân răng sữa	x	x	x	x
2015	240	Chích Apxe lợi trẻ em	x	x	x	x
2016	241	Điều trị viêm lợi trẻ em (do mảng bám)	x	x	x	x
		B. HÀM MẶT				
2017	298	Cố định tạm thời sơ cứu gãy xương hàm	x	x	x	
2018	299	Dẫn lưu máu tụ vùng miệng - hàm mặt	x	x	x	
2019	300	Sơ cứu gãy xương vùng hàm mặt	x	x	x	
2020	301	Sơ cứu vết thương phần mềm vùng hàm mặt	x	x	x	x
2021	334	Phẫu thuật rạch dẫn lưu áp xe nông vùng hàm mặt	x	x	x	
2022	335	Nắn sai khớp thái dương hàm	x	x	x	
2023	340	Điều trị viêm lợi miệng loét hoại tử cấp	x	x	x	
XVII. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG						
		A. VẬT LÝ TRỊ LIỆU (Nhân viên y tế trực tiếp điều trị cho người bệnh)				
2024	1	Điều trị bằng sóng ngắn	x	x	x	
2025	5	Điều trị bằng dòng điện một chiều đều	x	x	x	
2026	7	Điều trị bằng các dòng điện xung	x	x	x	
2027	9	Điều trị bằng sóng xung kích	x	x	x	
2028	10	Điều trị bằng dòng giao thoa	x	x	x	
2029	11	Điều trị bằng tia hồng ngoại	x	x	x	x
2030	16	Điều trị bằng nhiệt nóng (chườm nóng)	x	x	x	x
2031	17	Điều trị bằng nhiệt lạnh (chườm lạnh)	x	x	x	x
		B. VẬN ĐỘNG TRỊ LIỆU (nhân viên y tế trực tiếp tập hoặc hướng dẫn người bệnh)				
2032	31	Tập nằm đúng tư thế cho người bệnh liệt nửa người	x	x	x	x
2033	32	Kỹ thuật đặt tư thế đúng cho người bệnh liệt tủy	x	x	x	x
2034	33	Kỹ thuật tập tay và bàn tay cho người bệnh liệt nửa người	x	x	x	x
2035	34	Kỹ thuật tập đứng và đi cho người bệnh liệt nửa người	x	x	x	x
2036	35	Tập lăn trở khi nằm	x	x	x	x
2037	36	Tập thay đổi tư thế từ nằm sang ngồi	x	x	x	x
2038	37	Tập ngồi thăng bằng tĩnh và động	x	x	x	x
2039	38	Tập thay đổi tư thế từ ngồi sang đứng	x	x	x	x

Stt	TT theo TT	Tên kỹ thuật	Tuyến kỹ thuật			
			A	B	C	D
2040	39	Tập đứng thăng bằng tĩnh và động	x	x	x	x
2041	40	Tập dáng đi	x	x	x	x
2042	41	Tập đi với thanh song song	x	x	x	x
2043	42	Tập đi với khung tập đi	x	x	x	x
2044	43	Tập đi với nạng (nạng nách, nạng khuỷu)	x	x	x	x
2045	44	Tập đi với gậy	x	x	x	x
2046	47	Tập lên, xuống cầu thang	x	x	x	x
2047	49	Tập đi với chân giả trên gối	x	x	x	x
2048	50	Tập đi với chân giả dưới gối	x	x	x	x
2049	51	Tập đi với khung treo	x	x	x	x
2050	52	Tập vận động thụ động	x	x	x	x
2051	53	Tập vận động có trợ giúp	x	x	x	x
2052	54	Tập vận động chủ động	x	x	x	x
2053	55	Tập vận động tự do tứ chi	x	x	x	x
2054	56	Tập vận động có kháng trở	x	x	x	x
2055	57	Tập kéo dãn	x	x	x	x
2056	63	Tập với thang tường	x	x	x	x
2057	64	Tập với giàn treo các chi	x	x	x	
2058	65	Tập với ròng rọc	x	x	x	x
2059	66	Tập với dụng cụ quay khớp vai	x	x	x	x
2060	70	Tập với ghế tập mạnh cơ Tứ đầu đùi	x	x	x	x
2061	71	Tập với xe đạp tập	x	x	x	x
2062	72	Tập với bàn nghiêng	x	x	x	x
2063	73	Tập các kiểu thở	x	x	x	x
2064	75	Tập ho có trợ giúp	x	x	x	x
2065	76	Kỹ thuật vỗ rung lồng ngực	x	x	x	x
2066	77	Kỹ thuật dẫn lưu tư thế	x	x	x	x
2067	82	Kỹ thuật ức chế co cứng tay	x	x	x	x
2068	83	Kỹ thuật ức chế co cứng chân	x	x	x	x
2069	84	Kỹ thuật ức chế co cứng thân mình	x	x	x	x
2070	85	Kỹ thuật xoa bóp vùng	x	x	x	x
2071	86	Kỹ thuật xoa bóp toàn thân	x	x	x	
2072	87	Kỹ thuật Frenkel	x	x	x	x
2073	88	Kỹ thuật ức chế và phá vỡ các phản xạ bệnh lý	x	x	x	x
2074	89	Kỹ thuật kiểm soát đầu, cổ và thân mình	x	x	x	x
2075	90	Tập điều hợp vận động	x	x	x	x
2076	91	Tập mạnh cơ đáy chậu (cơ sàn chậu, Pelvis floor)	x	x	x	x
		C. HOẠT ĐỘNG TRỊ LIỆU (nhân viên y tế trực tiếp tập hoặc hướng dẫn người bệnh)				

Stt	TT theo TT	Tên kỹ thuật	Tuyến kỹ thuật			
			A	B	C	D
2077	92	Kỹ thuật tập sử dụng và điều khiển xe lăn	x	x	x	x
2078	93	Kỹ thuật hướng dẫn người liệt hai chân ra vào xe lăn	x	x	x	x
2079	94	Kỹ thuật hướng dẫn người liệt nửa người ra vào xe lăn	x	x	x	x
2080	95	Tập các vận động thô của bàn tay	x	x	x	x
2081	96	Tập các vận động khéo léo của bàn tay	x	x	x	x
2082	97	Tập phối hợp hai tay	x	x	x	x
2083	98	Tập phối hợp tay mắt	x	x	x	x
2084	99	Tập phối hợp tay miệng	x	x	x	x
2085	101	Tập điều hòa cảm giác	x	x	x	x
2086	102	Tập tri giác và nhận thức	x	x	x	x
2087	103	Tập các chức năng sinh hoạt hàng ngày ADL với các dụng cụ trợ giúp thích nghi	x	x	x	x
		D.NGÔN NGỮ TRỊ LIỆU (Nhân viên y tế trực tiếp hướng dẫn người bệnh tập)				
2088	104	Tập nuốt	x	x	x	x
2089	105	Tập nói	x	x	x	x
2090	106	Tập nhai	x	x	x	x
2091	107	Tập phát âm	x	x	x	x
2092	108	Tập giao tiếp (ngôn ngữ ký hiệu, hình ảnh…)	x	x	x	x
2093	109	Tập cho người thất ngôn	x	x	x	x
2094	110	Tập luyện giọng	x	x	x	x
2095	111	Tập sửa lỗi phát âm	x	x	x	x
		Đ. KỸ THUẬT THĂM DÒ, LƯỢNG GIÁ, CHẨN ĐOÁN VÀ ĐIỀU TRỊ PHỤC HỒI CHỨC NĂNG (nhân viên y tế trực tiếp thực hiện)				
2096	112	Lượng giá chức năng người khuyết tật	x	x	x	x
2097	113	Lượng giá chức năng tim mạch	x	x	x	x
2098	114	Lượng giá chức năng hô hấp	x	x	x	x
2099	115	Lượng giá chức năng tâm lý	x	x	x	x
2100	116	Lượng giá chức năng tri giác và nhận thức	x	x	x	x
2101	117	Lượng giá chức năng ngôn ngữ	x	x	x	x
2102	118	Lượng giá chức năng dáng đi	x	x	x	x
2103	119	Lượng giá chức năng thăng bằng	x	x	x	x
2104	120	Lượng giá chức năng sinh hoạt hàng ngày	x	x	x	x
2105	121	Lượng giá lao động hướng nghiệp	x	x	x	
2106	122	Thử cơ bằng tay	x	x	x	
2107	123	Đo tầm vận động khớp	x	x	x	x
2108	127	Lượng giá sự phát triển của trẻ theo nhóm tuổi	x	x	x	x
2109	133	Kỹ thuật thông tiểu ngắt quãng trong phục hồi chức năng tủy sống	x	x	x	x

Stt	TT theo TT	Tên kỹ thuật	Tuyến kỹ thuật			
			A	B	C	D
2110	134	Kỹ thuật tập đường ruột cho người bệnh tổn thương tủy sống	x	x	x	x
2111	136	Kỹ thuật điều trị bàn chân khoèo bẩm sinh theo phương pháp Ponsetti	x	x	x	
2112	137	Kỹ thuật băng nẹp bảo vệ bàn tay chức năng *(trong liệt tứ chi)*	x	x	x	x
2113	139	Kỹ thuật băng chun mỏm cụt chi trên	x	x	x	x
2114	140	Kỹ thuật băng chun mỏm cụt chi dưới	x	x	x	x
		E. DỤNG CỤ CHỈNH HÌNH VÀ TRỢ GIÚP (Nhân viên y tế trực tiếp hướng dẫn người bệnh sử dụng và bảo quản)				
2115	141	Kỹ thuật sử dụng tay giả trên khuỷu	x	x	x	x
2116	142	Kỹ thuật sử dụng tay giả dưới khuỷu	x	x	x	x
2117	143	Kỹ thuật sử dụng nẹp dạng khớp háng (SWASH)	x	x	x	x
2118	144	Kỹ thuật sử dụng chân giả tháo khớp háng	x	x	x	x
2119	145	Kỹ thuật sử dụng chân giả trên gối	x	x	x	x
2120	146	Kỹ thuật sử dụng chân giả dưới gối	x	x	x	x
2121	147	Kỹ thuật sử dụng áo nẹp chỉnh hình cột sống ngực- thắt lưng TLSO *(điều trị cong vẹo cột sống)*	x	x	x	x
2122	148	Kỹ thuật sử dụng áo nẹp chỉnh hình cột sống thắt lưng LSO *(điều trị cong vẹo cột sống)*	x	x	x	x
2123	149	Kỹ thuật sử dụng nẹp cổ bàn tay WHO	x	x	x	x
2124	150	Kỹ thuật sử dụng nẹp trên gối có khớp háng HKAFO	x	x	x	x
2125	151	Kỹ thuật sử dụng nẹp gối cổ bàn chân KAFO	x	x	x	x
2126	152	Kỹ thuật sử dụng nẹp cổ bàn chân AFO	x	x	x	x
2127	153	Kỹ thuật sử dụng nẹp bàn chân FO	x	x	x	x
2128	154	Kỹ thuật sử dụng giày dép cho người bệnh phong	x	x	x	x
2129	155	Kỹ thuật sử dụng áo nẹp cột sống thắt lưng cứng	x	x	x	x
2130	156	Kỹ thuật sử dụng áo nẹp cột sống thắt lưng mềm	x	x	x	x
XVIII . ĐIỆN QUANG						
		A. SIÊU ÂM CHẨN ĐOÁN				
		1. Siêu âm đầu, cổ				
2131	1	Siêu âm tuyến giáp	x	x	x	
2132	2	Siêu âm các tuyến nước bọt	x	x	x	
		3 Siêu âm ổ bụng				
2133	15	Siêu âm ổ bung (gan mật, tụy, lách, thận, bàng quang)	x	x	x	
2134	16	Siêu âm hệ tiết niệu (thận, tuyến thượng thận, bàng quang, tiền liệt tuyến)	x	x	x	

Stt	TT theo TT	Tên kỹ thuật	Tuyến kỹ thuật			
			A	B	C	D
2135	18	Siêu âm tử cung phần phụ	x	x	x	
2136	20	Siêu âm thai (thai, nhau thai, nước ối)	x	x	x	
		4. Siêu âm sản phụ khoa				
2137	30	Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường bụng	x	x	x	
2138	31	Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường âm đạo	x	x	x	
2139	34	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng đầu	x	x	x	
2140	35	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng giữa	x	x	x	
2141	36	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng cuối	x	x	x	
		B. CHỤP XQUANG CHẨN ĐOÁN THƯỜNG QUY HOẶC KỸ THUẬT SỐ (CR hoặc DR)				
		1. Chụp Xquang chẩn đoán thường quy				
2142	67	Chụp Xquang sọ thẳng nghiêng	x	x	x	x
2143	68	Chụp Xquang mặt thẳng nghiêng	x	x	x	x
2144	69	Chụp Xquang mặt thấp hoặc mặt cao	x	x	x	x
2145	70	Chụp Xquang sọ tiếp tuyến	x	x	x	x
2146	71	Chụp Xquang hốc mắt thẳng nghiêng	x	x	x	
2147	72	Chụp Xquang Blondeau	x	x	x	x
2148	73	Chụp Xquang Hirtz	x	x	x	x
2149	74	Chụp Xquang hàm chếch một bên	x	x	x	
2150	75	Chụp Xquang xương chính mũi nghiêng hoặc tiếp tuyến	x	x	x	
2151	76	Chụp Xquang hố yên thẳng hoặc nghiêng	x	x	x	x
2152	77	Chụp Xquang Chausse III	x	x	x	
2153	78	Chụp Xquang Schuller	x	x	x	
2154	79	Chụp Xquang Stenvers	x	x	x	
2155	80	Chụp Xquang khớp thái dương hàm	x	x	x	
2156	81	Chụp Xquang răng cận chóp (Periapical)	x	x	x	x
2157	82	Chụp Xquang răng cánh cắn (Bite wing)	x	x	x	
2158	84	Chụp Xquang phim cắn (Occlusal)	x	x	x	
2159	85	Chụp Xquang mỏm trâm	x	x	x	
2160	86	Chụp Xquang cột sống cổ thẳng nghiêng	x	x	x	x
2161	87	Chụp Xquang cột sống cổ chếch hai bên	x	x	x	
2162	88	Chụp Xquang cột sống cổ động, nghiêng 3 tư thế	x	x	x	
2163	89	Chụp Xquang cột sống cổ C1-C2	x	x	x	
2164	90	Chụp Xquang cột sống ngực thẳng nghiêng hoặc chếch	x	x	x	x
2165	91	Chụp Xquang cột sống thắt lưng thẳng nghiêng	x	x	x	x
2166	92	Chụp Xquang cột sống thắt lưng chếch hai bên	x	x	x	x
2167	93	Chụp Xquang cột sống thắt lưng L5-S1 thẳng nghiêng	x	x	x	x
2168	94	Chụp Xquang cột sống thắt lưng động, gập ưỡn	x	x	x	
2169	96	Chụp Xquang cột sống cùng cụt thẳng nghiêng	x	x	x	

Stt	TT theo TT	Tên kỹ thuật	Tuyến kỹ thuật			
			A	B	C	D
2170	97	Chụp Xquang khớp cùng chậu thẳng chếch hai bên	x	x	x	
2171	98	Chụp Xquang khung chậu thẳng	x	x	x	x
2172	99	Chụp Xquang xương đòn thẳng hoặc chếch	x	x	x	x
2173	100	Chụp Xquang khớp vai thẳng	x	x	x	x
2174	101	Chụp Xquang khớp vai nghiêng hoặc chếch	x	x	x	
2175	102	Chụp Xquang xương bả vai thẳng nghiêng	x	x	x	x
2176	103	Chụp Xquang xương cánh tay thẳng nghiêng	x	x	x	x
2177	104	Chụp Xquang khớp khuỷu thẳng, nghiêng hoặc chếch	x	x	x	x
2178	105	Chụp Xquang khớp khuỷu gập (Jones hoặc Coyle)	x	x	x	x
2179	106	Chụp Xquang xương cẳng tay thẳng nghiêng	x	x	x	x
2180	107	Chụp Xquang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chếch	x	x	x	x
2181	108	Chụp Xquang xương bàn ngón tay thẳng, nghiêng hoặc chếch	x	x	x	x
2182	109	Chụp Xquang khớp háng thẳng hai bên	x	x	x	x
2183	110	Chụp Xquang khớp háng nghiêng	x	x	x	
2184	111	Chụp Xquang xương đùi thẳng nghiêng	x	x	x	x
2185	112	Chụp Xquang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chếch	x	x	x	x
2186	113	Chụp Xquang xương bánh chè và khớp đùi bánh chè	x	x	x	
2187	114	Chụp Xquang xương cẳng chân thẳng nghiêng	x	x	x	x
2188	115	Chụp Xquang xương cổ chân thẳng, nghiêng hoặc chếch	x	x	x	x
2189	116	Chụp Xquang xương bàn, ngón chân thẳng, nghiêng hoặc chếch	x	x	x	x
2190	117	Chụp Xquang xương gót thẳng nghiêng	x	x	x	x
2191	119	Chụp Xquang ngực thẳng	x	x	x	x
2192	120	Chụp Xquang ngực nghiêng hoặc chếch mỗi bên	x	x	x	x
2193	121	Chụp Xquang xương ức thẳng, nghiêng	x	x	x	
2194	124	Chụp Xquang khớp ức đòn thẳng chếch	x	x	x	
2195	125	Chụp Xquang bụng không chuẩn bị thẳng hoặc nghiêng	x	x	x	x
2196	127	Chụp Xquang tại giường	x	x	x	
2197	128	Chụp Xquang tại phòng mổ	x	x	x	
XX NỘI SOI, CHẨN ĐOÁN, CAN THIỆP						
		B. TAI - MŨI - HỌNG				
2198	7	Nội soi cầm máu mũi	x	x	x	
2199	10	Nội soi thanh quản ống mềm chẩn đoán	x	x	x	
2200	13	Nội soi tai mũi họng	x	x	x	
		Đ. TIÊU HOÁ- Ổ BỤNG				
2201	80	Nội soi thực quản, dạ dày, tá tràng	x	x	x	
2202	81	Nội soi đại tràng sigma	x	x	x	
2203	82	Soi trực tràng	x	x	x	
XXI .THĂM DÒ CHỨC NĂNG						

Stt	TT theo TT	Tên kỹ thuật	Tuyến kỹ thuật			
			A	B	C	D
		A. TIM, MẠCH				
2204	13	Nghiệm pháp dây thắt	x	x	x	x
2205	14	Điện tim thường	x	x	x	x
		Đ. TAI MŨI HỌNG				
2206	69	Đo âm ốc tai (OAE) sàng lọc	x	x	x	
		E. MẮT				
2207	77	Test thử cảm giác giác mạc	x	x	x	
2208	78	Test phát hiện khô mắt	x	x	x	
2209	79	Nghiệm pháp phát hiện glocom	x	x	x	
2210	80	Đo thị trường trung tâm, tìm ám điểm	x	x	x	
2211	81	Đo thị trường chu biên	x	x	x	
2212	82	Đo sắc giác	x	x	x	
2213	83	Đo khúc xạ khách quan (soi bóng đồng tử - Skiascope)	x	x	x	
2214	84	Đo khúc xạ máy	x	x	x	
2215	85	Đo khúc xạ giác mạc Javal	x	x	x	
2216	86	Thử kính	x	x	x	
2217	87	Đo độ lác	x	x	x	
2218	88	Xác định sơ đồ song thị	x	x	x	
2219	89	Đo độ sâu tiền phòng	x	x	x	
2220	90	Đo đường kính giác mạc	x	x	x	
2221	92	Đo nhãn áp (Maclakov, Goldmann, Schiotz…)	x	x	x	x
2222	93	Đo thị lực	x	x	x	x
		G. CƠ XƯƠNG KHỚP				
2223	105	Nghiệm pháp Atropin	x	x	x	x
XXII. HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU						
		A. XÉT NGHIỆM ĐÔNG MÁU				
2224	15	Nghiệm pháp rượu (Ethanol test)	x	x	x	
2225	19	Thời gian máu chảy phương pháp Duke	x	x	x	x
2226	21	Co cục máu đông (Tên khác: Co cục máu)	x	x	x	x
2227	22	Nghiệm pháp dây thắt	x	x	x	x
		B. SINH HÓA HUYẾT HỌC				
2228	117	Định lượng sắt huyết thanh	x	x	x	
		C. TẾ BÀO HỌC				
2229	118	Dàn tiêu bản máu ngoại vi (Phết máu ngoại vi)	x	x	x	x
2230	119	Phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng phương pháp thủ công)	x	x	x	
2231	120	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm tổng trở)	x	x	x	
2232	121	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser)	x	x	x	

Stt	TT theo TT	Tên kỹ thuật	Tuyến kỹ thuật			
			A	B	C	D
2233	139	Tìm ký sinh trùng sốt rét trong máu (bằng phương pháp thủ công)	x	x	x	x
2234	140	Tìm ký sinh trùng sốt rét trong máu (bằng phương pháp tập trung hồng cầu nhiễm)	x	x	x	
2235	142	Máu lắng (bằng phương pháp thủ công)	x	x	x	
2236	149	Xét nghiệm tế bào cặn nước tiểu (bằng phương pháp thủ công)	x	x	x	
2237	151	Cặn Addis	x	x	x	
2238	160	Thể tích khối hồng cầu (hematocrit) bằng máy ly tâm	x	x	x	
2239	161	Định lượng huyết sắc tố (hemoglobin) bằng quang kế	x	x	x	
2240	163	Xét nghiệm số lượng và độ tập trung tiểu cầu (bằng phương pháp thủ công)	x	x	x	
2241	164	Xét nghiệm số lượng và độ tập trung tiểu cầu (bằng máy đếm laser)	x	x	x	
		D. HUYẾT THANH HỌC NHÓM MÁU				
2242	279	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x	x	
2243	280	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật phiến đá)	x	x	x	
2244	292	Định nhóm máu hệ Rh(D) (Kỹ thuật phiến đá)	x	x	x	
		G. TRUYỀN MÁU				
2245	457	Lấy máu toàn phần từ người hiến máu	x	x	x	
2246	466	Xét nghiệm sàng lọc ký sinh trùng sốt rét đối với đơn vị máu toàn phần và thành phần máu bằng kỹ thuật nhuộm giêmsa soi kính hiển vi	x	x	x	x
		H. HUYẾT HỌC LÂM SÀNG				
2247	501	Truyền máu tại giường bệnh (bệnh nhân điều trị nội - ngoại trú)	x	x	x	
2248	502	Định nhóm máu tại giường bệnh trước truyền máu	x	x	x	
XXIII. HÓA SINH						
		A. MÁU				
2249	3	Định lượng Acid Uric	x	x	x	
2250	7	Định lượng Albumin	x	x	x	
2251	10	Đo hoạt độ Amylase	x	x	x	
2252	19	Đo hoạt độ ALT (GPT)	x	x	x	
2253	20	Đo hoạt độ AST (GOT)	x	x	x	
2254	25	Định lượng Bilirubin trực tiếp	x	x	x	
2255	26	Định lượng Bilirubin gián tiếp	x	x	x	
2256	27	Định lượng Bilirubin toàn phần	x	x	x	
2257	29	Định lượng Calci toàn phần	x	x	x	
2258	30	Định lượng Calci ion hoá	x	x	x	
2259	41	Định lượng Cholesterol toàn phần	x	x	x	

Stt	TT theo TT	Tên kỹ thuật	Tuyến kỹ thuật			
			A	B	C	D
2260	50	Định lượng CRP hs (C-Reactive Protein high sesitivity)	x	x	x	
2261	51	Định lượng Creatinin	x	x	x	
2262	58	Điện giải đồ (Na, K, Cl)	x	x	x	
2263	75	Định lượng Glucose	x	x	x	
2264	83	Định lượng HbA1c	x	x	x	
2265	84	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol)	x	x	x	
2266	112	Định lượng LDL - C (Low density lipoprotein Cholesterol)	x	x	x	
2267	133	Định lượng Protein toàn phần	x	x	x	
2268	143	Định lượng Sắt	x	x	x	
2269	158	Định lượng Triglycerid	x	x	x	
2270	166	Định lượng Urê	x	x	x	
		B. NƯỚC TIỂU				
2271	172	Điện giải niệu (Na, K, Cl)	x	x	x	
2272	175	Đo hoạt độ Amylase	x	x	x	
2273	176	Định lượng Axit Uric	x	x	x	
2274	180	Định lượng Canxi	x	x	x	
2275	184	Định lượng Creatinin	x	x	x	
2276	187	Định lượng Glucose	x	x	x	
2277	193	Định tính Opiate (test nhanh)	x	x	x	x
2278	194	Định tính Morphin (test nhanh)	x	x	x	x
2279	195	Định tính Codein (test nhanh)	x	x	x	x
2280	196	Định tính Heroin (test nhanh)	x	x	x	x
2281	201	Định lượng Protein	x	x	x	
2282	206	Tổng phân tích nước tiểu (Bằng máy tự động)	x	x	x	x
XXIV. VI SINH						
		A. VI KHUẨN				
		1. Vi khuẩn chung				
2283	1	Vi khuẩn nhuộm soi	x	x	x	x
2284	2	Vi khuẩn test nhanh	x	x	x	x
2285	16	Vi hệ đường ruột	x	x	x	x
		2. Mycobacteria				
2286	17	AFB trực tiếp nhuộm Ziehl-Neelsen	x	x	x	x
		3. Vibrio cholerae				
2287	42	*Vibrio cholerae* soi tươi	x	x	x	x
2288	43	*Vibrio cholerae* nhuộm soi	x	x	x	x
		4. Neisseria gonorrhoeae				
2289	49	*Neisseria gonorrhoeae* nhuộm soi	x	x	x	x
		5. Neisseria meningitidis				

Stt	TT theo TT	Tên kỹ thuật	Tuyến kỹ thuật			
			A	B	C	D
2290	56	*Neisseria meningitidis* nhuộm soi	x	x	x	x
		6. Các vi khuẩn khác				
2291	73	*Helicobacter pylori* Ag test nhanh	x	x	x	x
2292	74	*Helicobacter pylori* Ab test nhanh	x	x	x	x
		B. VIRUS				
		2. Hepatitis virus				
2293	117	HBsAg test nhanh	x	x	x	x
2294	122	HBsAb test nhanh	x	x	x	x
2295	127	HBcAb test nhanh	x	x	x	x
2296	130	HBeAg test nhanh	x	x	x	x
2297	133	HBeAb test nhanh	x	x	x	x
2298	144	HCV Ab test nhanh	x	x	x	x
		3. HIV				
2299	169	HIV Ab test nhanh	x	x	x	x
		4. Dengue virus				
2300	183	Dengue virus NS1Ag test nhanh	x	x	x	x
2301	184	Dengue virus NS1Ag/IgM/IgG test nhanh	x	x	x	x
2302	187	Dengue virus IgM/IgG test nhanh	x	x	x	x
		7. Các virus khác				
2303	249	Rotavirus test nhanh	x	x	x	x
		C. KÝ SINH TRÙNG				
		1. Ký sinh trùng trong phân				
2304	263	Hồng cầu, bạch cầu trong phân soi tươi	x	x	x	x
2305	264	Hồng cầu trong phân test nhanh	x	x	x	x
2306	267	Trứng giun, sán soi tươi	x	x	x	x
2307	268	Trứng giun soi tập trung	x	x	x	x
		2. Ký sinh trùng trong máu				
2308	289	*Plasmodium* (Ký sinh trùng sốt rét) nhuộm soi định tính	x	x	x	x
2309	291	*Plasmodium* (Ký sinh trùng sốt rét) Ag test nhanh	x	x	x	x
		4. Ký sinh trùng trong các bệnh phẩm khác				
2310	318	*Trichomonas vaginalis* soi tươi	x	x	x	x
2311	317	*Trichomonas vaginalis* nhuộm soi	x	x	x	
		D. VI NẤM				
2312	319	Vi nấm soi tươi	x	x	x	x
2313	321	Vi nấm nhuộm soi	x	x	x	
		Đ. ĐÁNH GIÁ NHIỄM KHUẨN BỆNH VIỆN				
2314	328	Vi sinh vật cấy kiểm tra không khí	x	x	x	
2315	330	Vi sinh vật cấy kiểm tra bàn tay	x	x	x	
2316	331	Vi sinh vật cấy kiểm tra dụng cụ đã tiệt trùng	x	x	x	

Stt	TT theo TT	Tên kỹ thuật	Tuyến kỹ thuật			
			A	B	C	D
2317	332	Vi sinh vật cấy kiểm tra bề mặt	x	x	x	
2318	336	Vi khuẩn gây nhiễm trùng bệnh viện - Phát hiện nguồn nhiễm	x	x	x	
XXV. GIẢI PHẪU BỆNH VÀ TẾ BÀO HỌC						
2319	76	Nhuộm Giemsa	x	x	x	x
XXVII. PHẪU THUẬT NỘI SOI						
		D. BỤNG – TIÊU HOÁ				
		5. Ruột thừa				
2320	187	Phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa	x	x	x	
2321	190	Phẫu thuật nội soi điều trị áp xe ruột thừa trong ổ bụng	x	x	x	
2322	191	Phẫu thuật nội soi viêm phúc mạc do viêm ruột thừa	x	x	x	
XXVIII. TẠO HÌNH - THẨM MỸ						
		A. TẠO HÌNH VÙNG ĐẦU - MẶT - CỔ				
		1. Vùng xương sọ- da đầu				
2323	1	Cắt lọc - khâu vết thương da đầu mang tóc	x	x	x	x
2324	2	Cắt lọc - khâu vết thương vùng trán	x	x	x	x
2325	3	Phẫu thuật che phủ vết thương khuyết da đầu mang tóc bằng vạt tại chỗ	x	x	x	
2326	4	Phẫu thuật che phủ vết thương khuyết da đầu mang tóc bằng vạt lân cận	x	x	x	
2327	9	Phẫu thuật cắt bỏ u da lành tính vùng da đầu dưới 2cm	x	x	x	
2328	10	Phẫu thuật cắt bỏ u da lành tính vùng da đầu từ 2cm trở lên	x	x	x	
		2. Vùng mi mắt				
2329	33	Xử lý vết thương phần mềm nông vùng mi mắt	x	x	x	x
2330	34	Khâu da mi	x	x	x	
2331	36	Khâu cắt lọc vết thương mi	x	x	x	x
		3. Vùng mũi				
2332	83	Khâu và cắt lọc vết thương vùng mũi	x	x	x	
		4. Vùng môi				
2333	110	Khâu vết thương vùng môi	x	x	x	
2334	111	Phẫu thuật tái tạo khuyết nhỏ do vết thương môi	x	x	x	
2335	112	Phẫu thuật tái tạo khuyết lớn do vết thương môi	x	x	x	
		5. Vùng tai				
2336	136	Phẫu thuật khâu vết rách đơn giản vành tai	x	x	x	x
2337	137	Khâu cắt lọc vết thương vành tai	x	x	x	x
		6. Vùng hàm mặt cổ				
2338	161	Phẫu thuật khâu đơn giản vết thương vùng mặt cổ	x	x	x	x
2339	162	Phẫu thuật vết thương phần mềm vùng hàm mặt không thiếu hổng tổ chức	x	x	x	x

Stt	TT theo TT	Tên kỹ thuật	Tuyến kỹ thuật			
			A	B	C	D
2340	163	Cắt lọc tổ chức hoại tử hoặc cắt lọc vết thương đơn giản	x	x	x	x
2341	167	Phẫu thuật khâu vết thương thấu má	x	x	x	
2342	175	Điều trị gãy xương chính mũi bằng nắn chỉnh	x	x	x	
2343	225	Cắt u phần mềm vùng cổ	x	x	x	
		D. TẠO HÌNH VÙNG CHI TRÊN VÀ BÀN TAY				
2344	334	Phẫu thuật vết thương khớp bàn ngón	x	x	x	
2345	337	Nối gân gấp	x	x	x	
XXII. HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU						
		A. XÉT NGHIỆM ĐÔNG MÁU				
2346	2	Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin Time), (Các tên khác: TQ; Tỷ lệ Prothrombin) bằng máy bán tự động	x	x	x	
2347	4	Xét nghiệm nhanh INR (Có thể kèm theo cả chỉ số PT%, PTs) bằng máy cầm tay	x	x	x	x
2348	6	Thời gian thromboplastin một phần hoạt hóa (APTT: Activated Partial Thromboplastin Time) (Tên khác: TCK) bằng máy bán tự động.	x	x	x	
2349	12	Định lượng Fibrinogen (Tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp gián tiếp, bằng máy bán tự động	x	x	x	
XVIII. HÓA SINH						
		A. MÁU				
2350	77	Đo hoạt độ GGT (Gama Glutamyl Transferase)	x	x	x	
XXIV. VI SINH						
		B. VIRUS				
2351	118	HBsAg miễn dịch bán tự động	x	x	x	
2352	123	HBsAb miễn dịch bán tự động	x	x	x	
2353	131	HBeAg miễn dịch bán tự động	x	x	x	
2354	134	HBeAb miễn dịch bán tự động	x	x	x	
2355	145	HCV Ab miễn dịch bán tự động	x	x	x	
2356	155	HAV Ab test nhanh	x	x	x	
2357	171	HIV Ab miễn dịch bán tự động	x	x	x	
		C. KÝ SINH TRÙNG				
2358	296	Toxocara (Giun đũa chó, mèo) Ab miễn dịch bán tự động	x	x	x	
		G. CÁC KỸ THUẬT KHÁC				
2359	228	Định lượng CRP	x	x	x	
2360	234	Đường máu mao mạch	x	x	x	
2361	244	Phản ứng CRP	x	x	x	

2. Danh mục kỹ thuật vượt tuyến: 48 kỹ thuật

Stt	TT theo TT	Tên kỹ thuật	Tuyến kỹ thuật			
			A	B	C	D
III. NHI KHOA						
		I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC				
		E. TOÀN THÂN				
1	186	Chiếu đèn điều trị vàng da sơ sinh	x	x		
X-NGOẠI KHOA						
		Đ-TIÊU HÓA				
		7. Tầng sinh môn				
2	571	Phẫu thuật cắt lọc, xử lý vết thương tầng sinh môn đơn giản	x	x		
		G. CHẤN THƯƠNG – CHỈNH HÌNH				
		4. Vùng bàn tay				
3	749	Phẫu thuật tổn thương gân duỗi cẳng và bàn ngón tay	x	x		
4	750	Phẫu thuật tổn thương gân gấp của cổ tay và cẳng tay	x	x		
5	751	Phẫu thuật tổn thương gân gấp bàn – cổ tay	x	x		
6		**11. Tổn thương phần mềm**				
7	808	Phẫu thuật dập nát phần mềm các cơ quan vận động	x	x		
8	809	Phẫu thuật vết thương bàn tay tổn thương gân duỗi	x	x		
9	810	Phẫu thuật vết thương bàn tay tổn thương gân duỗi	x	x		
10	811	Phẫu thuật vết thương phần mềm tổn thương gân gấp	x	x		
		16. Phẫu thuật chấn thương chỉnh hình khác				
11	952	Phẫu thuật sửa mỏm cụt chi	x	x		
12	953	Phẫu thuật sửa mỏm cụt ngón tay/ ngón chân (1 ngón)	x	x		
XII. UNG BƯỚU						
		A. ĐẦU-CỔ				
13	6	Cắt các loại u vùng mặt có đường kính dưới 5 cm	x	x		
XIII. PHỤ SẢN						
		A. SẢN KHOA				

14	2	Phẫu thuật lấy thai lần hai trở lên	x	x		
15	3	Phẫu thuật lấy thai trên người bệnh có sẹo mổ bụng cũ phức tạp	x	x		
16	5	Phẫu thuật lấy thai do bệnh lý sản khoa (rau tiền đạo, rau bong non, tiền sản giật, sản giật...)	x	x		
		B. PHỤ KHOA				
17	68	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn	x	x		
18	69	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn cả khối	x	x		
19	74	Phẫu thuật mở bụng xử trí viêm phúc mạc tiểu khung, viêm phần phụ, ứ mủ vòi trứng	x	x		
20	116	Phẫu thuật chấn thương tầng sinh môn	x	x		
		E. PHÁ THAI				
21	235	Phá thai người bệnh có sẹo mổ lấy thai cũ	x	x		
XXIII. SINH HÓA						
		A. MÁU				
22	60	Định lượng Ethanol (cồn)	x	x		
XVI. RĂNG-HÀM-MẶT						
		A. RĂNG				
23	52	Điều trị tuỷ răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trâm xoay cầm tay	x	x		
24	199	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm trên	x	x		
25	200	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm dưới	x	x		
26	201	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch có cắt thân	x	x		
27	202	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch có cắt thân chia chân răng	x	x		
XVIII. ĐIỆN QUANG						
		A. SIÊU ÂM CHẨN ĐOÁN				
28	3	Siêu âm cơ phần mềm vùng cổ mặt	x	x		
29	4	Siêu âm hạch vùng cổ	x	x		
30	12	Siêu âm thành ngực (cơ, phần mềm thành ngực)	x	x		
31	42	Siêu âm tầm soát dị tật thai nhi	x	x		
32	44	Siêu âm phần mềm (da, tổ chức dưới da, cơ….)	x	x		
33	49	Siêu âm tim, màng tim qua thành ngực	x	x		
34	52	Siêu âm Doppler tim, van tim	x	x		
35	54	Siêu âm tuyến vú hai bên	x	x		
36	57	Siêu tinh hoàn hai bên	x	x		
37	59	Siêu âm dương vật	x	x		
XXI. THĂM DÒ CHỨC NĂNG						

		B. HÔ HẤP				
38	18	Test giãn phế quản (broncho modilator test)	x	x		
39	19	Đo hô hấp ký	x	x		
XXIII. HÓA SINH						
		A. MÁU				
40	43	Đo hoạt độ CK-MB (Isozym MB of Creatine kinase)	x	x		
41	63	Định lượng Ferritin	x	x		
42	147	Định lượng T3 (Tri iodothyronine)	x	x		
43	148	Định lượng T4 (Thyroxine)	x	x		
44	159	Định lượng Troponin T	x	x		
45	160	Định lượng Troponin Ths	x	x		
46	161	Định lượng Troponin I	x	x		
47	162	Định lượng TSH (Thyroid Stimulating hormone)	x	x		
		G. CÁC KỸ THUẬT KHÁC				
48	241	Nồng độ rượu trong máu	x	x		